

CỔ VĂN VIỆT NAM

VÔ DANH THỊ

truyện
NHỊ ĐỘ MAI

Thi-Nham DINH GIA THUYẾT
ĐÌNH-CHÍNH và CHỦ-THÍCH



xuân thu

PO BOX 720065 HOUSTON TX 77272
(713) 498-1474

CỔ VĂN VIỆT NAM

VÔ DANH THỊ

truyện
NHỊ ĐỘ MAI

Thi-Nham DINH GIA THUYẾT

ĐÌNH-CHÍNH và CHÚ-THÍCH



Xuân Thụ

Cơ Sở Ấn Loát và Phát Hành Đồ Loại Sách, Tiểu Thuyết, Tỳ Điện Thông Dụng
Phục Vụ Cộng-Đồng Người Việt Tại Hoa Kỳ và Hải Ngoại Từ Năm 1976
P.O. Box 720065, Houston, Texas 77272 U.S.A. (713) 498-1474

CÙNG BẠN ĐỌC

Chúng tôi định-chính, chú-thích Nhị Độ Mai, mục-đích vẫn không ngoài công-việc chúng tôi đã chủ-trương.

Bảo-tồn cổ văn Việt-nam.

Giúp tài-liệu về Việt-văn cho các lớp Trung-học.

Văn-chương Nhị Độ Mai, cố-nhiên chẳng được như văn Kiều, cũng kém cả văn Phan Trần và Bích Câu. Truyện kết-cấu cũng vụng, thành ra các vai lộn-xộn rồi-ren, tình-liết nhiều chỗ trùng điệp. Nhưng trái lại, Nhị Độ Mai có cái đặc-điểm là có những câu tiêu đối về « hình-dung-từ » rất réo-rắt và khéo-léo. Đại khái như :

« Hang men-móc vượn, cây xào-xạc chìm (câu thứ 216) ;

« Mặt ngăn-ngắt tím, mắt xòng-xọc trông (câu thứ 388) ;

« Cất quang-quảng bệnh, nhẹ thênh-thênh người (câu 1888) ;

« Áo tươm-tuột rách, mặt bì-bì sưng (câu 2190) ;

« Ngoài thơn-thớt miệng, trong tâm-ngẫm lòng (câu 2338).

Những câu như thế, ai nghe cũng có thể định nghĩa được. Như nghe câu 216, thì biết ngay là nơi hiểm-trở quanh-hiu ; nghe câu 388, thì biết ngay là người tức-lỗi giận dữ ; câu 1888, rõ ra một bệnh-nhân mới tỉnh ; câu 2190, rõ ra một thân-hình bị đánh-xé, và câu 2338 thì y như vẽ truyền-thần con người nham-hiểm sâu-sắc nước đời !

Cũng vì Nhị Độ Mai có cái lối văn bình-dị phổ-thông, lại là truyện trung, hiếu, tiết, nghĩa, có tính-cách luân-thường, nên rất được phổ-biến trong dân-chúng. Lại cũng vì thế mà chúng tôi đã được nhẹ công về phần đính-chính đôi chút. Còn về phần chú-thích, chúng tôi vẫn xin theo đuổi nguyên-tắc : « Biết đến đâu tàu đến đấy ». Mặc dù có ít nhiều câu hơi hơi nghĩa, cũng không dám thiện-tiện thay đổi, e đắc tội với cổ-nhân, chỉ xin trân-trọng hạ dấu hỏi để kinh chất cùng độc-giả chur tồn.

Nhị Độ Mai còn có những bài thơ, theo các bản thì các bài dịch âm phần nhiều không được sát, lại cũng có bài khác hẳn, đây chúng tôi để vào phần phụ-chú và dịch thêm nghĩa đen theo nguyên-văn chữ Hán, gọi là tồn cổ, xin độc-giả nhận biết cho.

Hà-nội 15 - 7 - 52

Thi Nham

TOÁT-YẾU

Truyện này do một tác-giả vô danh Việt-nam dựa theo cốt truyện « Trung-hiếu-tiết-nghĩa Nhị Độ Mai », một cuốn luân-lý tiểu-thuyết của người Tàu, diễn theo thể văn lục-bát của ta, cũng lấy nhan là « Nhị Độ Mai 二度梅 »; vì trong truyện có đoạn hoa mai nở hai lần, được truyền làm giai-thoại.

Truyện gồm có 2816 câu — không kể thơ — có thể tóm-tắt chia ra làm 7 hồi :

Hồi thứ nhất

MAI-CÔNG THẮNG QUAN

Đời Đường Đức Tông (780-805) có Mai Bá Cao, tri-huyện Lịch-thành, vốn người thanh-liêm trung-trực. Bấy giờ trong triều có hai gian-thần là Lư Kỷ, Hoàng Tung, ông vốn căm-ghét, chỉ mong có dịp sẽ ra tay trừ-khử. Thì bỗng có chiếu-chỉ được thăng chức Lại-khoa cấp-sự, ông bèn nhất định cùng bọn Lư, Hoàng một còn một mất ; cho vợ con về quê quán, chỉ đem một gia-đình là Mai Bạch đi theo. Khi sắp lai kinh, ông dặn-dò phu-nhân, công-tử, các nha-lại và yên-ủi dân hạt Lịch-thành rất là cảm-động.

Hồi thứ hai

MAI-CÔNG NGỘ HẠI

Về đến Kinh, sau khi bị kiến, ông qua Tương-phủ định vào chào, nhưng quan hầu đòi lễ trình, ông giận mắng, trở về, không vào nữa. Cách mấy bữa, Lư Kỷ mở tiệc thọ sáu mươi, bất-đắc-dĩ ông phải đến mừng, nhưng lễ mừng chỉ có vài cân miến, mấy cây sáo ; lúc tiếp chuyện, ông có ý chỉ-trích mặt-sát, Lư Kỷ căm-tức, lập tâm hãm-hại. Nhân có giặc Thát phạm cõi, Lư Kỷ mật tâu vu cho Mai-công giao-thông với giặc. Vua Đường truyền đem chém, Lư Kỷ xin đợi cho rõ tang-chứng. Rồi một buổi triều, Lư tâu xin cử Phùng Lạc Thiên và Trần Đông Sơ là hai bạn của Mai-công đi đánh giặc Thát. Ông khải tâu hai văn-thần không quen việc binh, vả giặc Thát không cần phải đánh, chỉ đem thóc kho phát cho dân đói và chém đầu hai gã Lư, Hoàng, để trừ kẻ gian-thần làm lầm việc nước, khắc là giặc Thát qui-hàng. Vì đã tin lời Lư Kỷ tâu lót trước, vua Đường nổi giận, cho là Mai-công vì giặc hoãn binh, bèn truyền đem hành hình và cách chức họ Trần, họ Phùng ; lại ra mật lệnh truy-nã cả nhà họ Mai, đều là do thủ-đoạn thâm độc của Lư Kỷ.

Hồi thứ ba

MAI PHU-NHÂN CÙNG CÔNG-TỬ LÁNH NẠN

Sau khi Mai-công đã bị hành hình, gia-đình Mai Bạch trốn về báo tin, chẳng may giữa đường mắc bệnh chết. Nhờ có Đồ Thân phi báo, Mai phu-nhân cùng công-tử trốn thoát. Phu-nhân có em ruột làm quan ở Sơn-đông, liền đến nương-náu. Còn công-tử Mai Lương Ngọc thì cùng đầy-tớ là Vương Hỉ Đồng định đến lánh nạn ở nhà bố vợ chưa cưới là Hầu Loan, đương làm Tri-huyện Nghi-trung.

Muốn thử bụng họ Hầu, Hỉ Đồng mặc giả làm Mai-sinh, vào kẻ tình đầu. Hầu Loan trở mặt sai bắt, đợi giải nộp để lấy công. Đã bực sẵn gói thuốc độc, Hỉ Đồng tự tử thay Mai-sinh ; chàng lên đắp mả Hỉ Đồng rồi lánh đi, vợ-vẫn đến một cảnh chùa, nghĩ thấy cực thân, liền tự-ái trên cành cây ; may có nhà sư cứu sống, nuôi cho ở chùa, giúp việc trồng cảnh vun hoa.

Hồi thứ tư

HOA MAI NỞ HAI LẦN

Trong khi ở chùa Mai-sinh nhận tên là Hỉ Đồng. Một hôm Trần Đông Sơ — chính là em nhà sư — sang chơi chùa, thấy vườn cảnh của nhà chùa tươi đẹp, bèn xin nhà sư đem Mai-sinh về làm vườn. Hôm giỗ đầu Mai-công, Trần-công nhớ thương bạn cũ, sửa lễ cúng ở ngoài vườn, khẩn thềm : Nếu họ Mai có còn dòng-dõi nên người thì hoa mai nở bội thường. Không ngờ đêm ấy mưa to gió lớn, hoa mai rụng hết. Trần-công chán-nản cuộc đời, định theo anh xuất gia đầu phật. Con gái là Hạnh Nguyên can không được, nài xin cầu-khẩn cho hoa mai nở hai lần. Ba hôm sau, hoa mai lại nở, so với lần trước có phần mỹ-mãn hơn. Trần-công mừng, truyền làm tiệc thưởng mai vịnh thơ. Bỗng thấy trên vách hoa-dinh đã có thơ đề, hỏi ra thì là của Hỉ Đồng, mọi người bèn cứ theo đó họa vắn ; từ đấy Hỉ Đồng được biệt đãi. Sau vì có sự tò-mò của một đứa ở gái, mới rõ Hỉ Đồng chính là Mai công-tử. Ông bà Trần Đông Sơ bàn nhau gả Hạnh Nguyên cho Mai Lương Ngọc, nhưng còn giữ kín, « bảng vàng rõ mặt, đuốc hoa định ngày ».

Hồi thứ năm

NHÀ HỌ TRẦN TAN-NÁT

Trần-công tuy đã bị cách quan. Lư Kỷ vẫn còn căm-ghét, vì là phe trung-trực. Bấy giờ có nước

Sa-dà động binh, Lur tàu bắt con gái Trần-công là Hạnh Nguyên đi cống. Đi đến Lạc-nhận-đài, Hạnh Nguyên gieo mình tự tận. trôi giạt vào nhà Châu Bá Phù, được nhận làm con gái nuôi, cùng ở với Châu tiểu-thư là Vạn Anh. Về phần Trần-công, sau khi Hạnh Nguyên đi cống-hồ, thì ông bị bắt giam, lại bị truy-nã cả gia-quyến. Mai-sinh cùng Xuân-sinh, con trai Trần-công, đi tiễn Hạnh Nguyên, được tin chạy trốn, giữa đường gặp cướp, hai người lạc nhau.

Hồi thứ sáu

CUỘC GẶP - GỠ CỦA MAI-SINH, XUÂN-SINH

Mai-sinh bị cướp bóc-lột, ngồi ở bờ sông, bỗng có quan thuyền chèo qua, bị bắt xuống xét hỏi. Thì ra là Phùng Lạc Thiên về kinh phục chức. Mai-sinh không dám nói thực, liền khai tên là Mục Vinh. Sau được Phùng-công đề cử theo giúp việc quan Tuần-án Hà-nam là Châu Bá Phù. Châu thấy Mục Vinh có tài văn-chương, mới cho chàng về quê học-tập để đi thi, viết thư kín cho phu-nhân, định sẽ gả Vạn Anh cho chàng. Nhân thế Mai-sinh được gặp Hạnh Nguyên ở nhà họ Châu, mới xảy ra những chuyện mất thoa và ốm tương-tự rắc-rối buồn cười. Còn Xuân-sinh, sau khi bị cướp, lạc bạn lẻ-loi, đã liều đâm đầu xuống sông tự tận. Nhờ được Ngư-bà cứu đem về nuôi và hứa gả con gái nuôi là Ngọc Thư. Sau bỗng vì sự kiện-cáo, tình-cờ gặp Khâu Đề-đốc — mới mạo tên là Khâu Khôi — lại đính-hôn với Khâu tiểu-thư Vạn Tiên.

Hồi thứ bảy

LƯ, HOÀNG PHẢI TỘI, MAI, TRẦN HIỀN-VINH.

Hai người đi thi, Mục Vinh tức Mai-sinh đỗ Trạng-nguyên, Khâu Khôi tức Xuân-sinh đỗ Bảng-

nhân. Lư Kỷ ép gả con gái cho Khâu Khôi, chàng từ chối đã có vợ không chịu lấy ; Lư Kỷ giận bắt bỏ ngục, định sẽ vu tấu để bắt tội. Tin ấy làm cho các cống-sỹ khích - phần, họp nhau cứu Bảg-nhân. Nhân buổi sáng sớm, Lư Kỷ, Hoàng Tung vào chầu, chúng đón ngang đường đánh xé. Khi được triệu vào đối chất, bọn cống-sỹ tâu rõ sự lộng quyền ức hiếp của Lư, Hoàng. Vua Đường giao tòa Tam-pháp xét xử. Kết cuộc hai gian-thần bị xử chém, Trần Đông Sơ được tha ra khỏi ngục và được thăng trật. Mục Vinh, Khâu Khôi được phục họ tên và ban chức.

Mai-sinh được đi tuần thú thay vua, nhân tiện rước linh-cữu, đón mẫu-thần, viếng mả Hỉ Đồng, cất Đồ Thần lên chức Huyện-quan, trị tội Hầu Loan, cách chức Sử-công là phe đảng gian-thần. Báo ân báo oán xong, mới làm lễ thành-hôn với Hạnh Nguyên và Vân Anh. Xuân-sinh cũng làm lễ thành-hôn cùng Vân Tiên và Ngọc Thư, hai nhà sum-hợp trúc mai, càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sông !

...

Trong 7 hồi trên này, có thể chia tách ra làm 64 đoạn :

- 1.— Mở đầu,
- 2.— Mai Bà Cao cùng con : Lương Ngọc.
- 3.— Thăng quan Kinh, Mai-công dẫn vợ con.
- 4.— Mai-công dẫn nha-lại.
- 5.— Tình-cảnh nhà họ Mai trước khi tương-biệt.
- 6.— Dân Lịch-thành ái-mộ Mai-công.
- 7.— Kể ở người đi.
- 8.— Phong-cảnh dọc đường, từ Lịch-thành đến Kinh-sư.
- 9.— Quang-cảnh nơi kinh-đô.
- 10.— Mai-công vào chầu và qua tương-phủ.

- 11.— Mai-công đến thăm Phùng Đồ-sát.
- 12.— Mai-công đến mừng tiệc thọ Lư Kỷ.
- 13.— Lư Kỷ hăm-hại Mai-công.
- 14.— Gia-quyển nhà họ Mai tránh nạn.
- 15.— Nông-nổi Mai-sinh trong khi tránh nạn.
- 16.— Mai-sinh tự ải, được nhà sư cứu sống.
- 17.— Cuộc gặp-gỡ giữa Mai-sinh với họ Trần.
- 18.— Cảm-tưởng của Mai - sinh trong khi ở
Trần - phủ.
- 19.— Mỗi tình của Mai - sinh, khi trông thấy
Hạnh Nguyên.
- 20.— Thăm vườn mai, Trần-công nhớ bạn.
- 21.— Mai hai độ nở.
- 22.— Bị lộ chân-tượng, Mai-sinh thú thực.
- 23.— Trần - công bàn gả Hạnh Nguyên cho
Mai-sinh.
- 24.— Trước khi đi cống Hồ, Hạnh Nguyên từ
giã gia - quyến.
- 25.— Mai - sinh và Xuân - sinh đi tiễn Hạnh
Nguyên.
- 26.— Hạnh Nguyên cùng Mai-sinh tự tình trên
trùng-đài.
- 27.— Hạnh Nguyên cải trang.
- 28.— Lúc chia rẽ mỗi người mỗi ngả.
- 29.— Hạnh Nguyên yết đền Tó-Vũ.
- 30.— Hạnh Nguyên yết miếu Chiêu Quân.
- 31.— Đến Lạc-nhạn-đài, Hạnh - Nguyên gieo
mình.
- 32.— Hạnh Nguyên được đưa về nhà Châu Bá
Phủ.
- 33.— Hạnh Nguyên trần tình với Châu phu-
nhân.
- 34.— Cùng đi lánh nạn, Mai-sinh và Xuân-sinh
lạc nhau.
- 35.— Mai-sinh gặp Phùng Lạc Thiên.

- 36.— Mang tên Mục Vinh, Mai - sinh về giúp
Châu Bá Phủ.
- 37.— Tình-cảnh Xuân-sinh sau khi lạc bạn.
- 38.— Xuân-sinh gieo mình, được ngư-bà cứu
sống.
- 39.— Ngư-bà hứa gả con gái nuôi cho Xuân-
sinh.
- 40.— Cướp gái đẹp, Giang Khôi bị phạt.
- 41.— Xuân-sinh gặp gỡ Khâu Đề-đốc.
- 42.— Tình-cảnh Mục Vinh khi về ở Châu-phủ.
- 43.— Mai-sinh tưởng nhớ Hạnh Nguyên.
- 44.— Hạnh Nguyên tưởng nhớ Mai-sinh.
- 45.— Trong khi ốm nặng, hai người cùng dẫn
Châu phu-nhân.
- 46.— Sau khi rõ tình, hai người cùng khỏi bệnh.
- 47.— Mai-sinh và Hạnh Nguyên nhận nhau ở
Châu-phủ.
- 48.— Châu-công về thăm nhà, bàn gả Vân Anh
cho Mai-sinh.
- 49.— Mai-sinh đi thi đội tên Mục Vinh.
- 50.— Xuân-sinh đi thi đội tên Khâu Khôi.
- 51.— Mục Vinh đồ Trạng-nguyên, Khâu Khôi
đồ Bảng-nhân.
- 52.— Bảng-nhân Khâu Khôi bị Lư Kỷ ép gả
con gái.
- 53.— Khâu Khôi từ hôn bị bắt giam.
- 54.— Các cống-sỹ mưu cứu Khâu Khôi.
- 55.— Lư Kỷ, Hoàng Tung bị đón đánh.
- 56.— Lư, Hoàng bị giao Tam-pháp xét.
- 57.— Lư, Hoàng bị chính-pháp bêu đầu.
- 58.— Trần Đông Sơ được tha ra khỏi Thiên-lao
- 59.— Mai Trạng-nguyên được ân ban.
- 60.— Mai Trạng-nguyên báo ân báo oán.
- 61.— Sau khi đi tuần thú, Trạng - nguyên trở
về kinh.
- 62.— Hai đám cưới long-trọng.
- 63.— Hạnh-phúc gia-đình của họ Mai, họ Trần.
- 64.— Tổng-kết.

NHỊ ĐỘ MAI

x

MỞ ĐẦU

Hóa-nhi (1) thăm-thăm nghìn trùng,
Nhắc cân phúc tội, rút vòng vắn xây.

Ngàn xưa mấy kẻ gian-ngay,
Xem cơ báo-ứng biết tay trời già.

Tuần-hoàn (2) lẽ ấy chẳng xa,
Chớ đem nông-nỗ mà ngờ cao xanh. (3)

Trời nào phụ kẻ trung-trình,
Dù vương nạn ấy, ắt dành phúc kia.

Danh thơm muôn kiếp còn ghi.

10. — Đề gương trong sách, tạc bia dưới đời.

Gian-tà đặc chỉ mấy hơi,

(1) Hóa : tạo-hóa 造化, nhi trẻ-con. Tạo-hóa oái-oăm nên gọi 化兒 — trẻ tạo — Cũng như tạo-hóa khôn-khéo nên gọi hóa công 化工 — thợ tạo.

(2) Tuần-hoàn 循環 : Quanh-quần, lẽ tự-nhiên của tạo-hóa.

(3) Cao xanh : trở vào trời, do chữ hạo thiên 昊天 và thương thiên 蒼天.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Mắt thần khôn giấu (1) lưới trời khôn dung. (2)
Uy-quyền một phút như không.
Xem bằng lửa đá vi cùng đám mây.
Thanh-nhân khi tựa hiên tây,
Vui lòng đèn sách, nghỉ tay văn bài.

MAI BÁ CAO CÙNG CÔN : LƯƠNG NGỌC

Truyện ngoài xem « Nhị Độ Mai »,
Nhà Đường truyền vị đến đời Đức-Tông (3).
Thường-châu (4) có kẻ thanh-trung,
20.— Bá Cao là chữ, vốn dòng họ Mai (5).
Nền trung-trực, dạ trang-dài (?),
Trời cho văn-tử (6) đáng tài trạng-nguyên.
Đặt tên Lương Ngọc (7) đổi truyền,

(1) Mắt thần khôn giấu, cũng như nói thiên nhãn phi giao 天眼非遙 — mắt trời chẳng xa.

(2) Lưới trời khôn dung, bởi câu : thiên vông khôi khôi sơ nhi bất lậu 天網恢恢疏而不漏. Lưới trời lồng-lộng thưa dầy nhưng chẳng để lọt.

(3) Đức Tông 德宗 vua thứ 9 đời nhà Đường, khoảng năm 780-805.

(4) Thường-châu 常州 nay là huyện Vũ-tiến 武进 thuộc tỉnh Giang-tô 江蘇 bên Tàu.

(5) Mai Bá Cao 梅伯高 : Vai chính trong truyện này.

(6) Văn-tử 文子 bởi chữ văn-tử văn-tôn, nói về con cháu vua Văn Vương, con cháu giỏi. Có bản chép « văn-tướng ».

(7) Lương Ngọc 良玉 : tên tự của Mai Bích 梅璧, con-trai Mai Bá Cao. Trong khi lánh nạn, khi đổi tên Vương Hi Đồng, khi mạo tên Mục Vinh 穆榮. Trong truyện chỗ chép Mai công-tử, chỗ chép Mai-sinh, đều là Mai Lương Ngọc.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Thông-minh rất mực, phượng tiên (?) trong đời,
Nhân-duyên vốn sẵn tự trời,
Hôn-nhân đã định vào nơi họ Hầu (1).
Chỉ vì ngoại-ly (2) bấy lâu,
Chưa trao lễ nhận (3) mới đầu thiếp canh (4).
Mai-công tri-huyện Lịch-thành (5),
30. — Gương trung sáng vặc, túi thanh nhẹ bằng.
Cầm-đường (6) ngày tháng thung-dung,
Tên ngay là tiết, nước trong ấy lòng.
Bấy lâu Lư Kỷ tướng-công,
Tuy quyền-tước lớn, mà phong-độ hèn.
Túi tham của đứt chặt lên,
Dung bên gian-đẳng, ghét bên hiền-tài.
Mai-công mấy độ quan ngoài,
Bạn-bè nhờ có mấy người đồng niên (7)
Trong triều hết sức giữ-gìn,

(1) Họ Hầu 侯氏 : Một họ ở bên Tàu, xem xuống dưới sẽ rõ.

(2) Ngoại ly 外蒞 : Làm quan ở ngoài,

(3) Lễ nhận : do chữ nhận tộ 雁幣 lễ cưới (sính lễ).

(4) Thiếp canh : do chữ canh thiếp 庚帖 cái thiếp biên tuổi người con-gái, của nhà gái trao cho nhà trai để đính hôn.

(5) Lịch-thành 歷城 : một huyện thuộc phủ Tề-nam 濟南 tỉnh Sơn-dông 山東 bên Tàu.

(6) Cầm-đường 琴堂 : Nhà gảy đàn. Bật Tử Tiệp 竇子賤 làm quan Huyện-lệnh huyện Đan-phủ 單父, chỉ ngồi gảy đàn mà công việc vẫn dàu ra dấy, nhân thế người ta gọi đình quan Huyện là Cầm-đường — tiếng lịch-sự văn-chương.

(7) Đồng niên 同年 : Bạn cùng đỗ một khoa.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

40.— Kể ngài Thiêm-sự, người quyền Thượng-thư (1).

Kìa Đảng Tiến, nọ Đông Sơ (2),

Kể tòa Đô-sát, người tòa Hàn-lâm (3).

Chu-toàn đã ngoại mười năm,

Bè trung chống vững, lòng căm chó hòng.

Một ngày huyện vụ (4) vừa xong,

Vào trong ông mời ngỏ cùng phụ-nhân.

Rằng : « ta vốn kẻ trung-thần,

« Trên vì nước, dưới vì dân mới là !

« Ví dù theo thói người ta,

50.— « Uốn lưng co gối cũng như một đời.

« Lọ là cầu-cạnh chi ai,

« Chẳng trong lang - miếu, cũng ngoài điền-viên (5).

« Con ta trạc tuổi thanh-niên (6),

« Có gương khoa-giáp, có nền đỉnh-chung (7).

(1) Thiêm-sự 詹事, Thượng-thư 尚書 đều là chức quan văn.

(2) Đảng Tiến 黨進 và Trần Đông Sơ 陳東初 hai bạn của Mai-công.

(3) Đô-sát 都察 coi việc xét xử ngục tụng. Hàn-lâm 翰林 coi việc văn từ.

(4) Huyện vụ 縣務 công việc quan trong huyện.

(5) Lang-miếu 廊廟 : nơi triều-đình, trở lúc làm quan tại triều. Điền-viên 田園 : nơi ruộng vườn, trở lúc lui về thôn quê.

(6) Thanh-niên 青年 : Tuổi xanh lúc trai trẻ.

(7) Khoa : Khoa mục 科目, giáp : giáp đệ 甲第 trở về sự thi đỗ. Đỉnh 鼎 : cái vạc ; chung 鐘 : cái chuông, nấu ăn bằng vạc và gọi kẻ hầu tiệc bằng chuông, trở về nhà quan quý, do câu : chung minh đỉnh thực chi gia 鐘鳴鼎食之家.

« Sao cho giữ được chữ trung,
« Mới là hiếu-tử nổi dòng thư-hương (1).

THĂNG QUAN KINH
MAI-CÔNG DẶN VỢ CON

Những là vui chuyện nội đường (2),
Sảnh ngoài bồng có hai chàng báo tin :
Mai-công phụng chỉ thăng thuyền (3),
60.— Chiều trời mây vô, ăn trên mưa nhuần.
Triều ban (4) dự bậc quan thân,
Lại-khoa cấp-sự giữ phần gián-quan (5).
Tin đầu kêu tẩm trung-can (6).
Một hai quyết phải trừ gian phen này.
Truyền làm tiệc rượu vui-vầy,
Dặn-dò gia sự (7) định ngày khởi thân (8).
Tàng tàng chén cúc vài tuần,
Đòi công-tử với phu-nhân dạy lời :
Rằng « bấy lâu những ở ngoài,
70.— « Dạ này tẩm-tức với người quyền gian.

(1) Thư-hương 書香 : mùi thơm của sách-vở, trở về con nhà nho.

(2) Nội đường 內堂 : Nhà trong, tư thất.

(3) Phụng chỉ thăng thuyền 奉旨陞銓 : Vâng chiếu chỉ cho thăng chức và chuyển bổ đi nơi khác.

(4) Triều ban 朝班 : Hàng bậc trong triều.

(5) Lại-khoa cấp-sự 吏科給事 là một chức gián-quan 諫官, coi việc can-ngăn vua, nếu làm sự gì phong phải.

(6) Trung-can 忠肝 : gan người trung-trực.

(7) Gia sự 家事 : Việc riêng trong gia-đình.

(8) Khởi thân 起身 : Cất mình ra đi.

- « Rày vâng Đài-gián (1) thăng quan,
« Phen này ta quyết cả gan phen này.
« Bấy giờ một dỡ một hay,
« Hợp nhau nào biết có ngày nữa thôi.
« Cũng đừng bịn-rịn lời-thời,
« Mẹ con sớm liệu về nơi quê nhà.
« Điền-viên vui thú nông-gia,
« Tiện con đèn sách ấy là lẽ nên !
« Vi dù giải kết (2) có tin,
80.— « Bảo nhau sớm liệu tìm miền ân thân.
« Chờ cho thiên-địa xoay vần,
« Sẽ toan-tính với thù-nhân (3) sau này.
« May mà vua chứng lòng ngay,
« Đàn hồ, lũ thỏ, một ngày quét thanh.
« Bấy giờ phu quý, phụ vinh,
« Đưa tin sẽ đón thăng kinh cũng vừa.»
Tân bằng (4) mừng-rỡ chặt nhà,
Tiếp thù, ông bạn những là hàn-ôn (5).
Phu-nhân nửa lệ nửa buồn,
90.— Đòi công-tử đến, mẹ con bàn-hoàn.
Rằng « nghe như bố con bàn,
« Phen này quyết với quyền gian đối đầu.

(1) Đài-gián 臺諫 : Tức là chức gián quan.

(2) Giải kết 解結 : Chữ nhà Phật « giải kết, giải kết, giải oan kết », ý nói oan-gia nên giải không nên kết. Chữ giải kết trong câu này ám-chỉ về sự chẳng may.

(3) Thù-nhân 讎人 : Kẻ thù.

(4) Tân bằng 賓朋 : Khách và bạn.

(5) Hàn-ôn 寒溫 : Rét, ấm, nói bóng về sự chuyện-trò câu sớt câu nguội, cũng như hàn-huyên 寒暄.

- « Sẻ đàn, phượng một, chắc dàu,
« Cái lo này để về sau tày trời ».
Nghe rồi, công-tử thưa lời :
« Thế rằng cái đạo làm tôi mới là.
« Nhà huyền (1) xin chớ lo xa,
« Hễ trời có mắt thì ta lệ gì ?
« Hãy cho vẹn tằm trung-nghì,
100.— « Vinh, khô, đặc, táng, sá chi cuộc đời » (2).
Ông vừa xong việc khách ngoài,
Bước vào trong, bỗng nghe lời còn thừa.
Vuốt râu cười nói lui ra,
Khen rằng : « Ấy thực đại-gia con nòi !
« Trẻ thơ biết đạo làm tôi,
« Gương trung-hiếu, lấy một lời mà suy.
« Mới hay hồ phụ, lân nhi, (3)
« Khéo thay tính trẻ cũng y tính già.

MAI - CÔNG

DẶN NHA-LAI

- Nói rồi truyền gọi lại-nha,
110.— Đương đường nhủ hết nỗi xa nỗi gần :
« Làm người biết đạo tu thân,

(1) Huyền 萱 : Một thứ cỏ, tục quen dùng để ví với người mẹ, cũng như xuân hay thung 椿, một thứ cây quen dùng ví với người cha.

(2) Vinh 榮 : tươi; khô 枯 : héo ; đặc 得 : được ; táng 喪 : mất, ý nói tươi hay khô-héo, -được hay là mất, chỉ là sự ngẫu nhiên, chứ không quan-hệ gì đến cuộc đời.

(3) Hồ phụ lân nhi 虎父 麟兒 : Cha như con hổ, con như con lân, ý nói nòi nào giống ấy, cũng như câu tục-ngữ « cha nào con ấy ».

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Việc quan phải giữ lấy nhân làm đầu.
« Tiếng thanh-bạch (1) để về sau,
« Dầu rằng uống nước, ăn rau (2), chớ nài.
« Việc văn-án, phải quan-hoài,
« Một câu nặng nhẹ, mấy người oan-khiên.
« Khuyên đừng đổi trắng thay đen,
« Ngược dân dưới, đối quan trên, khó lòng.
« Giữ-gìn đôi chữ hiếu trung,
120.-- « Sao cho không hổ với trong cao dày (3).
« Ta đây vả tiếng quan thầy,
« Giã nhau một chút, niềm tây gọi là.
« Rồi đây một bước một xa,
« Nghe ta, hay chẳng nghe ta, mặc dầu ! »
Dạy rồi ai nấy cuối đầu,
Rằng : « Vâng khuyên-nhủ từ sau ghi lòng ».

TÌNH-CẢNH NHÀ HỌ MAI TRƯỚC KHI TƯƠNG-BIỆT

- Trù-phòng (4) dọn-dẹp vừa xong,
Một công-tử với hai ông bà ngồi.
Dặt-dìu sẽ rót chén mời,
130.— Nghìn câu trân-trọng, trăm lời biệt-ly.
Người trần-trọc nổi về quê,

(1) Thanh-bạch 清白 : trong sạch, do chữ thanh-bạch lại 清白吏 (người làm quan trong-sạch).

(2) Uống nước ăn rau do chữ : phạm xơ tự ẩm thủy 飯蔬食 飲水, ăn cơm rau, uống nước lã, ý nói cam phận nghèo.

(3) Cao dày, trỏ trời đất, bởi chữ : thiên cao địa hậu 天高地厚 trời cao đất dày.

(4) Trù-phòng 廚房 : Nhà bếp.

Kẻ năn-nỉ nổi đường đi giữ-gìn.

Người khuyên cần-thận sờ tiên (1),

Kẻ răn nhắc-nhỏ sách-dền sớm khuya.

Lời thôi giở nổi làm-kỳ (2),

Ngoài đây vui chén, trong mê-mẩn tình.

Phu-nhân hỏi : « Buổi đăng kinh (3),

« Phỏng cho mấy đứa tùy hành theo ông ? »

Mai-công rằng : « Lọ chi đóng,

140.— « Một chàng Mai Bạch vốn trong họ nhà.

« Gọi là làm bạn đường xa,

« Gọi là ngày gió ngày mưa theo hầu ».

DÂN LỊCH - THÀNH

ÁI - MỘ MAI - CÔNG

Còn đương trò-chuyện trước sau,

Xôn-xao nghe bỗng tiếng đầu gần gần.

Gót giày ông mới động chân,

Trông ra đã chập một sân những người.

Bẩm rằng : « Dân-sự chúng tôi,

« Tắm lòng xin ngỏ, chứt lời xin thưa.

« Từ ngày trọng lý (4) đến giờ,

150.— « Một đường sao phúc, muôn nhà phật
sinh. (5)

(1) Sờ tiên 疏箋 : Sờ tờ tâu vua.

(2) Lâm-kỳ 臨岐 : Sắp đến chỗ rẽ (ngã ba đường).

(3) Đăng kinh 登京 : Lên kinh-đô.

(4) Trọng lý 重莅 : Tiếng nói tôn cũng như trọng
nhậm 重任.

(5) Bởi chữ : nhất lộ phúc tinh 一路福星 và vạn gia
sinh phật 萬家生佛,

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Bao nhiêu lại tề dân tình (1),
« Đuốc soi chẳng chút đỉnh-đinh dám lừa.
« Tắc lòng xem bằng mẹ cha,
« Đọc ca mạch-tuệ (2) ngâm thơ cam-đường (3).
« Bấm tay mười mấy năm trường,
« Mưa xuân tươi khắp một phương Lịch-
thành.
« Rày vàng thặng điệu lai kinh (4),
« Thỏa lòng hồ thủy (5), phẩm tình đại cân (6).

(1) Lại tề dân tình 吏繫民情 : Tình-tề nha-lại và dân-chúng là những điều quan sở tại phải lưu tâm xem xét.

(2) Đời Hán. Trương Kham 張堪 làm Thái-thú quận Ngư-dương 漁陽, khuyên dân chăm-chỉ cấy lúa trồng dâu, dân được no ấm, có câu ca-tụng rằng : « Tang vô phụ chi, mạch-tuệ lưỡng kỳ 桑無附枝, 麥穗兩歧 », nghĩa là cây dâu không có cành phụ, bông lúa mạch có hai chẻ, ý nói dâu tươi lúa tốt.

(3) Đời Chu, Thiệu Bá di tuần-thú thay vua, thường nghỉ dưới gốc cây cam-đường xử kiện, dân có thơ khen rằng : « Tề phế cam-đường, vật tiến vật phạt, Thiệu Bá sở bạt 敲帝甘棠, 勿剪勿伐, 召伯所茇 » nghĩa là rườm-rà cây cam-đường, (phải chăng cây bàng) chớ cắt chớ chặt, nơi Thiệu Bá nghỉ-ngơi.

(4) Lai kinh 來京 : lại kinh, cũng như đăng kinh đã nói trên.

(5) Hồ thủy 孤矢 do chữ : tang hồ bông thi 桑孤蓬矢, cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bông ; ngày xưa nhà vua sinh con-trai thì dùng hai thứ ấy treo ra cửa cung, nhân thế người ta mượn làm biểu-hiệu phái con-trai, thủ nghĩa con-trai chỉ ở bốn phương, như cung tên bắn tung khắp bốn phương trời.

(6) Đại cân bởi chữ cân đới 巾帶, trở về phái quan chức mũ cao áo dài.

« Thành-thành nhẹ bước thanh-vân (1),
160.— « Cành cây dăm tưởng bận chân loan-
hoàng (2).

« Nghĩ cho chút phận tầm-thường,
« Đạo con-cái được tựa-nương bấy chầy.
« Chín e tiếp ly (3) sau này,
« Lòng thương cần được như rày mấy phần ?
« Bấy giờ lễ cách quan dân (4),
« Tưởng công-đức trước, lại năn-nỉ nhiều.

(1) Thanh-vân 青雲 : Mây xanh, bước thanh-vân nói về công-danh bay nhảy.

(2) Câu này đại ý như câu chữ nho : « Chỉ cứ phi loan phượng sở thê 枳棘非鸞鳳所棲 » nghĩa làm khóm cây gai không phải chỗ đậu của loài chim loan-phụng. Nguyên Cửu Hương 仇香 đời Hán, mới bổ chức Đình-trưởng, có người đàn-bà góa đến kiện đưa con ngõ-ngịch là Trần Nguyên 陳元. Hương khuyên-bảo trở về, rồi thân đến nhà, đem nghĩa-lý hiền bảo, Trần Nguyên cảm-động nghe theo, trở nên người con chí hiếu. Quan Huyện-lệnh là Vương Hoán 王渙 khen ngợi, cất lên làm Chủ-bạ và hỏi : « Nhà ngươi không trị tội Trần Nguyên, lại chịu khó đến khuyên-bảo, chả cũng kém mất sự lập oai như giống chim cắt với đàn chim nhỏ hay sao ? » Hương thưa : « Giữ kỳ làm chim cắt, sao bằng làm chim loan-phụng ! » Vương Hoán cười nói : « Vậy thì khóm cây gai (trở vào chức Chủ-bạ) không phải chỗ đậu của chim loan-phụng ! » Bèn đem tiền lương tháng giúp cho Hương vào nhà Thái-học, sau trở nên bậc đại tài.

(3) Tiếp ly 接蒞 : người thay chân, kế tiếp nhậm chức.

(4) Lễ cách quan dân, bởi câu tục-ngữ : quan dân lễ cách 官民禮隔.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Lòng thành nay quyết xin theo,
« Làm đơn ái-mộ (1) dâng liêu một chương.
« Họa là vua nặng lòng thương,
170.— « Thấy tình Trường-xã, lưu chàng Khấu-quân ». (2)

- Ông rằng : « Văn biết lòng dân,
« Lời trung-hậu ấy, tình thân-ái này.
« Ta làm Huyện-tề (3) bấy nay,
« Có chi công-đức đáng rày truy-tư ?
« Phương chi thể-sự bấy giờ,
« Dê dò bụng hiểm, khôn lừa mưu gian.
« Họ Lư cru dạ tham tàn,
« Rình như miếng mồi, những toan hại người.
« Phỏng mà nghe được như lời,
180.— « Hẳn là mua-chuộc lòng người tại ta.
« Miệng sàm dết gấm thêu hoa (4),
« Công nào chưa thấy tội đà đến ngày.

(1) Ái-mộ 愛慕 : Yêu-mến.

(2) Câu này do tích Khấu Tuân 寇恂 đời Đông Hán làm quan Thái-thủ quận Dĩnh-xuyên 潁川, dựng nhà học-hiệu, đem văn-hóa dạy dân, sau Dĩnh-xuyên có giặc, Khấu Tuân đi tòng-chinh, lúc khai hoàn, trăm họ đón đường kêu xin dề Khấu lưu nhậm một năm nữa. Vua Quang Vũ thấy dân tình Trường-xã, Dĩnh-xuyên, như thế cũng ưng cho Khấu ở lại.

(3) Huyện-tề 縣宰 : Chức chủ-tề trong một huyện, tức là Tri-huyện.

(4) Câu này bởi câu trong kinh Thi : Thê hề phi hề, thành thị bởi cầm, bỉ trẩm nhân giả, diệc dĩ thái thậm 萋兮菲兮, 成是貝錦, 彼讚人者, 亦已太甚 ». Nghĩa là những thứ rau cỏ tạp-nhập có thể hợp thành gấm-vóc, những kẻ hay gièm-pha cũng đã quá lắm.

« Lại càng mang tiếng chẳng hay,
« Yêu đây, để xấu cho đây, ich gì ! »

Dân nghe biết ý quyết đi,
Lui ra, còn dám năn-nỉ nữa đâu ?

Một đoàn kẻ trước, người sau,
Khen cho rằng khéo bảo nhau một bề.

Lễ đầu đưa đến tức thì,

190.— Vạn-dân-tản, vạn-dân-y (1) sẵn-sàng.

Thưa rằng : « Gội chút lễ thường,

« Mà lòng tạc dạ ghi xương còn dài ». (2)

Ông xem thấy ý vật-nài,

Kíp truyền thu lễ, trao lời giã ơn.

KỂ Ở NGƯỜI ĐI

Phu-nhân công-tử xuống thoàn,
Mai-công ở lại đợi còn bàn giao.

Ngai-ngùng thay, lúc phân-bào ! (3)

Kẻ về tử-lý (4) người vào ngọc-kinh (5).

(1) Vạn-dân-tản, vạn-dân-y 萬民傘萬民衣 : Tán và áo của muôn dân — cũng như câu nói « bách gia chi sản 百家之產 ». Nghĩa là của chung mọi nhà. — Đây là một lễ chung của dân huyện Lịch-thành đem tiễn Mai-công.

(2) Tạc dạ ghi xương, bởi chữ « minh tâm khắc cốt 銘心刻骨 ».

(3) Phân-bào 分袍 : Chia vạt áo, nói về khi giã nhau mỗi người mỗi nơi.

(4) Tử lý 梓 : Cây tử (cây lộc vừng), lý 里 : làng. Kinh Thi có câu « duy tang giữ tử, tất cung kính chi 維桑與梓, 必恭敬止 » : vì cây dâu với cây tử tự cha mẹ trồng, nên phải cung kính. Người ta nhân đó mới mượn chữ tang tử để trở về quê-hương.

(5) Ngọc-kinh 玉京 : Kinh đô nhà vua.

Cho hay là kẻ trung-trinh,
200.— Nặng lòng vương - sự (1), nhẹ tình gia-
mang (2).

Mặc ai châu lệ hai hàng,
Gác tình nhi-nữ xem thường như không.
Vài ngày huyện-vu giao xong,
Ra thành lên kiệu thẳng dong nhật trình.
Huyện dân chực sẵn tiễn-hành,
Hương-dăng bày án, tràng-dinh (3) dọn nơi.
Đón đưa khắp mặt thiếu ai,
Mấy tòa quan tỉnh, mấy người hương thân. (4)
Người đường ra ý ân-cần.
210.— Ông thì thùng-thẳng có phần xem khinh.

PHONG-CẢNH DỌC ĐƯỜNG, TỪ
LỊCH - THÀNH LÊN KINH - ĐÔ

Giã nhau mười dặm tràng-dinh,
Trông theo đã khuất mây xanh mấy trùng.
Nước non đưa đón người trung,
Suối tuôn giòng chảy, núi chông lớp cao.
Nhờn-nhờ cỏ đón hoa chào,
Hang men-móc vượn, cây xào-xạc chim.

(1) Vương-sự 王事 : Việc nhà vua, việc công.

(2) Gia-mang 家忙 : Việc riêng bận-rộn của tư gia.
Việc tư.

(3) Tràng-dinh 長亭 : Mỗi cung đường có một trạm
nghỉ chân gọi là đình 亭 nghĩa là dừng chân 停足. Cung
ngắn (5 dặm) gọi là đoản-dinh 短亭, cung dài (10 dặm) gọi
là trường-dinh 長亭.

(4) Hương thân 鄉紳 : Người văn-học trong làng,
bậc văn-thân ở địa-phương.

Tắc gang kinh-quốc (1) chờ xem,
Đường ngày giục kiệu, điểm đêm đồ cờ.

Kìa chài sớm, nọ cày trưa,
Gió gần giọng địch (mục), mây xa tiếng tiêu (2).

Quê người phong cảnh diu-hiu,
Trắng thanh, gió mát đường chiều-chuộng ai !

Những màng dong-ruổi dậm dài,
Trông ra bỗng thấy bốn người xa xa.

Hỏi ra mới biết rằng là :
Trong kinh, Lại-bộ sai nha đón mình.

Hoàng-hôn (3) gác bóng chênh-chênh,
Truyền tìm quán khách bộ-hành nghỉ-ngơi.

Bốn người tức khắc vâng lời,
230.— Trước đi tìm chốn thanh-thời đón mời.

Tuy rằng quán khách hẹp-hòi,
Chốn nằm cũng tỉnh, chốn ngồi cũng thanh.

Thung-dung hỏi chuyện trong kinh :
« Lư, Hoàng (4) lũ ấy tung-hoành ra sao ? »

Thưa rằng : « Chức trọng quyền cao,
« Triều-quan quá nửa ra vào làm tôi.

« Ai ai khóa miệng bịt hơi,

(1) Kinh-quốc 京國 : Tức kinh-đô, kinh-sư nhà vua.

(2) Hai câu này tả đủ bốn cảnh : Ngư 漁 (chài), canh 耕 (cày), mục 牧 (giọng địch), tiêu 樵 (tiếng tiêu).

(3) Hoàng-hôn 黃昏 : Hoàng là vàng, hôn là tối, lúc chiều hôm gần tối, mặt trời lặn còn sót lại ánh vàng vàng, nên gọi là hoàng-hôn.

(4) Lư, Hoàng : Tức Lư Kỷ 盧杞, Hoàng Tung 黃蕩 hai tên gian-thần đối đầu với Mai-công.

- « Ngang vua phủ-quí, nghiêng trời uy-linh.
« Đại gia (1) rày ở quan kinh,
240. — « Theo dõi nhiều ít, thể tình là xong ».
Mai-công nổi giận dùng dùng,
Rằng : « Phen này quyết chẳng dung loài hồ.
« Vào đây ta sẽ hay cho,
« Đứng Tung, đứng Kỵ, hết Lư, hết Hoàng !
« Mặt nào bắt-chước thể thường,
« Thiết - tha ban tối, khoe - khoang giữa
ngày ». (2)
Gan càng tức, ruột càng đầy,
Truyền thôi cuộc rượu, vào ngay trong bình
(3).
Sáng mai thức dậy trông quanh,
250. — Treo trên thấy có bức tranh Di, Tề. (4)
Như khêu tấm dạ trung-nghì,

(1) Đại-gia 大爺 : Nghĩa đen là cha, tiếng gọi tôn
những bậc quan-trưởng cũng như chữ Tướng-công 相公 hay
đại-nhân 大人.

(2) Câu này đại-ý cũng như câu chữ nho : « Hôn dạ
khất ai nhi, kiêu nhân bạch nhật 昏夜乞哀而，驕人白日 ».

(3) Trong bình, là bên bức bình phong, nơi ngăn phòng
ngoài với phòng ngủ.

(4) Bá Di, Thúc Tề 伯夷叔齊 là hai nghĩa-sĩ đời
nhà Thương, Chu Vũ-Vương đánh vua Trụ — vua nhà
Thương — hai ông can không được, sau khi nhà Chu đã
được nước, hai ông liền lên ăn cư trên đỉnh núi Thủ-dương
首陽, hái rau vì ăn thay cơm, dù đói chết cũng không ăn
thóc của nhà Chu.

Dạy đem nghiên-bút thơ đề mấy câu (1).

Than rằng : « Thanh ứng khí cầu », (2)
Người kim cồ, bụng trước sau một đường.

(1) Thơ đề tranh Di, Tề nguyên-văn chữ Hán : « Còn trọng đương niên ngã Thủ-dương, Chí kim lưu đặc tính danh hượng, Nhược giao liệt-sĩ như kim tại, Khởi nhần quần gian lập miếu đường, 昆仲當年餓首陽, 至今留得姓名香, 若教烈士如今在, 豈忍羣姦立廟堂 ». Ý nói bấy giờ hai anh em ông chết đói trên núi Thủ-dương, mà vẫn còn đề họ tên thơm-tho đến bây giờ. Nếu ngày nay còn có liệt-sĩ như thế, há chịu đề cho lũ gian-thần đứng ở triều-dinh.

Có người đã dịch :

Thuở xưa núi Thái hái rau vi,
Muôn kiếp danh thơm, miệng ấy bi,
Vĩ khiến đời này còn kẻ ấy,
Miếu-đường chỉ đề lũ gian-phi.

Lại dịch :

Màng bao mẩy nổi cuộc sang giàu,
Nghĩa cả vua tôi nặng dính dầu.
Thũng-thăng cầm hơi rau núi Thú,
Bộn-bàng ngảnh mặt thóc nhà Châu,
Tầng cao thấp đá in còn dấu,
Bóng rạn lở trắng tỏ với nhau.
Mặt mắt truyền-thần còn thấy đó ;
Hồn trung một tím vẽ nên đâu ?

(2) Thanh ứng khí cầu 聲應氣求, nghĩa là cùng tiếng thì hưởng-ứng với nhau, cùng chí khí thì tìm nhau.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

QUANG-CẢNH NƠI KINH-ĐÔ

Lại truyền giục kiệu lên đường,
Trông kinh-quốc đã tắc gang đó rồi.
Một vùng riêng đặt phủ trời (1),
Hoàng-thành (2) trăm trăm, kỳ-dài (3) cao cao.
Cõi người nước nhược (4), nguồn đào (5),
260.— Liền mây ngàn dầy, bày sao trăm tòa.
Chập-chồng vách gấm, tường hoa.
Cửa lầu ngũ-phượng (6), thêm nhà lưỡng
long (7).
Bách quan đóng chặt sân phong (8),
Tiếng chen xe ngựa, vẽ lồng cân đai.

(1) Phủ trời, do chữ thiên-phủ 天府, ý nói vùng vàng như kho nhà trời.

(2) Hoàng-thành 皇城: thành nhà vua.

(3) Kỳ-dài 旗臺: Cột cờ.

(4) Nước nhược, bởi chữ nhược-thủy 弱水 (hay là 若水) nơi tiên ở.

(5) Nguồn đào, bởi chữ đào-nguyên 桃源: Cõi tiên. Xem chú-thích truyện « Bích Câu Kỳ Ngộ » do nhà Tân Việt xuất-bản.

(6) Ngũ phượng 五鳳: Lầu đắp năm chim phượng.

(7) Lưỡng long 兩龍: Thêm xây hình hai con rồng.

(8) Sân phong 楓庭: Sân nhà vua. Cung-diện đời Hán hay trồng cây phong — một thứ cây lớn lá xanh — nên người ta quen gọi sân nhà vua là phong đình.

MAI-CÔNG VÀO CHẦU
VÀ QUA TƯỚNG-PHỦ

- Tìm vào Lại-bộ (1) tới nơi,
 Truyền nha-môn, định ngày mai tiến chầu.
 Ngắm xiêm, sửa mũ giờ lâu,
 Uốn lưng năm lạy, khấu đầu ba phen.
 Lạy rồi ren-rén tâu lên,
270.— Chúc câu vạn-tuế, dâng trên cửu-trùng (2).
 Tiếng trời đưa lại bệ rồng : (3)
 « Đặt tòa gián-viện (4) kén dùng kẻ trung.
 « Sao cho sắt đá một lòng,
 « Miệng hùm chớ sợ, vảy rồng chớ ghê ». (5)
 Tâu rằng : « Hồ phận ngu-si,

(1) Lại-bộ 吏部 : Bộ coi việc tuyển bổ quan-lại, một bộ đứng đầu 6 bộ trong quan-chức của một Triều-đình.

(2) Vạn tuế 萬歲 : Muôn năm, lời chúc vua. Cửu-trùng 九重 : Chín tầng, quan trước triều-đình chia làm 9 bậc (phẩm cấp), trên chín bậc tức là vua, nên quan gọi vua là cửu-trùng.

(3) Tiếng trời do chữ thiên ngữ 天語 bệ rồng do chữ long bệ 龍陛 đều là những tiếng tôn nhà vua.

(4) Gián-viện 諫院 : Dinh của ông quan coi việc can vua.

(5) Vảy rồng bởi chữ phê nghịch lân 批逆鱗, nghĩa là vuốt ngược vảy rồng. Hàn-Phi truyện : Rồng là vật có thể vuốt-ve cho quen mà cỡi được, nhưng dưới cổ họng có cái vảy ngược, nếu động-chạm phải sẽ chết với nó. Ông vua cũng có cái vảy ngược như thế, mấy người đã dám vuốt. Nên ai can vua thì gọi là vuốt ngược vảy rồng.

« Đem lòng khuyển mã (1) đèn nghi bề
sông ». (2)

Tan triều lệnh ngự vào trong,
Bách quan lui xuống đều cùng bước ra.

Mai-công toan trở lại nhà,
280.— Tiễn gần tường phủ sang qua vào liền.

Nghiêm-trang cửa thế sân quyền,
Trước bia hạ mã (3) chập lên ngựa xe.

Ông bèn giả cách vô tri,
Ngồi trăm-trăm kiệu, vào kè nghi-môn.

Môn-quan (4) trông thấy thét đồn,
Xôn-xao bẻ-bót, ồn-ồn hỏi tra.

Ông rằng : « Đâu chẳng biết ta,
« Huyện-quan về bộ Lại-khoa ngày rày.

« Buổi chiều nhân tiễn sang đây,
290.— « Nhờ ai trong ấy bầm thay cho tường ».

Môn-quan rằng : « Lệ phủ đường,

« Có đồ yết lễ, có vàng mấy bao.

« Có thì sẽ bầm cho vào,

« Bể không hãy chực ngoài rào xa xa ».

(1) Khuyển, mã 犬馬 : Chó, ngựa, hai giống vật có
nghĩa, mến chủ.

(2) Bề sông do chữ hải hà : 海河. Nói bóng về sự rộng
lượng.

(3) Hạ mã 下馬 : Xuống ngựa. Nơi đình-miếu hay
đình-thự nào tôn-nghiêm, thường có bia đá khắc chữ « hạ mã »
dựng ở ngoài, đề cho khách đi ngựa hay xe biết mà xuống,
cho được tỏ lòng cung-kính.

(4) Môn-quan 門官 : quan coi cửa.

Ông rằng : « Lệ đặt bao giờ,
« Ấy là quốc-pháp hay là phủ-qui ? (1)
« Ta đây vốn chẳng cần chi,
« Vào thì cũng được, ra thì cũng nên ! »
Không xuống kiệu, vẫn ngồi trên,
300.— Tay cầm thủ-bản ném bên thềm ngoài.

MAI-CÔNG ĐẾN THĂM
PHÙNG ĐÔ - SÁT

Kíp truyền quân kiệu thảo lui,
Sang tòa Đô-Sát, họp người đồng niên (2).
Phùng-công (3) ra đón rước liền,
Chủ tân (4) một hội, hàn-huyên (5) mấy lời.
Sự-tình kê-lễ lời-thôi,
Ngoài ngàn muôn dặm, trong mười mấy năm.
Xiết bao trò-chuyện tri âm,
Khói hương cao thấp, chén trà đầy vơi.
Mai-công rằng : « Lúc mới rồi,
310.— « Tức gan mà lại nực cười lắm sao ».

(1) Quốc-pháp 國法 : Phép của nước. Phủ-qui 府規 : lệ riêng của tướng phủ.

(2) Đô-sát 都察, đồng niên 同年 đều đã chú-thích ở trên.

(3) Phùng-công tức Phùng Lạc Thiên 馮樂天, bạn của Mai-công.

(4) Chủ tân 主賓 : Chủ với khách.

(5) Hàn 寒 : lạnh ; huyền 暄 : ấm. Xa cách nhau lâu ngày trải qua mùa lạnh sang mùa ấm, khi gặp, chuyện-trò hỏi thăm nhau, gọi là hàn-huyên.

Kể từ tướng-phủ mới vào,
Thế nào khinh-dễ, thế nào hời-han.
Miệng đường lại, mặt môn quan,
Kể xin đòi lễ, mình toan ném tờ.
Đinh-ninh kẻ tóc, chân tơ,
Từ đầu đến cuối kẻ qua một hồi.

Chư công (1) rằng : « Hãy kín hơi,
« Nghĩ cho chín, mới là người tri cơ (2).

- « Rồi đây trời cũng có ta,
320.— « Làm bao giờ, biết bấy giờ, mới cao ».
Ông rằng : « Như thế thảo nào :
« Bè gian trách chẳng quyền-hào lắm ru !
« Như bấy giờ việc nên lo,
« Quấy hời đặt miệng, bày trò Trào-châu. (3)
« Tôi đã tính trước nghĩ sau,
« Muốn yên chi khỏi lấy đầu họ Lư ?
« Thôi đừng sợ oán sợ thù,
« Rày lần mai lửa, nhập-nhù khó coi.
« Việc này giao một mình tôi,
330.— « Để mà xem Kỹ với Mai (4) thế nào !

(1) Chư công 諸公 : Các ông, các ông bạn của Mai-công họp mặt ở nhà Phùng-công hôm ấy.

(2) Tri cơ 知幾 : Biết việc sẽ xảy ra.

(3) Trào-châu 潮州 là một địa-phương thuộc tỉnh Quảng-dông, nơi Hàn Dũ bị biếm, nhưng việc đó ở về đời Đường Hiếu Tông. Không hiểu câu này ý-nghĩa ra sao ?

(4) Kỹ là Lư Kỹ, Mai là Mai bá Cao (Mai-công) còn có nghĩa Kỹ 杞 là cây kỹ, mai là cây mai 梅 nữa. Câu rày có ý đem «mai» chọi với «kỹ» cùng là hai loài cây, lối chọi chữ của tác-giả, cũng như câu «thì vin cành quít cho cam sự đời» của cụ Nguyễn Du !

« Vì bằng giải kết làm sao,
« Giữ-gìn Mai-thị trở vào lối sinh.
« Già này dù thác cũng vinh,
« Suối vàng khuất mặt cũng khinh-khích cười.»
Thoắt thời từ tạ mấy người,
Tắc lòng thề chẳng đội trời với ai (1).

MAI-CÔNG ĐẾN MỪNG TIỆC THỌ LƯ KỶ

Ngày xuân thăm-thoắt đưa thoi (2),
Lư-công tuổi thọ sáu-mươi vừa tuần.
Định ngày vui mở tiệc xuân,
340.— Vua cho lễ-vật nội-thần (3) đem ban.
Lại truyền văn võ bá quan.
Cứ ngày cùng đến tường-môn lễ mừng.
Phủ-đường dọn-dẹp tưng-bừng.
Rõ-ràng kết thái trưng đăng (4) trong ngoài.
Vóc đề chữ, gấm thêu bài,

(1) Thề chẳng đội trời do chữ « thệ bất cộng đới thiên
誓不共戴天 ».

(2) Thăm-thoắt đưa thoi do chữ « tuế nguyệt như thoa
歲月如梭 ».

(3) Nội thần 內臣 : Quan trong, tức Nội-giám, Hoạn-
quan.

(4) Kết thái trưng đăng 結綵張燈 : Kết hoa trưng
dèn.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Vịnh ca Thiên - bảo (1), chúc lời Nghiêu-hoa (2).

Dập-diu chốn vũ nơi ca,

Trò bày bách hí (3), nhịp hòa bát âm (4).

Chong giá nển, quạt lò trầm,

350.— Rót bình rượu ngọc, dâng mâm đào vàng.

Võng đầy cửa, ngựa chen hàng,

Khấp triều quan (5) đến, khấp hoàng thân (6)
ra.

Bày phô chén ngọc, đĩa ngà,

Gia-hào (7) mấy vị, trân-la (8) mọi mùi,

(1) Thiên-bảo 天保 : Một chương trọng kinh Thi (Nhã phong), có 9 chữ như chúc tụng nhà vua : *Như sơn như phụ, như cương như lãng, như xuyên chi phương chí dĩ mặc bất tăng, như nguyệt chi hằng, như nhật chi thăng, như nam sơn chi thọ, bất khiên bất băng, như tùng bách chi mậu, vô bất nhĩ hoặc thường.* 如山如阜, 如岡如陵, 如川之方至以莫不增, 如月之恆, 如日之升, 如南山之壽, 不騫不崩, 如松柏之茂, 無不爾或承. Người ta gọi «Thiên bảo cửu như 天保九如» là thế.

(2) Nghiêu-Hoa 堯華 : Vua Nghiêu đi tuần thú đến đất Hoa, có Phong-nhân (người coi ấp) chúc vua giàu có, sống lâu và nhiều con trai, nên có câu : « Hoa-phong tam chúc 華封三祝 ». Nghĩa là 3 điều chúc của Phong-nhân ấp Hoa.

(3) Bách hí 百戲 : Trăm trò chơi.

(4) Bát âm 八音 : 8 thứ âm-nhạc.

(5) Triều quan 朝官 : Quan trong triều.

(6) Hoàng-thân 皇親 : Họ nhà vua.

(7) Gia-hào 嘉餚 : Đồ nhắm ngon.

(8) Trân-la 珍蔬 : Rau thơm, rau quý.

- Tướng-công thăm-thăm xa ngồi,
Tiếp tân phó mặc con nuôi họ Hoàng.
Mai-công lễ-vật tầm thường,
Miễn vài cân với lạp-hoàng (1) vài đôi.
Hoàng Tung trông thấy mỉm cười,
360.— Tìm Lư-công, đến tận nơi tiến trình.
Tướng-công ngồi trước thọ bình,
Chơi vàng bông mũ, ngắt xanh hoa bào.
Tư bề trưởng gấm màn đào,
Mùi hương-xạ ngát, tiếng thiều-nhạc (2) rung.
Trông ra nhác thấy Hoàng Tung,
Xem đơn lễ mới thung-dung dạy lời :
« Ít nhiều có lễ thì thôi,
« Hãy thu lấy đấy, khuyên mời hản-hoi.
« Tay này là bậc đại tài,
370.— « Đề ta mua-chuộc làm tôi-tớ nhà ».
Cứ lời, Tung mới bước ra,
Chào rằng : « Vàng mệnh ân-gia (3) mời ngồi.
« Lễ đơn (4) đầy đã thu rồi,
« Dám xin vài chén tiệc vui gọi là ! »
Mai-công rằng : « Những ở xa,
« Chẳng hay quý chức tuổi đã bao nhiêu ? »

(1) Lạp-hoàng 臘黃 : tức hoàng lạp, sáp vàng.

(2) Thiều-nhạc 韶樂 : Bản nhạc đời vua Thuấn bên Tàu. Đây chỉ là nói về âm-nhạc.

(3) Ân-gia 恩爺 : Nghĩa là cha nuôi, Lư Kỷ là bố nuôi của Hoàng Tung.

(4) Lễ đơn 禮單 : Tờ kê lễ-vật.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Tung rằng : « Tuổi cũng chưa nhiều,
« Năm-mười-tư tuổi gần theo cõi già ».
- Ông rằng : « Thực cũng khéo là,
380.— « Thế mà nghĩa-phụ (2). thế mà ân-nhi (3).
« Sống lâu thấy lắm chuyện kỳ,
« Sao xưa nay vẫn không nghe tiếng đồn ?
« Mời hay vượng khí tướng-môn (4),
« Năm lên sáu tuổi sinh con đầu lòng ».
- Tung nghe ra giọng đâm hông,
Mặt ngẩn-ngắt tím, mắt sòng-sọc trông.
Các quan biết ý Hoàng Tung,
Giả điều mời rượu Mai-công ép-nài.
- Ông rằng : « Lượng rượu kém ai,
390.— « Tiệc vui, dù chẳng đợi mời cũng say.
« Nghe hơi tử-khí đầu đầy,
« Dầu rằng nửa chén đưa cay chẳng màng.
« Đến đây vãng mệnh Thánh-hoàng,
« Sá vui kèo rót với tường quyền-gian ».
- Hoàng Tung đỏ mặt sốt gan,
Bất thành-linh bống trong bàn mất vui.
Như mèo tiu-nguỷu mất tai,
Chẳng thu một lễ, chẳng mời một ai.
Vào trong tức-tốc một hơi.
- 400.— Bên màn Lư Kỷ, kê ngồi nỉ-non.

(2) Nghĩa-phụ 義父 : Cha nuôi.

(3) Ân-nhi 恩兒 : Con nuôi.

(4) Vượng khí tướng môn, bửu chữ : tướng môn vượng khí 相門旺氣, khí thịnh-vượng trước cửa nhà quan Tướng.

Nhỏ to chua cái, chua con :
« Hôm xưa kiệu đến nghi-môn (1) còn ngồi.
« Mời rồi đưa lễ giầu chơi,
« Đã câu rửa mát, lại lời đưa chênh.
« Gần chùa gọi Bụt là anh,
« Không văn-pháp nữa, còn danh-giá gì ».
Lư rằng : « Con chó lo chi,
« Ra tay, rồi sẽ liệu bề bề mai.
« Cho vào bạn đảng (2) thì thôi,
410.— « Bấy giờ dẫu nghĩ kêu trời cũng xa ! »

LƯ KỶ HẨM
HẠI MAI - CÔNG

Bè gian đương sắp mưu lừa,
Bồng đầu nội-giám đã ra truyền đòi.
Liền tay thảo sớ một bài,
Theo chân nội-giám vào nơi đèn rồng.
Vua Đường rằng : « Buổi thông-dong,
« Hứng vui nên triệu tướng-công hầu cớ ».
Bàn son bày sẵn quân ngà,
Lư-công có ý chịu thua hai bàn.
Đứng tàu trước mặt long-nhan (3) :
420.— « Lòng lo việc nước, nào toan đến cớ.
« Ai hay những kẻ chẳng ngờ,
« Lời biên-quan (4) báo, thực là không sai.

(1) Nghi-môn 儀門 : Cửa chính ở các dinh-thự hay lâu-dài nào, nhà lớn.

(2) Bạn đảng 叛黨 : Đảng làm phản, bọn phản-đối.

(3) Long-nhan 龍顏 : Mặt rồng, mặt vua.

(4) Biên-quan 邊官 : Quan coi ngoài biên-giới.

- « Ong trong tay áo có người,
« Giao-thông giặc Thát (1) toan bài nọ kia.
« Tàu lời e những ngô-nghe... »
Một tờ đoản-biêu (2) tức thì giở ra.
Vua Đường cất lấy xem qua,
Mới hay bạn nghịch ấy là Bá Cao.
Truyền đem chính-pháp thị-tào (3).
430.— Lư-công xin để buộc vào có tang.
Ghé tai tàu mật mọi đường :
« Xin làm như thế mới tường đầu đuôi ».
Buổi chiều vừa rạng ngày mai,
Đường hoàng (4) rằng : « mới tin ngoài lại tàu :
« Ải-quan rợ Thát khuấy rầu,
« Định ngày tiến-thảo ngô hầu an biên.
« Cho Đông Sơ với Lạc Thiên,
« Kể quyền Tham - tán, người quyền Đồng-binh (5).
« Văn-thần ra sức dăng binh,
440.— « Giệp yên khỏi giặc, quét thanh bụi Hồ ».

(1) Giặc Thát tức rợ Thát Đát 韃靼 nguyên là biệt bộ nước di dịch, về hạng Hung-nô 匈奴, Đột-quyết 突厥, về sau là Mông-cổ 蒙古, một dân-tộc thượng võ đã có phen làm rung-dộng hoàn-cầu.

(2) Đoản-biêu 短表 : Tờ biểu ngắn.

(3) Chính-pháp 正法 : Xử theo phép chính, nghĩa là đem chém. Thị-Tào 市曹 : Nơi chém người, cũng như nói « pháp-trường 法場 ».

(4) Đường hoàng 唐皇 : Vua nhà đường.

(5) Tham-tán 參贊 Đồng-binh 董兵 : hai chức coi việc hành quân đánh giặc.

Hai người nghe nói cần-do,
Trước thềm phủ phục, mướt bờ-hôi lưng.

Mai-công ra trước tàu rằng :

« Dám bày lòng kiến (1) xin dâng bệ rồng.

« Phen này động việc binh-nhung,

« Cũng vì Lư Kỷ, Hoàng Tung hai người.

« Khéo là bày việc trêu người,

« Cầm cơ chần-mễ, cướp mỗi tiểu-di (2).

« Thóc kho, của nước thiếu chí,

450.— « Xin cho chần-thải (3) theo y lệ thường.

« Lấy đầu hai gã Lư, Hoàng,

« Ất là Thát trở về hàng không sai.

« Can chi gây việc cỗi ngoài,

« Đem tài qua - giáp (4), ép người văn-
chương (5).

Đường hoàng nổi giận vội-vàng,

Rằng : « Vì giặc Thát tìm đường hoãn binh ».(6)

Kíp truyền đao-phủ chính hình (7),

Mới hay tằm dạ kiên trinh khác thường.

(1) Lòng kiến do chữ nghĩ khốn 蟻惻.

(2) Chần-mễ 賑米 : Gạo phát chần. Tiểu-di 小夷 :
quần mọi-rợ nhỏ.

(3) Chần-thải 賑汰 : Phát chần và cho vay.

(4) Qua 戈 : ngọn giáo ; giáp 甲 : áo giáp che tên đạn.
Qua-giáp là nói về quan võ.

(5) Văn-chương 文章 : Nói về quan văn.

(6) Hoãn binh 緩兵 : Làm chậm việc binh lại, có ý dễ
chờ dịp gì đáng ngờ.

(7) Đao-phủ 刀斧 : Đao búa, thứ khí-giới dễ hành-
hình kẻ bị phạm tội chết.

Hãy còn gánh lại triều-đường,
460.— Miệng còn sĩ-nhục Lư, Hoàng chưa thôi.

Thương thay trung-ngĩa như ai,
Sa cơ một phút ra người cứu-nguyên (1).

Trần Đông Sơ với Lạc Thiên,
Vạ lây cũng phải cách quyền hồi dân (2).

Hai người thương kẻ trung thần,
Nghĩ tình bạn-hữu ân-cần thổ-than.

Cùng Mai Bạch (3) mới lo toan,
Vào chùa Tướng-quốc (4) bàn-hoàn với sư.

Xin đem linh-cữu để nhờ,
470.— Giục chàng Mai Bạch về nhà đưa tin.

Mới hay tục-ngữ thể truyền
Lời rằng « Họa chí vô đơn » (5) cũng thường.

Lòng chưa xót, bước phong sương,
Nửa đường. Bạch cũng tuổi vàng chơi xa.

(1) Cứu nguyên 九原 : Cũng như cứu tuyền 九泉 : chín suối, đường âm.

(2) Cách quyền hồi dân 革權回民 : Bị cách chức và làm thường dân.

(3) Mai Bạch 梅白 : Người gia-đình đi theo hầu Mai-công.

(4) Tướng-quốc 相國 : Nghĩa đen là giúp nước, cũng như hộ quốc 護國, tên một ngôi chùa ở kinh-đô bấy giờ.

(5) Họa chí vô đơn, bởi câu họa vô đơn chí 禍無單至, tai-vạ bao giờ cũng bị dồn-dập chứ không khi nào chỉ đến lẻ-lai có một việc mà thôi.

GIA-QUYẾN NHÀ HỌ

MAI TRÁNH NẠN

- Lư-công mạo chỉ truyền ra,
Đến Thường-châu nã một nhà họ Mai.
Ruồi mau lệnh-tiền hỏa-bài, (1)
Mấy ngày thoát đã tới nơi châu Thường.
Còn đương trách-cứ phủ-đường,
480.— Mỏng tai may có một chàng Đồ Thân.
Đêm khuya kíp vội dời chân,
Mách công-tử với phu-nhân liệu đường.
Mẹ con xiết nỗi kinh-hoàng,
Cùng xuôi nỗi thảm, vội-vàng trốn đi.
Chia đường tìm chốn trọ thì,
Đỡ khi gặp rúc, đỡ khi vận cùng.
Phu-nhân sang đất Sơn-dông,
Có em lý đó, cũng trong đồng-bào (2).
Đồ Thân lòng tiết-nghĩa sao,
490.— Tưởng ân-nghĩa trước xin theo đi cùng.
Sửa-sang hành-lý vừa xong,
Một công-tử với Hỉ Đồng đi ra (3).

(1) Lệnh-tiền 令箭 : Lá cờ nhỏ của các quan tướng dùng làm hiệu lệnh đề ban phát. Trong lá cờ có đề chữ « lệnh 令 », ngọn cờ hình nhọn như mũi tên.

Hỏa-bài 大牌 : Phiến gỗ có viết chữ, cầm làm hiệu-lệnh của các nha-môn, việc gì khẩn-cấp thì phê chữ « hỏa 火 » nghĩa là nóng như lửa, hỏa tốc.

(2) Đồng-bào 同胞 cùng bọc sinh ra, anh chị em ruột, câu này nói người làm quan đó là em ruột của Mai phu-nhân.

(3) Hỉ Đồng 喜童 : Thư-dồng của Mai-sinh.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Nghi-trung huyện ấy chẳng xa (1).
Nhạc-thân (2) ly đó tên là Hầu Loan.
Ngai-ngàn gặp bước gian-nan,
Người bang-khuàng mẹ, kẻ bản-hoàn con.
Trời đã mở lối sinh môn, (3)
Rồng về biển, cọp về non bao giờ ?
Phủ-binh (4) khen khéo hững-hờ,
500.— Canh năm vừa kéo đến nhà họ Mai.
Trước sau nào có một ai,
Khói nhà lạnh ngắt, tiếng người vắng tanh.
Sai-nha thấy thế nghi tình,
Bảo nhau tầm-nã chung quanh trong làng.

NÔNG - NỖI MAI - SINH TRONG KHI TRÁNH NẠN

Phu-nhân phận ấy đã cam,
Cũng may được chốn nhà em nương mình.
Thương thay công-tử tuổi xanh,
Long-dong mấy hội, gặp-ghềnh mấy phen.
Từ khi thầy tớ xuống thuyền,
510.— Thuận giòng thủy-đạo (5) tới miền Nghi-
trung.

(1) Nghi-trung 儀徵 một huyện thuộc đạo Duy-dương
維陽 tỉnh Giang-tô 江蘇 bên Tàu đời bấy giờ.

(2) Nhạc-thân 岳親 Bỏ vợ Mai-sinh.

(3) Sinh môn 生門 : Cửa sống, lối sống, con đường
sống.

(4) Phủ-binh 府兵 : Lính phủ, tức lính ở phủ
Thường-châu, sở tại, quê Mai-công.

(5) Thủy-đạo 水道 : Đường thủy.

- Tôi nơi lên bộ dùng-dăng,
Vào nơi phạn-diêm (1) hỏi chừng trước sau :
« Là-lùng xin tỏ cho nhau,
« Huyện-quan có phải họ Hầu tên Loan ? »
Nhà hàng thấy nói hỏi-han,
Trình rằng : « Thôi chớ hỏi bàn làm chi.
« Lòng người ăn xổi ở thì,
« Nặng bên danh-lợi, nhẹ bề thân-hoi.
« Cho hay giàu diếc sang dui,
520.— « Tìm vào trước đã lắm người ra không. »
Nghe thôi, công-tử ngại-ngùng,
Ngồi bên, khen gã Hỉ Đồng mỏng tai.
Đêm khuya ghé lại rỉ lời :
« Lòng người nham-hiềm, thói đời viêm-lương
(2).
« Mời rồi nghe chuyện nhà hàng.
« Họ Hầu đây cũng là phường lãng-nhăng.
« Mà ta lánh nạn băng chùng,
« Chúng tôi đại dạ, nghĩ đừng vội tin.
« Chắp kính nếu chẳng tòng quyền.
530.— « Sợ khi muôn một chu-tuyền (3) làm sao ?
« Tôi xin thay mặt trước vào,
« Nghe bình-tĩnh ở thế nào thử xem.

(1) Phạn-diêm 飯店 : Hàng cơm.

(2) Viêm 炎 : Nóng ; lương 凉 : Mát. Thói đời viêm-lương : ý nói thói đời cứ tùy theo kẻ suy người thịnh mà coi trọng coi khinh, cũng như tiết trời lúc nóng lúc lạnh thay đổi thất thường.

(3) Chu-tuyền 周旋 : Làm cho tròn vẹn.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Bể ra lòng cá dạ chim,
« Tôi đương nạn ấy, người tìm nẻo xa ».
Túi hành-lý gửi vào nhà,
Tớ thầy đổi áo bước ra lên đường.
Lạ-lùng lẫn-lộn hèn sang,
Hỉ Đồng đi trước, đề chàng theo sau.
Đồng, đà liệu trước mưu sâu.
540.— Mua ti-sương (1) đã buộc đầu đai lưng.
Bước vào cửa huyện Nghi-trung,
Đề công-tử chực nghe chừng một nơi.
Cây người môn-lại thừa lời (2),
Đưa tin bán-tử (3) họ Mai sang hầu.
Truyền cho vào tận trong lầu,
Hầu Loan hỏi hết gót đầu vân vân.
Hỉ Đồng thưa chuyện xa gần,
Nổi nhà oan-khốc, nổi thân lạc-loài.
Thoắt thôi giả cách sut-sùi,
550.— Nào hay Hầu-thị là người bạc đen.
Dứt lời trở mặt quở liền :
« Tội-nhân (4) ai dễ có quyền dám dong ?
« Con ta yêu-diệu khuê-phòng,
« Có Tây-tử (5) đó, thiếu đông-sàng (6) nào !

(1) Ti-sương 砒霜 : Vị thuốc độc.

(2) Môn-lại 門吏 : Người coi cửa.

(3) Bán-tử 半子 : Nửa con, tức con rề.

(4) Tội-nhân 罪人 : Người có tội.

(5) Tây-tử 西子 tức Tây Thi, gái đẹp đời Xuân-thu, Việt-Vương Câu Tiễn bị Ngô-Vương Phù Sai đánh thua, đem Tây Thi dâng cho vua Ngô để cầu hòa. Vua Ngô bị Tây Thi mê-hoặc đến nỗi lại bị Việt-Vương đánh thua. suýt phải mất nước.
(Xem tiếp chú-thích 6 trang 53)

« Ở đây mười mắt trông vào (1),
« Rõ-ràng án ấy, tha sao cho đành. »
Kíp truyền ngục tốt (2) giao canh :
« Rồi đây ta sẽ tiến kinh cho rồi ! »
Bấy giờ công-tử đứng ngoài,

560.— Trông vào đã thấy toi-bời điệu ra.

Quá thương nhường muốn hỏi qua,
Hỉ Đồng liếc mắt xa đưa ý chàng.
Trong mình sẵn khối ti-sương,
Giở ra nuốt-ực quyết đường quỳên-sinh.
Nghĩ người con trẻ thương tình,
Nghĩa thầy tớ nặng, thân mình xem không.
Tưởng là Mai-thị thân vong (3),
Giả hình, ai biết Hỉ Đồng là ai.

Một đoàn ngục tốt toi-bời,
570.— Khiêng ra cửa bắc, táng ngoài đồng không.
Mai-sinh theo hút xa trông,
Viếng thăm, làm dấu, mới phong nên phần (4).

(6) Đông-sàng 東床 : Giường bên đông. Đời Tấn, Hy Giám có con-gái, cho người đến nhà Vương Đạo kén rể. Con cháu họ Vương đều hy-vọng, duy Vương Hy Chi chỉ nằm phoi bụng tại giường bên đông ăn bánh, coi như không có chuyện gì. Hy Giám bèn gả con-gái cho Hy Chi, sau quả nhiên hiền-đạt hơn cả.

(1) Mười mắt trông vào, bởi chữ thập mục sở thị 十目所視.

(2) Ngục tốt 獄卒 : Lính canh ngục.

(3) Thân vong 身亡 : Chết.

(4) Phần 墳 : Nấm mồ, phần mộ.

MAI-SINH TỰ ẢI ĐƯỢC
NHÀ SƯ CỨU SỐNG

Nghĩ đi nghĩ lại tần-ngần,
Tay không đất khách, một thân quê người.
Biết cùng ai tỏ khúc nôi,
Dở-dang hai lẽ, tới lui khó lòng.
Bước lần bỗng thấy gần sông,
Xuống thuyền nhờ để tìm vùng lánh xa.
Trộn ngày đến bến, lên bờ,
580.— Trời hôm vào đấy là chùa Thọ-am.

Than rằng : « Tội báo cho cam,
« Thế này trời hãy còn làm đến đâu.
« Họ Lư tìm-nã còn lâu,
« Tắm thân đã biết về sau thế nào ? ».
Trong lưng sẵn giải lụa đào,
Cởi ra, sinh đã buộc vào cành cây.
Thương ôi ! sao khéo đang tay !
Thân này đã quyết với dây ấy rồi.
Trời còn cứu kẻ anh-tài,
590.— Trong chùa bỗng có một người bước ra.

Lòng lành thấy sự oan-gia (1),
Trở vào bạch với sư-già trước sau.
Sư ra dạy cởi xuống mau,
Khương-thang (2) kịp đồ, giờ lâu tỉnh dần.

(1) Oan-gia 冤家 : Nhà có oan-nghiệt, nhà gặp sự chẳng may.

(2) Khương-thang 姜湯 : Nước gừng nóng. thang thuốc gừng.

- Thấy người trang-mạo văn-nhân (1),
Quá thương, sự mới hỏi gần hỏi xa.
Nỗi mình đau dăm giờ ra,
Sinh bèn chống-chế, kêu-ca liệu lời :
Rằng : « Con chút phận tôi-đói,
600.— « Giữ đồ thầy để mất vài bốn bao.
« Trở về nghĩ chẳng tha nào,
« Cực mình nên phải quyết liều quyền-sinh (2).
« Sư rằng : « Cửa bụt thênh-thênh,
« Tòng quyền hãy tạm gửi mình ở đây.
« Nhà chùa công việc cũng đầy,
« Dầu rằng lau án, tưới cây cũng là.
« Vả trông ra dáng con nhà,
« Sẵn nghiên-bút viết một và tờ xem.
« Dầu rằng xấu tốt chẳng hiềm »,
610.— Sinh bèn đề chữ « Thọ-am tự-thuyền » (3).
Sư rằng : « Đây bút thiên-nhiên (4),
« Lọ tìm Vũ-kiểm, lọ khen Lan-đình (5). »

(1) Trang-mạo văn-nhân — bởi câu Văn-nhân trang-mạo
文人狀貌, nghĩa là mặt ra dáng người có văn-học.

(2) Quyền sinh 捐生 : Bỏ sự sống, nghĩa là liều thân,
liều chết.

(3) Thọ-am tự-thuyền 壽庵寺禪 : Chùa Thọ-am.

(4) Thiên-nhiên 天然 : Tự nhiên mà thành như trời;
làm sẵn.

(5) Vũ-kiểm 舞劍 : Một lối chữ nét sắc như gươm múa,
nên gọi là vũ kiếm. Lan-đình 蘭亭 : Lối viết của Vương
Hy Chi đời Tấn, chữ rất tươi-đẹp, người ta gọi là thiếp
Lan-đình.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Phòng văn giao mặc viết kinh,
Vườn hoa lại phó một mình sửa-sang.
Sức người như giúp hơi dương,
Một vườn tươi-tốt bằng nhường thêm xuân.

CUỘC GẶP - GỠ GIỮA MAI-SINH VỚI HỌ TRẦN

Những mong bóng Phật nương thân,
Hay đâu bỗng chốc lương-nhân (1) giắt vào.
Nỗi sự nào biết đâu nào,
620.— Chẳng là tên gọi Nhật Cao họ Trần (2).
Thám-hoa võ-cử xuất thân (3),
Ba nơi tọa-trấn (4) mấy lần đồng-binh.
Thờ-ơ áng lợi nền danh,
Vui lòng tuyên - thạch (5) gửi mình thuyền-
am (6).

Trần Đông Sơ ấy là em,
Một ngày thông thả mới tìm sang chơi.
Anh em kẻ-lẻ lời-thời,
Có khi nhắc chuyện họ Mai khóc thầm.
Mai-sinh riêng dạ nghĩ ngẫm,
630.— Xem trò-chuyện ấy, biết tâm-tích rồi.

(1) Lương-nhân 良姻 : Cũng như lương duyên 良緣 : Duyên tốt.

(2) Trần Nhật Cao 陳日高 : Anh Trần Đông Sơ.

(3) Thám-hoa võ-cử tức là đồ Thám-hoa khoa thi võ 武舉探花. Xuất thân 出身 : Bước đầu tiên ra đời.

(4) Tọa trấn 坐鎮 : Ngồi nhậm chức.

(5) Tuyên-thạch 泉石 : Suối và đá, trở vào cảnh rùng núi.

(6) Thuyền-am 禪庵 : Cảnh nhà chùa.

- Hai ông tìm hứng, mua vui,
Giắt tay, sánh bước, chân dõng vườn sau.
Xem hoa vừa ý, gặt đầu,
Trình anh, mời kẻ mấy câu nần-ni :
« Mười năm theo việc vương-kỳ, (1)
Sân Đào mấy lớp, đông ly bỏ rềm. (2)
« Gốc cần, cối rậm, khó xem,
« Cỏ cây ví vớ ăm-thuyền kém xa.
« Tiểu đày kẻ khéo có thừa,
640. — « Nhà em bên ấy tạm nhờ một tay ». .
Sư rằng : « Anh cũng là may.
« Ngày xưa được chủ tiểu này bỗng không.
« Họ Vương tên gọi Hỉ Đồng, (3)
« Bút-nghiên tay giỏi, nghi-dung con nhà.
« Việc quen sửa cảnh, vun hoa,
« Cho về bên ấy nương-nhờ cũng hay ! »
Mai-sinh bèn lay tạ thầy,
Theo về Trần-phủ (4) một giây đến nhà.
Trần-công cười nói lời-la ;
650. — Đòi công-tử với cùng là phu-nhân.

(1) Vương-kỳ 王畿 : Kinh-dô nhà vua.

(2) Sân Đào là sân nhà ông Đào Tiềm 陶潛, một hữu quan đời Tấn. Đông ly 東籬 là dậu bên đông, nơi trồng cúc và các thứ hoa.

(3) Sao khi được nhà sư cứu sống, Mai-sinh mang tên Vương Hỉ Đồng 王喜童, người dầy-tử có nghĩa đã chết thay Mai-sinh ở Nghi-trung.

(4) Trần-phủ 陳府 : Dinh Trần-công, người ta quen gọi nhà các quan là « phủ ».

Tiểu-thư cũng gọi đến gần,
Rằng : « Hôm nay buổi đời chân tham
thuyền. (1)

« Xin về được gã thiếu-niên,
« Cảnh-hoa việc biết, bút-nghiên nghề nòi ».

Những xem phong-dạng con người,
Một nhà ai cũng một lời khen lao.

CẢM-TƯỞNG GỬA MAI-SINH TRONG KHI Ở TRẦN-PHỦ

Mai-sinh đành phận biết sao,
Khi ra viết thiếp, khi vào sửa hoa.
Cửa người ngày tháng lờ-la,
660.— Một mình riêng những xót-xa sự mình.
Sinh-ly (2) xa cách huyên-đình, (3)
Một cây bóng ngã mấy cành tang-du. (4)
Sơn-đông (5) non nước mịt-mù,
Niềm thương nỗi nhớ biết hồ có người.

(1) Tham thuyền 參禪 : Thăm cảnh chùa.

(2) Sinh-ly 生離 : Sống mà phải lìa nhau, mỗi người
mỗi ngả, không được sum-hợp.

(3) Huyên-đình 萱庭 : Sân cỏ huyên, trở người mẹ —
Xem chú-thích trên.

(4) Tang du 桑榆 : Khi mặt trời sắp lặn, bóng nắng
còn sót lại trên cành dâu, cành bưởi, người ta nhân đó mới
mượn chữ tang — cành dâu, du — cành bưởi — ví với cảnh
già, nên có chữ tang-du mộ cảnh 桑榆暮景 : cảnh về
chiều của cây dâu cây bưởi.

(5) Sơn-đông 山東 : nơi Mai phu-nhân lánh nạn, tức
là chỗ em bà làm quan.

Nghi-trung một năm cát vui, (1)

Vì ai nên nổi thiết-thời đến ai.

Sau này dù nhận có người,

Nghĩa kia biết có đền-bồi được chăng ?

Thành sâu cao ngắt tầng tầng, (2)

670.— Một vườn ngày gió đêm trăng thân-thờ.

MỐI TÌNH CỦA MAI-SINH KHI

TRÔNG THẤY HẠNH NGUYỄN

Hay đâu con tạo lọc-lừa,

Chen vòng hắc vận trao tơ xích-thắng. (3)

Có phen bên gió, dưới trăng

Buổi man-mác bóng, cơn vắng-vắng người.

Trong vườn tha-thướt đường ai,

Xem hoàn (4) đồ lá, giục đòi hái hoa.

Người đâu trong ngọc trắng ngà,

Mặt vành-vành nguyệt, tóc ngà-ngà mây.

Lập-lòa mới đính mới thay,

680.— Sắc xiêm hoa dệt, nét giày phượng thêu.

A-hoàn một lũ nổi theo,

Quạt tha-thướt phẩy, lò diu dặt mang.

Xa xa thoang-thoang mùi hương,

Mai-sinh trông liếc rõ-ràng tiêu-thư.

Mối tình buộc lấy khư-khư,

Hồn băng-khuàng quế, phách thờ-thần mai.

(1) Nói về mã Hỉ Đồng táng ở Nghi-trung.

(2) Đoạn này tả Mai-sinh nhớ mẹ và thương dây-tơ.

(3) Hắc vận 黑運 : vận đen. Xích-thắng 赤繩 ; dây đỏ, dây xe duyên của Nguyệt-lão trong truyện Vy Cổ 韋 固.

(4) Hoàn tức liễu-hoàn 丫 鬟 : con đòi, dây-tơ gái.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Của dàu trêu-gheo chi ai,
Ấy người cung Quảng, (1) hay người đài
Dương. (2)

Tắc riêng, riêng những mơ-màng,
690.— Chữ tư đề dưới chữ tương ngày ngày. (3)
Nghĩ mình lưu-lạc đã dày,
Chút niềm tâm-sự dám bày cùng ai.
Lại mang cái tiếng tôi-dòi,
Nhân-duyên trời có chiều người cho chẳng. ?

THĂM VƯỜN MAI TRẦN-CÔNG NHỚ BẠN

Thu đông trái mấy gió trăng,
Bông đào chợt đã báo chừng nửa xuân.
Một vườn cảnh-vật tiên-tân, (4)
Mỡ xa cảnh biếc, kè gần lười oanh !
Trần-công nhân buổi dạo quanh,
700.— Đây vườn thấy nở chập cảnh hoa mai.
Tĩnh ngày mai, tối mười-hai,
Truyền làm tiệc rượu đặt nơi hoa-đình. (5)
Vào trong khi bất thành-linh,
Phu-nhân xem thấy ra tình không vui.

(1) Cung-Quảng tức Quảng-hàn-cung 廣寒宮, cung
trăng.

(2) Đài Dương tức Dương-dài 陽臺, nơi Sở Tương-
vương cùng thần-nữ hội-ngộ.

(3) Chữ tư đề dưới chữ tương tức, là tương-tư 相思.

(4) Tiên-tân 鮮新 : Tươi-tốt, mát-mẻ.

(5) Hoa-đình 花亭 : Đình-hoa, vòn cao xây ở vườn
hoa, làm nơi thờ hoa-thần.

- Rằng : « Vườn ta cảnh tra người,
« Sắc ông sao bồng kềm tươi, thêm sâu ? »
Ông rằng : « Chẳng đánh mà đau,
« Ngày mai sức nhớ giò đầu Mai-huỳnh. (1)
« Nghĩa bằng-hữu, bạc trung-trinh,
710.— « Thấy hoa mai, bồng động tình xót ai ».
Sáng ngày mượn tiếng thưởng mai, (2)
Đem lòng thành-kính, viếng người tình-anh :
« Có thiêng chẳng nhẽ, Mai-huỳnh !
« Chớ nề u-hiền, thấu tình anh em.
« Bảy giờ kẻ khuất đã cam,
« Kẻ còn dong-ruổi cho tìm thấy tôi».
Trông hoa lại nhớ mấy lời :
« Họ Mai còn chút lạc-loài nên thương.
« Phỏng ngày sau có ra tuồng,
720.— « Thì hoa mai nở bội thường (3) hơn xưa ».
Hóa-nhi khen khéo thờ-ơ,
Bởi đâu một trận gió mưa đêm trường.
Sáng mai trông lọt bốn tường,
Cảnh hoa dưới đất, mùi hương trên trời.
Trần-công thấy chẳng nên lời,
Thương tình bạn, giận sự đời, ngồn-ngang.
Gác ngoài phủ-quí một tràng,
Mũ-ni, tràng-hạt, quyết đàng xuất-gia (4).

(1) Mai-huỳnh 梅兄 : Ông anh họ Mai, lời xưng-hô của anh em bạn.

(2) Thưởng mai 賞梅 : Ngắm cảnh hoa mai.

(3) Bội thường 倍常 : Gấp đôi lúc thường, nghĩa là hơn lên.

(4) Xuất gia 出家 : Đi tu, đi ở chùa.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Phu-nhân, công-tử vào thưa :

730.— «Xưa nay mưa gió rụng hoa là thường.

« Làm chi nhọc bụng lo-lường,

« Tuổi già, nhà vắng, thêm đường dở-dang.

Ông rằng : « Thôi chờ bàn ngang,

« Một lời nói, dẫu nghìn vàng đổi sao !

MAI HAI ĐỘ NỞ

Cả nhà xiết nỗi thăm-sầu,

Tiểu-thư lập chước thưa sau giải-bày.

Rằng : « Xin đợi lại mấy ngày,

« Cầu Trời khẩn Phật hoa này lại tươi ».

Ông rằng : « Thực có như lời,

740.— « Mai hai độ nở mới dòi lòng ta ».

Tiểu-thư ra trước vườn hoa,

Khẩn năm bảy lượt, lạy và bốn phen.

Lòng thành thấu cửu-trùng-thiên (1)

Cành phàm đã chấp hoa tiên bao giờ. (2)

May dẫu đến bữa thứ ba,

Mai-sinh thức dậy, bấy giờ còn khuya.

Hương dẫu phùng-phức tư bề,

Hoa dẫu san-sát đầy khe một vườn.

Tấm lòng mừng-rỡ như son,

750.— Đề thơ tứ tuyệt thất ngôn một bài. (3)

(1) Cửu-trùng-thiên 九重天 : Chín tầng trời.

(2) Cành phàm : Cành cây tầm thường — phàm tục. —
Hoa tiên : Bông hoa tươi đẹp — thần tiên — Câu này đem
chữ phàm 凡 chơi với chữ tiên 仙 cũng là lối chơi chữ.

(3) Tứ tuyệt thất ngôn 四絕七言 : Lối thơ 4 câu mỗi
câu 7 chữ. Thơ của Mai-sinh vịnh hoa mai hai độ nở, nguyên-
(Xem tiếp chú-thích trang kế)

Đề rồi bẻ một cành mai,
Trao con đòi, cây đưa lời Trần-công.
Một nhà thấy sự lạ-lùng,
Trước sau một lũ đều cùng tới coi.
Trần-công rằng : « Sự tỏ mười,
« Chắc rằng Mai-thị còn người làm nên ! »
Nối tu gác để một bên,
Truyền đem tửu quả đặt lên hoa-dinh.
Trên bày bài-vị (1) Mai-huỳnh,
760.— Bấy giờ tình-cảnh Mai-sinh thực là.
Tìm nơi đình-tử (2) xa xa,
Trông ngay trước mộc-vị (3) cha, thở dài.

văn chữ Hán : « Thốc thốc mai hoa sồ trượng cao; Minh triều vũ lộ hạ thiên tào, Tạc tiêu hoa bản thành khôì thờ, Nhị thứ mai hoa vạn cồ tao. 簇簇梅花數丈高, 明朝雨露下天曹, 昨宵花本成灰土, 二次梅花萬古遭 ». Dịch nghĩa : Lốp lốp hoa mai cao mấy trượng, sớm mai mưa móc từ trên trời rủ xuống. Đêm qua đấng lẽ hoa đã thành đất bùn, hoa nở hai lần thật là dịp gặp-gỡ muôn đời mới có một.

Có người đã dịch :

Mấy dầy huỳnh-mai ngắt bóng gần,
Mắc mưa một trận giục tin xuân,
Hoa đêm xưa thế, đêm này thế,
Rụng lại thêm tươi, để mấy lần.

(1) Bài-vị 牌位 : Cái bài gỗ viết danh-hiệu người chết dán vào đề thờ.

(2) Đình-tử 亭子 : Tức là vòn xây ở vườn hoa. Mai-sinh đứng đằng xa trông dáng chỗ đặt bài-vị.

(3) Mộc-vị 木位 : Tức bài-vị gỗ nói trên.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Vô tình ai biết là ai,
Tiểu-thư liếc mắt đưa chơi biết tình.
Sinh xem biết ý chân-thành, (1)
Nổi nghi (2) dường đã bớt canh-cánh lòng.
Nhớ tên hiệu chữ Mai-công,
Đề vào mảnh giấy dán trong nắp hòm.
Ra vào giấu-giếm, nom-dòm,
770.— Gọi là tiện chút sớm hòm phụng-thờ.
Trần-công đi lại xem hoa,
Truyền đòi công-tử tên là Xuân-sinh (3).
Rằng : « Ta xưa những ở kinh,
« Chẳng hay con đã học-hành tiến chưa.
« Rày nhân nhị độ mai hoa (4)
« Con đề tức cảnh một thơ tiến trình. »
Còn đương khuyên-bảo Xuân-sinh,
Trông lên đã thấy bên bình có thơ.
Trần-công đòi hỏi bấy giờ,
780.— Mời hay đề đó là thơ Hỉ Đồng,
Khen câu ngọc đúc vàng ung,
Vóc trong miệng, găm trong lòng (5) vẽ nên.

(1) Chân-thành 真誠 : Thực-thà.

(2) Nổi nghi 疑 : Mối ngờ.

(3) Xuân-sinh 春生 : Con-trai Trần-công, khi tỵ nạn mạo tên là Khâu Khôi 邱魁. Sau thi đỗ Bảng-nhân.

(4) Nhị độ mai hoa 二度梅花 : Tức Mai hai độ nở hoa.

(5) Vóc trong miệng, găm trong lòng, tức là tiếng dịch nghĩa của bốn chữ : tú khẩu cảm tâm 繡口錦心.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Xuân-sinh thấy sẵn thơ trên,
Cũng theo vận ấy đề liền bốn câu. (1)

Trần-công vừa ý gật đầu,
Tiêu-thư lại thấy ở đầu đến gần.

Day rằng : « Nữ-tử, văn-nhân, (2)
Theo đòi con cũng họa vần thử coi.

Tiêu-thư cầm bút vàng lời,
790.— Bèn tường cũng vịnh một bài nổi sau. (3)

(1) Thơ của Trần Xuân-sinh theo nguyên-văn chữ Hán :
« Sở sắc mai hoa phẩm tối cao, Y y đỉnh cáo tự nhi tào, Chi
nhân thành kính thông thiên giới, Cổ xử mai hoa phóng nhị
tao. 數色梅花品最高, 依依訂告似兒曹, 祇因
誠敬通天界, 故使梅花放二遭. » Nghĩa là mấy
lớp hoa mai phẩm giá rất cao, rõ-ràng như lũ trẻ, chỉ bởi lòng
thành-kính cảm-động đến trời, nên khiến cho hoa mai hai
lần nở.

Có người đã dịch :

Mấy sắc mai hoa bóng dễ gần !
Khác chi hơn-hở một nhà xuân.
Chứng cho trời khiến hoa kia nở,
Xưa một lần, nay lại một lần.

(2) Nữ-tử văn-nhân 女子文人 cũng như nói gái sắc
trai tài.

(3) Nguyên-văn thơ chữ Hán của Hạnh Nguyên tiêu-
thư : « Xuân nhật mai hoa phẩm tối cao, Hựu-nhân Thượng-
đế giảng nhi tào, Hoàng-thiên bất phụ trung-lương hậu, Tái
xử mai hoa phóng nhị tao. 春日梅花品最高, 又因上帝
降兒曹, 皇天不負忠良後, 再使梅花放二遭. »

(Xem tiếp chú-thích trang kế)

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Khen tài nhả ngọc phun châu,
Ba vắn già-giặn, bốn câu thanh-kỳ.
Yên xong, ông trở gót về,
Cùng phu-nhân mới nắn-nì một hai :

« Hỉ Đồng là kẻ có tài.

« Ở đây chớ để tôi-đòi xem khinh ».
Mai-sinh thui-thủi bên đình,
Một mình tỉnh quẩn lo quanh việc nhà.

Xưa nay nghe tiếng đồn xa,
800.— Phồn-hoa thứ nhất ấy là châu Dương. (1)

Hôm nay nhân buổi thanh-lương. (2)

Rời chân xem thử phổ-phường những sao.

Chập-trùng quán thấp lầu cao,

Tạ, Vương mấy chốn, Nguyễn, Đào mấy nơi (3).

Nghĩa là : Ngày xuân hoa mai phẩm giá rất cao quý, lại nhân dịp Thượng-đế giáng phúc cho chúng con. Lòng trời chẳng nỡ phụ dòng dõi người trung-lương, lại khiến hoa mai nở hai lần.

Có người đã dịch :

Phẩm mai quý cách bấy hoa gần,
Lũ trẻ lòng thành hóa lại xuân,
Trời chớ dứt lòng trung-nghĩa ấy,
Nên cho hoa lại nở hai lần.

(1) châu Dương tức Dương-châu 揚州 một châu trong 9 châu đời Hạ Vũ, về đời Tùy-Đường đặt Dương-châu tại Giang-đô thuộc tỉnh Giang-tô.

(2) Thanh-lương 清涼 : Trong-sạch, mát-mẻ.

(3) Vương, Tạ, Đào, Nguyễn 王謝陶阮 là những nhà phú-quí phong-lưu ở Giang-tả đời nhà Tấn.

Xe lừa, dù cá chen vai,
Kìa người đại-cổ, nọ người phú-thương. (1)
Màn che mái, gạch ken đường,
Bầu nhà vàng nuột, rèm hàng lưu-ly.
Khắp người viễn-khách cư kỳ, (2)
810.— Tây-dương (3) chung cảng, Cao-ly (4)
riêng hàng.
Lớp ngoài một dãy trường-giang, (5)
Tàu chen mũi đố, thuyền giương buồm về.
Chài lan san-sát lá tre,
Chiếc đua mái đầy, chiếc kê bến neo.

BỊ LỘ CHÂN-TƯỚNG MAI-
SINH THÚ THỰC TÌNH

Những là mển cảnh nơi theo,
Khi về vừa bóng xế chiều tới nơi.
Phòng riêng đã vắng thăm-hơi.
Nấp hóm bỏ ngổ, vị-bài thấy không.
Tìm sau tìm trước lung-tung.
820.— Nghĩ riêng lòng những giận lòng đòi con.

(1) Đại-cổ 大賈 nhà buôn lớn; phú-thương 富商 nhà buôn giàu.

(2) Viễn-khách cư kỳ 遠客居奇: khách lạ đến buôn bán. «Cư kỳ» bởi chữ «kỳ hóa khả cư» 奇貨可居, của lạ có thể buôn được. (Truyện Lã-bất-Vy 呂不韋傳).

(3) Tây-dương 西洋: Các nước ở bên Tây Âu.

(4) Cao-ly 高麗: Tức Triều-tiên, một nước bên nước Tàu.

(5) Trường-giang 長江: Sông dài.

- Ai hay trong lúc du-quan,
Tiểu-thư cùng với thủy-hoàn (1) ra chơi.
Mở hòm nhác thấy một bài,
Ngạc-nhiên cất lấy thừa lời đến ông.
Trần-công rằng : « Sự lạ lòng,
« Hỉ-Đồng này thực Mai-công-tử rồi ! »
Đòi thủy-hoàn mới dạy lời,
Dặn-dò hãy thử ướm chơi thăm tình.
Hoàn rằng : « Hời hời Mai-sinh,
830.— « Toan gieo cái vạ tày đình cho ai ?
« Bây giờ Lư-tướng nghe hơi,
« Sai về trách-cứ một hai lấy người.
« Kéo còn quanh-quẩn những lời,
« Còn nay Vương-thị, còn mai Hỉ-Đồng ? »
Mai-sinh nghe tỏ sự lòng,
Uốn lời thủ thực phô sông van lơn :
« Mai nay muôn đội ơn hoàn,
« Mưu gì cứu được khỏi cơn đường cùng ».
Thủy-hoàn mới ngỏ thực lòng :
840.— « Vâng lời tôi thử ướm lòng đây thôi.
« Mới rồi nhân thấy vị-bài,
« Rõ tình ông dạy cho lời không sao ! »
Mai-sinh ren-rén bước vào,
Nửa mừng nửa sợ biết bao nhiêu tình.
Ông rằng : « Sao những giấu quanh,
« Nghĩ là ai, chẳng là mình đấy ư ?
« Thế mà bác cứ thờ-ơ,
« Thử cho lỗi ấy từ xưa đến rày ».

(1) Thủy-hoàn 翠鬟 : Cũng như Liễu-hoàn, con đòi.

- Lạy rồi, sinh mới giải-bày :
- 850.— Từ ngày về quá 1, từ ngày nghe oan.
Bao nhiêu tình-tự nguồn cơn,
Sơn-dòng chia bước, Hầu Loạn trở lòng.
Ơn Đờ Thân, nghĩa Hỉ Đồng,
Dây oan khi cỗi, cửa không khi nhờ.
Bước đường xa, cái sống thừa,
Tắc riêng riêng những nào ngờ có nay !
Ông rằng : « Nương-náu ở đây,
« Thù kia ắt cũng có ngày trả xong.
« Niệm cùng công-tử một phòng,
- 860.— « Anh em liệu đẩy dốc lòng nghiệp nhỏ.
« Tình thế-nghị (1) nghĩa giao-du (2).
Văn-chương tri-kỷ (3), chuyện trò chiếu-tâm (4).

TRẦN-CÔNG BÀN GẢ HẠNH
NGUYỄN CHO MAI - SINH

Mặc ai gặp bạn tri-âm (5),
Ông bà luống những bàn thăm rĩ tai :
« Mai-sinh là bậc thiên-tài,
« Cầu văn cầm-tú, về người y-quan (6).

(1) Thế-nghị 世誼 : Tình nghĩa bạn-bè đời này sang đời khác.

(2) Giao-du 交遊 : Giao-kết, chơi bời với nhau.

(3) Tri-kỷ 知己 : Biết mình, người thực biết được mình thì là tri-kỷ.

(4) Chiếu-tâm 照心 : Soi lòng, soi thấu tận lòng.

(5) Tri-âm 知音 : Biết tiếng, biết cái hay của nhau, cũng như biết âm-nhạc hay hay dở.

(6) Cầm-tú 錦繡 : Cầm vóc, nói về văn-chương hay. Y-quan 衣冠 : Áo mũ, nói bóng là có vẻ quan sang.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Lòng ta muốn gả Hạnh Nguyên (1).
« Thiên-tài, quốc-sắc (2) hai bên cũng vừa.
« Chẳng lâu, thấy đó bây giờ,
870.— « Bảng vàng rõ mặt, đuốc hoa định ngày (3).
Bà rằng : « Được thế là may,
« Thế thì tuổi-tác lòng này cũng an ! »
Thà-la có một thủy-hoàn,
Ra vào nghe thấy chuyện bàn đình-ninh.
Lòng riêng, riêng cũng thuận tình,
Khi ra đon-đả với sinh thi-thầm.
Người khuê-các (4) khách thư-cầm (5),
Ngoài dành dải ngọc, trong dành tựa mai (6).

BỊ TRIỆU ĐI CỐNG-HỒ HẠNH NGUYÊN TỪ-GIÃ GIA-QUYẾN

- Ông tơ khen khéo cợt người,
880.— Đã xé vào, lại thử rời bắc, nam.

(1) Hạnh Nguyên 杏元 : Con gái Trần Đông Sơ, bị ép đi cống Hồ, gieo mình xuống đầm, được thần cứu sống đem về, làm con gái nuôi Châu Bí Phù, sau làm chính-thất Mai Lương Ngọc.

(2) Thiên-tài, quốc-sắc 天才國色 : Cũng như nói trai tài gái sắc.

(3) Câu này cũng như câu thơ « Kim bảng quải danh thì, động phòng hoa trúc dạ 金榜掛名時,洞房花燭夜 ».

(4) Khuê-các 閨閣 : Cũng như nói phòng khuê cửa các, con gái nhà tử-tế.

(5) Thư-cầm 書琴 : Sách và đàn, biểu-hiệu của văn-nhân.

(6) Dải ngọc 待玉 : Ngọc đợi giá ; tựa mai : nương tựa vào họ Mai.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Làm cho chí tái chí tam (1),
Rồi ra đổ lại vào ngăm mới thôi.
Phủ Trần chưa hết chuyện vui,
Bống đầu có chỉ đến nơi quan-hoài.
Đảng-công, Lư Kỷ ngồi ngoài,
Truyền rằng có chỉ dạy đòi Trần-gia.
Đọc rồi mới biết rằng là :
Biên-quan (2) có nước Sa-dà (3) động binh.
Khởi lang, bụi ngựa tung-hoành,
890.— Khuấy hời cỡi Hán, chọc tanh ải Tần (4).
Lư-công dâng chước hòa thân (5),
Truyền đòi con gái họ Trần kết thân.
Ban cho áo mũ Chiêu Quân (6),
Đảng-công vàng mệnh đưa chân cỡi ngoài.
Nghe ra xiết nổi bồi-hồi,
Ấy ai mưu hiểm, giục người sinh-ly ?

(1) Chí tái chí tam 至再至三 : Đến 2 đến 3 lần.

(2) Biên-quan 邊關 : Cửa ải ngoài biên, nơi giáp giới ngoại-quốc.

(3) Sa-dà 沙陀 : Một bộ lạc thuộc biệt-bộ Tây-dột-quyết 西突厥. Trong đời nhà Đường, có tù-trưởng là Chu-gia Chấp-nghi 朱邪執宜 về hàng, được cho theo họ là Lý N — họ nhà Đường — sau có Lý Tồn Húc 李存勖 diệt nhà Hậu-lương lên làm vua Trung-quốc, tức là Hậu Đường. Bây giờ ở Tân-cương có nơi sa-mạc tên là Đặc-xa-địa 特沙地, tức là địa-phương Sa-dà bấy giờ.

(4) Hán 漢 : nhà Hán; Tần 秦 : nhà Tần, hai triều-dại thống-nhất Trung-quốc. Chữ Hán Tần trong câu này chỉ nói thay về Trung-hoa.

(5) Hòa thân 和親 : giảng-hòa và kết thông-gia.

(6) Chiêu Quân 昭君 : Một cung-nhân đời Hán Nguyên-đế, tên là Vương Trường 王嬌 có nhan sắc, bị đem đi cống Hồ — Hung-nô — sau chết tại đất Hồ.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Khởi-hành (1) đã định nhật-kỳ, (2)
Lư-công giục-giã ngân tùy (3) quân sai.
Hạnh Nguyên ra yết nhà ngoài,
900.— Ngựa gan tẩm-tức mấy lời vân vân :
« Về chi một chút Hồ trần, (4)
« Những tài thao-lược, kinh-luân (5) đâu nào ?
« Đẹp yên mượn sức má-đào,
« Khen ai đặt-đề cái mưu cũng già !
« Kiếp này không xé được da,
« Kiếp sau quả-báo, oan-gia (6) kéo gì.
« Gớm tuồng mọc vị, thần vị,
« Mãng thêu hoài chỉ, đai suy uổng vàng ». (7)
Lư-công nghe nói ngang-tàng, (8)
910.— Mắt sông-sọc khóe, mặt sừng-sượng gân.

(1) Khởi-hành 起行 : Đứng lên đi, bắt đầu bước ra đi.

(2) Nhật-kỳ 日期 : Ngày hẹn, hẹn ngày ra đi.

(3) Ngân tùy 跟隨 : Bước theo. Có bản dịch « căn tùy », có lẽ nhận lầm chữ ngân 跟 ra chữ căn 根 trong bản Nôm.

(4) Hồ trần 胡塵 : Bụi rợ Hồ, ý nói giặc Phiên nhỏ nhận như mây bụi.

(5) Thao-lược 韜畧 trở vào quan võ ; kinh-luân 經綸 trở quan văn.

(6) Quả báo oan gia 果報冤家 : Tiếng nhà Phật, ý nói những nhà oan-uổng tất có quả báo, cũng như câu tục-ngữ oan-oan tương-báo.

(7) Câu này nói mũ măng cân-đài sang-trọng lắm, cũng bằng hoài.

(8) Ngang-tàng 昂藏 : Rộng chứa. Người có tính ngang-tàng phóng-khoáng không sợ-hãi câu-nệ gì.

Tiền đường (1) dọn tiệc chủ, tân,
Đảng-công cất lên vào dần nhà trong.

Trần-công rí bảo Đảng-công,
Trở Mai-sinh mời giải lòng một hai.

Rằng : « Nay công-tử họ Mai,
« Trong khi hoạn-nạn lạc-loài đến đây.

« Em cho nương-náu những ngày,
« Rắp đem tiểu-nữ (2) sum-vầy kết duyên.

« Mưu kia ai vẽ cho nên,

920.— « Để loan chéch bóng cho uyên chia hàng.

« Việc nhà nhờ bác sửa-sang,

« Cho cùng Trần-diệt (3) lên đường xuất
quan. (4)

Thoắt thôi nghe có lệnh troàn :

Bốn-mươi thị-nữ (5) dàn-gian kèn rồi.

Trong danh-sách (6) bấy nhiêu người,
Cùng ra phiên-quốc theo đòi Hạnh Nguyên.

Lại truyền không được trì diên,

Trong hai ngày hạn xe tiền lên đường.

Áo Hồ (7) đưa lại một rương,

930.— Dạy cho nương-tử cải-trang xuất-hành. (8)

(1) Tiền đường 前堂 : Nhà trước, nhà khách.

(2) Tiểu-nữ 小女 : Gái nhỏ.

(3) Trần-diệt 陳姪 : Cháu gái họ Trần, trở Hạnh Nguyên.

(4) Xuất quan 出關 : Ra cửa quan-ài.

(5) Thị-nữ 侍女 : Gái hầu.

(6) Danh-sách 名冊 : Sổ kê tên.

(7) Áo Hồ : Y-phục theo lối rợ Hồ 胡.

(8) Nương-tử cải trang xuất-hành 娘子改裝出行 :
Cô nàng thay áo ra đi.

Nàng rằng : « Quân-mệnh (1) đã đành,
« TỬ mình khuê-khôn (2), liễu mình
tinh-triên. (3)

« Bao giờ khỏi đất Trung-nguyên (4),
« Bấy giờ thay áo Hồ-phiền (5) vội gì.
« Chịu trời chẳng ! một chữ thì,
« Áo này dù đổi, lòng kia khôn dời !
« Đẳng-công khen đã nên lời,
« Cứng lòng, thiết-thạch (6) hờ người tu-mi. (7)
Thẹn thay cho kẻ vô-nghì.

740— Khi này dạ Sở, lúc kia bụng Tần,
Lời trung kêu ruột gian-thần,
Bưng tai giả diếc, nổi gân bất-bình.
Ngoài thì quan-khách linh-dinh,
Trong thì nàng những đau tình biệt-ly,
Lạy hai thân, kể mọi bề,
Châu-chan nét liễu, dầm-dề giọt mai.
Rằng : « Con chút phận nữ-hài, (8)
« Công cha nghĩa mẹ chốc mười mấy niên.

(1) Quân-mệnh 君命 : Mệnh nhà vua.

(2) Khuê-khôn 閨閫 : Buồng the, con-gái nhà nền-nếp, cũng như khuê-các.

(3) Tinh-triên 猩猩 : Tanh hôi, trở vào rợ Hồ, nòi giống khác.

(4) Trung-nguyên 中原 : Người Tàu cho đất Trung-quốc là Trung-nguyên, còn ngoài ra đều là mọi rợ.

(5) Hồ-phiền 胡番 : Tức là Hồ.

(6) Thiết-thạch 鐵石 : Sắt đá.

(7) Tu-mi 鬚眉 : râu mày.

(8) Nữ-hài 女孩 : Con gái còn trẻ dại.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Môn-mi (1) mong những nhờ duyên,
« Ngõ đem tắc cỏ báo-dền ba xuân (2)
« Hiềm thay chước kẻ gian-thần,
« Xui nên kẻ Tấn, người Tần (3) như không.
« Có ra chi phận má hồng,
« Khôn đem chữ hiếu, dền công chữ cù (4).
« Rồi đây muôn dặm đất Hồ,
« Biết câu thập nữ viết vô từ rày (5).
« Xin đừng nhớ đời, sầu thay,

(1) Môn-mi 門楣 : Cái vông cửa. Dương Thái Chân được Đường Huyền Tông lập làm quý-phi, bấy giờ có câu phong dao rằng : « Sinh-nữ vật bi toan, sinh nam vật hi hoan, nam bất phong hầu nữ tác phi, quân khan nhi-nữ vi môn-mi. 生女勿悲酸, 生男勿喜歡, 男不封侯女作妃, 君看兒女爲門楣 ». Nghĩa là sinh gái chớ vội thương xót, sinh trai chớ vội vui mừng, trai chẳng được phong hầu mà gái được làm bà phi, người coi con gái là cái cửa-vông làm vẻ-vang cho nhà cửa.

(2) Câu này do câu thơ cổ : « Thủy ngôn thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy 誰言寸草心, 報答三春暉 » : ai bảo rằng tấm lòng của tắc cỏ mà báo đáp được ánh sáng của ba mùa xuân. Đó là lời một người con đi xa nhớ mẹ — Tắc cỏ ví như con, ba xuân ví như cha mẹ.

(3) Chữ Tấn Tần 晉秦, đây là nói về sự chia rẽ ra làm đôi ngả như Tấn với Tần.

(4) Chữ cù 劬 : Bối câu : ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao 哀哀父母生我劬勞 : thương thay cha mẹ ta, sinh ta ra khó nhọc.

(5) Thập nữ viết vô 十女曰無, mười con gái cũng là không.

« Liều bằng muôn một những ngày một hai ».

Thoắt thôi sùi-sụt ngắn dài,

960.— Gặp-ghềnh mới ngu một bài biệt thi (1).

Giờ lâu lưỡng-lự vãn-vi,

(1) Biệt thi 別詩 : Thơ từ biệt, nguyên-văn chữ Hán bài thơ của Hạnh Nguyên : « Nhật nhật khuê trung tư phượng-hoàng, mộng hồn nhất đán viễn tha-hương, tư thân bất đắc qui nguyên lý, chỉ vị can qua xuất họa đường. Chỉ thuyết cao đường thường thị phụng, khởi tri kim nhật vĩnh phân mang, tòng kim nan đồ song thân diện, yên đắc tượng phùng mộng lý thường. 日日閨中繡鳳凰, 夢魂一旦遠他鄉, 思親不得歸原里, 只爲干戈出畫堂. 祇說高堂常侍奉, 豈知今日永分忙, 從今難覩雙親面, 焉得相逢夢裏常 ». Nghĩa là ngày ngày ở trong buồng, thêu chim phượng-hoàng, mộng hồn bỗng một buổi đi xa nơi đất khách, nhớ mẹ cha chẳng được về làng cũ, chỉ vì gươm giáo nổi lên ở nơi buồng thêu. Những tưởng chốn thềm cao hầu hạ cha mẹ, biết đâu ngày nay chia cách mãi. Từ đây khó lòng trông thấy mặt hai thân, mong sao được gặp nhau ở trong giấc mộng luôn luôn.

Có người đã dịch :

Hòa Phiên khen chúc đã nên cao,

Đề thiết chi chớ phận má đào.

Trời thăm lưỡng đau tình viễn biệt.

Biên sâu khôn trả nghĩa cù-lao ;

Quạt nồng, ấp lạnh, dầm bao nả,

Hỏi ngủ, hầu cơm lại lúc nào ?

Mong-mỏi ! ai thân dù thấy mặt,

Có chăng, phàng-phất giấc chiêm-bao.

Gọi Xuân-sinh lại năn-nỉ rĩ tai :

« Nặng vì chùt nghĩa họ Mai,

« Ngâm ra ầu cũng có trời ở trong,

« Lời cha mẹ, nghĩa vợ chồng,

« Nhân-duyên chưa ghép, chữ đồng đã in.

« Vả xem bậc ấy không hèn,

« Rõ gương khoa-giáp, rõ nền tướng-khanh.

« Nhờ em dãi lấy lòng thành,

970.— « Ngoài tình bậu-bạn, trong tình anh-em.

« Mọi bề trong ấm ngoài êm,

« Chị dù chín tuổi cũng cam tắc lòng.

« Chị nhờ em gánh hiếu trung,

« Chồi huyền gần cổ, gốc thung gần già (1).

« Công-danh tuổi ấy đương vừa,

« Trâm-anh, chung-đỉnh (2) dẫu nhà sẵn đây.

« Dù thương đến chị sau này,

« Hoặc tuần hàn-thực (3), hoặc ngày thanh-minh (4).

(1) Câu này nói cha mẹ đều đã già.

(2) 簪纓 : Trâm là cái để cài tóc, anh là giải mũ, trâm-anh là biểu hiệu hạng người có quan tước mũ áo.

Chung-đỉnh 鍾鼎 đã chú-thích ở trên.

(3) Hàn-thực 寒食 : Theo Tuế-thi-ký thì sau tiết Đông-chí 105 ngày là tiết Hàn-thực, cũng gọi là tiết « Cấm-yên 禁烟 ». Tục truyền xưa có Giới Tử Thôi dời Xuân-thu, có công giúp Tấn Trùng Nhĩ được phục-quốc nhưng không nhận thưởng, vào ẩn trong núi, Trùng Nhĩ tìm mãi không được, đốt núi để cho ra, nhưng Tử Thôi đành chết cháy; người Tàu thương xót, cứ đến ngày đó thì cấm lửa, để kỷ-niệm Tử Thôi, gọi là tiết Hàn-thực, nghĩa là ăn đồ lạnh.

(4) Thanh-minh 清明 : Sau Hàn-thực một ngày là tiết Thanh-minh, người Tàu quen dùng tiết ấy làm ngày đi tảo mộ, gọi là tiết đạp-thanh 踏青 : giẫm chân lên đám cỏ xanh.

« Suối vàng rưới một giọt tình
980.— « Nén hương, tờ giấy, chén canh cũng là ! »
Lôi-thôi xiết nỗi gần xa,
Trông Mai-công-tử nhường đưa mỗi sầu.
Thẹn-thùng khôn nói-nặng đau,
Sóng thu một lét (liếc), hạt châu đôi hàng.

MAI-SINH VÀ XUÂN-SINH

ĐI TIỀN HẠNH NGUYÊN

Cửa ngoài chực sẵn xe hương,
Lư-công giục-giã lên đường xuất quan.
Kiệu-phu (1) bước nhặt, bước khoan,
Đảng-công một ngựa điệu đoàn vệ-binh.
Đoàn-dinh thời lại tràng-dinh, (2)
990.— Bèn xe Mai Bích, (3) Xuân-sinh hai chàng.
Bắc, nam ai khéo đôi dàng,
Ái-quan (4) ai khéo chia đường biệt-ly.
Khi sao cửa các phòng khuê,
Giờ sao thui-thủi một xe đất này.
Hồn mai tỉnh tỉnh say say,
Mới trong vại bữa xem tà mấy niên.
Trông xa, khi khoác rèm lên,
Vòng thành chắt-ngắt, toà đèn trai lơ.

(1) Kiệu-phu 轎夫 : Phu khiêng kiệu.

(2) Mỗi cung đường có một trạm nghỉ chân gọi là đình, cứ cách 5 dặm có một đoàn-dinh 短亭 : (Đình ngắn) và 10 dặm có một trường-dinh 長亭 : (Đình dài).

(3) Mai Bích tức Mai-sinh.

(4) Ái-quan 隘關 : Cửa ải, nơi quan-yếu ngoài biên-giới, chỗ hai nước tiếp-giáp nhau.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Kiều-phu quì bằ m ấ y lờ i :

1000.— Hà m -đan huyệ n ấ y c ó nơ i trù ng -đài (1).

HẠNH NGUYỄN TỰ

TÌNH VỚI MAI-SINH

TRÊN TRÙNG - ĐÀI

Nàng truyền đ ó ng l ại ng ỉ -ng ời,

Lên dề n d ạo c ả nh, xem ch ơ i g ọi là.

Huyệ n -thà nh (2) s ắ m s ắ g ầ n xa,

Đài v ừ a d ọ n s ắ ch, n ằ ng v ừ a xu ố ng xe.

Hư ơ ng -đ ắ ng (3) v ừ a đ ủ l ễ ng ỉ,

Tiệ n, n ằ ng l ên đ ắ y l ặ y về g ầ -hư ơ ng (4).

Qua n qu ầ n đ ó ng ch ậ t huyệ n -đườ ng,

M ộ t n ằ ng H ằ nh v ớ i h ầ i chườ ng c ườ ng l ên.

Từ ng từ ng đ ọ t d ườ i, đ ọ t trê n,

1010.— Ng ắ m xem phong -c ả nh b ố n b ề n ch ậ p -trù ng.

Cao cao th ồ i l ại từ ng từ ng,

Trờ i nh ư kh ồ th ấ p, đ ấ t b ằ ng đườ ng xa.

B ả o nh ầ u r ồ i m ớ i nh ậ n ra,

Đ ồ ng -n ằ m phươ ng ấ y, ấ y là c ố -hư ơ ng (5).

Xu ầ n -sinh đ ồ n biế t ý nườ ng,

Mu ố n điề u từ -biế t v ớ i chườ ng M ằ i -sinh.

M ộ t m ằ nh b ướ c xu ố ng l ằ m th ầ nh,

M ặ c ấ i trê n ấ y t ự t ầ nh v ớ i ấ i.

(1) Hà m -đan 邯鄲 : M ộ t huyệ n thu ộ c đ ạo Đ ại -d ằ nh
大 名 道 t ầ nh Tr ặ c -l ệ 直 隸 省 b ề n Tàu.

(2) Huyệ n -thà nh 縣 城 : T ứ c huyệ n s ắ t ằ i.

(3) Hư ơ ng -đ ắ ng 香 燈 : Hư ơ ng d ề n.

(4) G ầ -hư ơ ng 家 鄉 : Quê nh ầ .

(5) C ố -hư ơ ng 故 鄉 : Làng c ầ .

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Trông chàng, nàng mới rĩ tai :
1020. — « Trăm năm ghi tạc một lời từ đây.
« Bao nhiêu tình-tự xưa nay,
« Tóc tơ giải một chốn này là thôi ! »
Mai-sinh nhân lúc vắng người,
Gạt ngang nước mắt, bày lời trước sau :
« Nói càng như gọi cơn sầu,
« Trách vì phúc bạc, xứng đầu má đào.
« Tắc lòng thề với trời cao,
« Quần chi trắng tóc, nở nào nổi dây. (1)
« Phiên-bang đến đấy phen này,
1030. — « Sẵn ngôi phi-hậu (2) dành ngày vinh-hoa.
« Riêng ai trách lẫn trời già,
« Xe tơ sao khéo hững-hờ cợt ai ».
Nàng rằng : « Lời dạy đường sai,
« Tấm thân đã phó cửa Mai những ngày.
« Sông dù cạn, núi dù lay,
« Đã liền xương trắng dám thay lòng vàng.
« Đem thân đổi với cương-thường (3),
« Tạ lòng người cũ treo gương dưới đời.
« Mình nào sánh với tanh-hôi ?
1040. — « Mặt nào còn đứng cõi đời được ru !
« Khuyên chàng ghi nghĩa xuân-thu, (4)
« Mỗi tình hãy gác, nổi thù chớ quên.

(1) Trắng tóc do chữ bạch phát 白髮, nổi dây do chữ tục huyền 續絃, ý nói dù ở góa đến già cũng không lấy vợ kế.

(2) Phi-hậu 妃后 : Danh-từ gọi vợ vua.

(3) Cương-thường 綱常 : Tức tam cương ngũ thường, đạo làm người phải có.

(4) Nghĩa xuân-thu, do câu Xuân-thu nghĩa tại phục-thu 春秋義在復讎 : Nghĩa Xuân-thu cốt ở phục-thù.

« Cùng em cho tiện sách đèn,
« Công-danh gặp hội thanh-niên (1) đương vừa,
« Một mai lộc nước phần vua,
« Danh mình cũng rạng, thù nhà cũng xong.
« Thân ai đành trọn chữ tòng (2),
« Suối vàng tươi mát, má hồng lây thơm.
« Rồi đây kẻ bắc, người nam,
1050. — « Cảnh thoa xin tặng để làm của tin.
« Vật thường gọi chút làm duyên l»
Luật Đường mới ngu một thiên giải-bày (3).
Trùng-đài còn nhớ là đây,
Giã nhau gọi nhớ đến ngày biệt-ly.
Mai-sinh đôi giọt dầm-dề,

(1) Thanh-niên 青年 : Tuổi xanh.

(2) Tòng 從 : Theo, do chữ xuất-gia tòng phu 出嫁從夫, lấy chồng theo chồng và phụ-nhân tòng nhất nhi chung, 婦人從一而終. Đàn-bà chỉ theo có một chồng là hết.

(3) Nguyên văn chữ Hán của thơ Hạnh Nguyên : Phu-thê nam bắc cách thiên g'ao, Nguyên nhĩ thiềm cung chúc cùm-diêu. Trở cách nhân-duyên Hoa-hạ giới, Song song hà nhật độ Lam-Kiêu. 夫妻南北隔天遙, 願爾蟾宮著錦貂, 阻隔姻緣華夏界, 雙雙何日渡藍橋. Nghĩa là vợ chồng nam bắc cách nhau xa, xin tôi cung trăng mặt áo bông gấm, cách trở nhân-duyên trong cõi Hoa-hạ, ngày nào song song sang qua cầu Lam.

Có người đã dịch :

Thêu-dệt ra chỉ một chữ tình,

Đề người kim-cổ buộc vào mình ?

Ngang mây Mạnh-thị chưa nâng án.

(Xem tiếp chú-thích số 3 trang 82)

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Thoa thì chịu lấy, thơ thì họa theo (1)

HẠNH NGUYỄN

CÁI - TRANG

Bằng-khuàng lời ít tình nhiều.

Thị-tì đầu đã dập-diu kéo lên.

Cùng nhau lạy trước đài tiền,

1060.— Lần thang bước xuống, giục liền gióng xe.

Thấp mặt Chiêu Quân đã mắt tranh.

Ly-biệt nữ nào rời nửa bước ?

Đoàn-viên chắc hẳn đợi ba-sinh.

Trời già khen cũng chua-cay lắm,

Thêu-dệt ra chỉ một chữ tình ?

(1) Thơ họa lại của Mai-sinh : Má thượng đà yên đồ lộ giao, Vĩnh từ trung thổ phục Hồ-diêu, Giới hà cách trở tình non tự, Sạ đắc song song độ thước kiều. 馬上拖鞍途路遠, 永辭中土服胡貂, 界河隔阻情難叙, 乍得雙雙渡鵲橋. Nghĩa là : Trên ngựa tựa yên ruổi đường xa, vĩnh viễn từ-gia nơi trung-thổ mặc áo rợ Hồ, Cách trở con sông tình khôn giải, sao được cùng nhau sang qua cầu ô.

Có người đã dịch :

Nào người chi bấy, hỡi chung tình !

Nông-nỗi nào ai tỏ với mình ?

Dễ vạch tơ sầu, tìm lấy mối !

Khôn đem nét thắm vẽ nên tranh.

Gieo lâu dăm ép tình Trương Phụ ?

Ôm cột thêm buồn phận Vĩ Sinh ;

Rắp những vạch trời kêu một tiếng,

Nào người chi bấy, hỡi chung tình !

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Gia-hương tình nặng bề-bề,
Ái-quan đầu đã gần kề tới nơi.
Tông-binh sửa chốn nghỉ-ngoi,
Đảng-công đã dạy cho mời cải-trang (1).
Ngắm mình ra vẻ Man-phương (2).
Xiêm tời-tả bức, ao lang-lỗ mũi.
Lông cài trên mũ một đôi,
Đổi hình khuê-nữ (3) ra người Yên-chi (4).
Ngựa đầu kéo đến tức thì,
1070.— Mai-sinh gần đấy phù-trì (5) lên yên.
Hình-dung ai vẽ cho nên,
Hương xa (6) đã đổi mã yên (7) bao giờ.
Hai chàng cảm nỗi gần xa,
Đều cùng đọc một câu thơ tiễn-hành (8).

(1) Cải-trang 改裝 : Thay đồ quần áo mặc.

(2) Man-phương 蠻方 : Phương Mường-mán.

(3) Khuê-nữ 閨女 : Con gái trong phòng khuê, gái nhà nèn-nếp.

(4) Yên-chi 閼氏 : Danh-hiệu vợ vua các nước di-dịch, cũng như hậu-phi hay hoàng-hậu 后妃, 皇后.

(5) Phù-trì 扶持 : Nâng-dỡ.

(6) Hương xa 香車 : Xe thơm, xe phụ-nữ.

(7) Mã yên 馬鞍 : Yên ngựa.

(8) Thơ của Xuân-sinh : Khả hận Đường vương tác sự sa, an bang hà dụng nữ kiều nha. 可恨唐王作事猜, 安邦何用女嬌呀? Nghĩa là : Khá giận vua Đường làm việc bậy, yên nước sao phải dùng đến con gái !

Có người đã dịch :

Thảm nỗi vua Đường khéo khéo là !

Hòa Phiên há phải việc đàn-bà ?

(Xem tiếp chú-thích số 8 trang 84)

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

LÚC CHIA-RẼ MỖI NGƯỜI MỖI NGÃ

Lên yên nàng cũng gửi tình, (1)
Độc rồi mới giục hai sinh trở về.
Ngai-ngùng thay, lúc phân kỳ,
Người về cố-quốc, (2) kẻ đi sa-trường. (3)
Người đồng-thất (4) kẻ tha-phương,
Hàng châu sùi-sút, bước đường chia đôi.
Nàng còn dặn vói mấy lời :

1080.— « Thù kia chớ đề đội trời ở chung.
« Sao cho tâm-lực hiệp đồng, (5)

Thơ của Mai-sinh nối theo : Phù thượng mã yên sầu bất
ồn, xử nhân tâm tự loạn như ma. 扶上馬鞍愁不穩, 使
人心緒亂如麻. Nghĩa là : Nàng lên yên ngựa buồn rằng
chàng yên ổn, khiến mỗi lòng bối-rối như sợi gai tơ.

Có người đã dịch :

Người lên cật ngựa ngồi không vững,
Chi đề lòng ai rối mối tơ !

(1) Thơ của Hạnh Nguyên nối theo : Kiêm nhật xuân
quan phân biệt hậu, lệ ngân trích thấu mã đề xa. 今日出關
分別後, 淚痕滴透馬蹄餘. Nghĩa là ngày nay ra ải-
quan sau khi chia rẽ, ngấn nước mắt nhỏ thấu đến chân ngựa.

Có người đã dịch :

Nam bắc từ nay chia một bước,
Dầm-dề vó ngựa giọt đường sa.

(2) Cố-quốc 故國 : Nước cũ.

(3) Sa-trường 沙場 : Bãi cát.

(4) Đồng-thất 同室 : Cùng nhà.

(5) Tâm lực hiệp đồng 心力協同 : Lòng và sức hợp
cùng với nhau.

- « Mồ gan nghịch-tặc, (1) thỏa lòng nữ-nhi ».
 Xót người tú các hương khuê,
 Mỗi tình ly-biệt, đường đi phong-trần. (2)
 Lạ tai mấy tiếng man-nhân, (3)
 Giọng xa riu-rit, giọng gần ét-eo.
 Bên trời phong-cảnh đìu-hiu,
 Sương soi cỏ áy, gió reo cây già.
 Sắc quân hiệu-lệnh càng gia,
 1090.— Tiếng còi lư-diệp, lá cờ ngô-công. (4)
 Bước đường ngày một lạ-lùng,
 Tiêu-thư ngày một đau lòng biệt-ly.
 Quen tài tức cảnh vịnh đề.
 Trên yên mới vịnh cổ thi một bài. (5)

(1) Nghịch-tặc 逆賊: Kẻ làm trái loạn, quân giặc phản bội.

(2) Phong-trần 風塵: Gió bụi, ví cơn lộn ly, hay bước gian-nan lưu-lạc của con người ta.

(3) Man-nhân 蠻人: Người Mán. Đây trỏ vào dân bản xứ ở bên nước Sa-dà.

(4) Lư-diệp 蘆葉: Lá lau, có lẽ là cuộc lá cây lau lại làm còi? Ngô công 蜈蚣: Con rết, cờ quân-queo như hình con rết.

(5) Thơ của Hạnh Nguyên theo nguyên văn chữ Hán: Tây phong lịch lịch bạch ngô thụ, theo thiết thanh trung xứ xứ sầu. mạc đạo ngô tâm đa thâm thiết, chinh phu bách vạn diệp đê đầu. 西風歷歷碧梧秋, 戍鼓聲中處處愁, 莫道吾心多慘切, 征夫百萬亦低頭. Nghĩa là: Gió tây thổi rụng lá ngô-dông báo tin mùa Thu, tiếng鼓 xào

(Xem tiếp chú-thích số 5 trang 86)

HẠNH NGUYỄN
YẾT ĐỀN TÔ VŨ

Ngựa dong mây lớp dặm khơi,
Núi cao đã thấy gần nơi điện-tiền.
Thồ-binh (1) quì trước thưa lên :
Núi Hà-lan ấy có đền Tô-quân. (2)

Bước vào xem tượng truyền-thần,
1100.— Mặt tròn khuôn nguyệt, môi nhuần vẻ
đan. (3)
Tắc lòng kinh kẻ trung-can,

xạc nơi nào cũng nghe buồn. Đừng bảo chỉ riêng một mình ta
thảm thiết, ngay trăm vạn quân-lính cũng cúi đầu ngấm-nghĩ.

Có người đã dịch :

Thôi lá ngô-dồng trận gió thu,
Nhàm tai tiếng lạ khiến người sầu ;
Chớ rằng : riêng một lòng ta thảm ;
Trăm vạn người theo cũng cúi đầu.

(1) Thồ-binh 土兵 : Lính thồ, quân lính người thồ-
trước, tức là quân của nước Sa-dà đi theo hầu đón rước
Hạnh Nguyên lúc bấy giờ.

(2) Tô Quân 蘇君 tức Tô Vũ 蘇武. Sứ-thần đời Hán-
vũ-đế đi sứ rợ Hung-nô, bị Hung-nô giữ lại bắt đi chẵn 19
năm mới được tha về. Thồ-dân kính phục là người kiên
trung, lập đền thờ ở nơi Tô Vũ chẵn 19 năm trước, có lẽ là
núi Hà-lan này ?

(3) Khuôn nguyệt 月 : Khuôn trăng ; vẻ đan 丹 : Mũi
son, màu đỏ.

TRUYỆN NHỊ BỘ MAI

Liền tay vịnh miếu, vịnh sơn hai bài. (1)

Lần lần giờ tối sương mai,

Đường đi thoát đã tới nơi đại hà. (2)

Hỏi ra mới biết rằng là,

(1) Thơ vịnh *Miếu* : Ngọa tuyết thôn triên bất khảng hàng, kỷ phiên cáo nhận bả thư truyền. Thủ tri phù tiết tồn trung hiếu, hận mục Hồ dương thập cửu niên. 卧雪春徂不肯降, 幾番告雁把書傳, 手持符節存忠孝, 恨收胡羊十九年. Nghĩa là : Nằm tuyết, nuốt lông chẳng chịu hàng, mấy phen báo chim nhận mang thư về. Tay cầm ấn cờ giữ vững lòng trung hiếu, chán dè rợ Hồ 19 năm.

Có người đã dịch :

Nước tuyết, cơm chiến, vững thuốc cầm,

Truyền thơ cây đã nhận về thăm.

Trong tay cờ tiết nên trung-hiếu,

Giận phải chán dè mười-chín năm.

Thơ vịnh *Sơn* : Phụng mệnh khâm-sai hòa lương quốc, Hà-lan vật tĩ Bất-lan san, Lãng, Luật đình tiền một Phạm-Lái, Si hồn nan tĩ Nhận-môn-quan. 奉命欽差和兩國, 荷蘭不比勃蘭山, 陵律庭前沒范萊, 癡魂難進雁門關. Nghĩa là : vâng mệnh đi sứ hòa hai nước, núi Hà-lan chẳng ví như núi Bất-lan. Trước sân Lý-Lãng và Vệ-Luật không có Phạm Lái. Hồn ngây chẳng tới cửa Nhận-môn.

Có người đã dịch :

Sứ Hồ vâng mạng, dám từ nan ?

Núi Hạ nào như núi Trữ-sơn ?

Đình Lý, tiếc thay ! Không Phạm Lái ;

Hồn si thêm ngại cửa Lam-Quan.

(2) Đại-hà 大河 : Sông lớn.

Ấy sông Hắc-thủy (1) mộ bà Chiêu Quân.

Nàng bèn truyền gọi thồ-nhân,

Đem hòm áo, phó doanh ngàn tức thì.

Yên xong mới bảo thị-tỳ,

1110.— Đã thay Hồ-phục để chi áo này.

Ném theo một khúc sông đầy,

Hoa trôi mặt nước, bướm bay giữa dòng.

Vì dầu y-phục bất đồng. (2)

Bổng đem nữ sức (3) phó cùng thủy hương. (4)

Trông theo tắc dạ thêm càng.

Tả lòng lại ngụ luật Đường bốn câu (5).

(1) Hắc-thủy 黑水 : Sông nước đen, nơi Chiêu Quân gieo mình.

(2) Y-phục bất đồng 衣服不同 : Áo mặc chẳng giống nhau.

(3) Nữ sức 女飭 : Đồ trang-sức của phụ-nữ.

(4) Thủy-hương 水鄉 : Làng xóm dưới nước. Nơi thủy-phủ. Thủy-cung 水府, 水宮.

(5) Nguyên-văn chữ Hán thơ của Hạnh Nguyên : 中原服色向中流, 哀告河神仔細收. 欲將薄命送流水. 身近中華意不休. Trung-nguyên phó sắc hướng trung lưu, Ai cáo Hà-thần tử tế thu. Dục tương bạc mệnh phó lưu thủy. Thân cận trung hoa ý bất hưu. Nghĩa là : Hòm quần áo trung-nguyên đem ném xuống dòng nước. Nhắc xin thần Hà-bá thu-nhập hẳn-hoi cho. Mong đem mệnh bạc này phó cho nước chảy, nhưng còn gần nơi Trung-hoa chưa giải-quyết xong.

Có người đã dịch :

Hòm áo : Trung-nguyên phó giữa dòng,

Kêu xin Hà-Bá giữ cho cùng,

Ráp đem mạng bạc theo giòng bích,

Trung Thồ còn gần chưa quyết xong.

HẠNH NGUYÊN YẾT
MIẾU CHIÊU QUÂN

Đường trường dặm ngựa ruổi mau,
Trông lên đã thấy miếu đầu gần gần.

Trên yên dạy hỏi thổ-quân,

1120. — Thừa rằng : « Miếu ấy Chiêu Quân một tòa.

« Xuất thân từ thuở Hán-gia (1),

« Quyết liều đến Hắc-thủy hà trăm châu (2).

« Tiết-trình khôn đổi được đâu,

« Vóc thiêng ngược nước trở đầu về nam.

« Cối này mển chút danh thơm.

« Dựng làm miếu-vũ (3) sớm hôm phụng-thờ.

« Một phương bậc tối-linh từ (4),

« Kề năm, ba bốn trăm thừa đã lâu (5).

« Oai-linh đã khắp đầu đầu,

1130. — « Kề xin cứu bệnh, người cầu chiêm-bao ».

Tiêu-thư nghe nói mừng sao,

Trước đèn xuống ngựa, bước vào thử coi.

Nguy-nga miếu mạo hần-hoi,

Một tòa thần-tượng trên ngai nghiêm-nhiên.

Oai-linh vóc thánh, dáng tiên,

Lồng màn vẽ trắng, ánh đèn sắc tươi,

« Sơn vàng mặt khảm tay ngai,

Lò trong ngát xạ, đỉnh ngoài bay hương.

(1) Hán-gia 漢家 : Đời nhà Hán.

(2) Trăm châu 沉珠 : Chìm ngọc châu cũng như nói gieo ngọc chìm châu.

(3) Miếu-vũ 廟宇 : Tòa miếu thờ.

(4) Tối linh từ 最靈祠 : Đền rất thiêng.

(5) Kề từ đời Hán 漢 đến đời Đường 唐.

- Lạnh-lùng bát-ngát hơi dương,
1140.— Nhìn qua rợn tóc, trông tường sớn gai.
Nữ-dồng, võ-sĩ đủ người, (1)
Hầu trong hai ả, châu ngoài tám viên.
Đồ thờ cấm giá án tiền,
Một bên bảo-kiếm, một bên tỳ-bà. (2)
Tiêu-thư lưỡng-lự một giờ,
Sụp ngồi bỗng lay xa xa tự tình.
Khẩn thăm thử ngọn, than ngành :
Nổi chông oan-uổng, nổi mình truân-chiến.
Lầm người vì chước hòa Phiên,
1150.— Đem thân yêu-diệu tới miền hơi tanh.
Đánh liều bao quân tử sinh,
Thề rằng quyết chẳng như mình tiêu-man. (3)
Thiên chẳng thu lấy hồn oan,
Rộng cho châu-chực trước ban là nhờ !
Khẩn rồi nghỉ lại miếu thờ,
Đêm trường cho tiện đợi chờ chiêm-bao.
Hay đầu mấy bộ Công-tào, (4)
Đã đem lời khẩn tâu vào Chiêu Quân.
Phán rằng : « Mời thực hiền-nhân, (5)
1160.— « Nặng bề sơn-hải, nhẹ thân yêu-kiều. (6)

(1) Nữ-dồng, võ-sĩ 女童武士 : Trẻ gái và lính võ, tượng hầu ở đền.

(2) Bảo-kiếm 寶劍 : Gươm báu; tỳ-bà 琵琶 : Đàn.

(3) Tiêu-man 小蠻 : Mán nhỏ, tiếng gọi khinh-bi, đây chỉ vào vua Phiên.

(4) Công-tào 公曹 : Quan hầu, bộ-hạ.

(5) Hiền-nhân 賢人 : Người hiền.

(6) Sơn-hải 山海 : Lời thề-ước non biển; yêu-kiều 妖嬌 : Nói về thân gái mềm-mại tươi-đẹp.

- « Bâng trời hòm nọ mới treo,
« Mai-sinh tên đã giết lèo Trang-nguyên.
« Ngày sau phu-phụ đoàn viên (1),
« Nay ta hãy cứu một phen mới là. »
Bèn ban nữ-sứ (2) bước ra,
Đòi hồn nàng lại, nhủ qua ân-cần.
Rằng : « Ta là Hán Chiêu Quân,
« Cứu cho cũng dự phu-nhân trình thành.
« Rồi ra về đến quê mình,
1170.— « Sau đây phu quý phụ vinh (3) vẹn tròn.
Dạy rồi phó trả thần-hồn,
Lại đòi lực-sĩ ôn-tồn nhủ qua :
« Đón nàng khi sắp dầu hà (4),
« Đem về đại-quốc (5) vườn hoa Bá Phủ.
« Người Trung-châu, trả Trung-châu (6),
« Mặc ai trợn nghĩa, báo thù mặc ai, »
Gió đầu lọt cánh cửa ngoài,
Tĩnh ra còn nhớ mấy lời chiêm-bao.
Nghĩ ra nào biết đâu nào,
1180.— Vững lòng khi dám chắc vào những dầu...

(1) Phu phụ đoàn viên 夫婦團圓 : Vợ chồng sum họp vuông tròn.

(2) Nữ-sứ 女使 : Sứ-giã đàn-bà.

(3) Phu quý phụ vinh 夫貴婦榮 : Chồng sang trọng, vợ sung sướng.

(4) Dầu hà 投河 : Gieo mình xuống sông.

(5) Đại-quốc 大國 : Nước lớn, tức nước Tàu, tiếng gọi tôn.

(6) Trung-châu 中州 : Nơi đồng bằng phồn hoa đô-hội, văn-vật, khác với nơi rừng núi mọi rợ — Thượng-du —.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Án tiền ren-rén cúi đầu,
Bước ra lai vịnh bốn câu lưu đề (1).

DẾN LẠC - NHẬN - ĐÀI HẠNH NGUYÊN GIEO MÌNH

Lên yên giống ngựa ra đi,
Núi cao đã thấy hầu kê tới nơi.
Hỏi tên là Lạc-nhận-đài (2),
Trùm mây mờ-mịt, ngắt trời bông-lông,
Nàng rằng : « Tích trước ghi lòng,
« Chiêu Quân gửi nhận thư phong chốn này,
« Đường đi nhân tiện qua đây,
1190.— « Nhấn chim, bắt-chước chuyện ngày ấy
chơi. »

(1) Thơ đề đền Chiêu Quân của Hạnh Nguyên : Khóa mã hòa Phiên báo quốc ơn, Tây-phang phiêu dăng ám tiêu hồn, Hán-gia cung khuyết kim hà tại, Độc bả tỳ-bà xuất Nhận-môn. 跨馬和番報國恩, 西風飄蕩暗銷魂, 漢家宮闕今何在, 獨抱琵琶出雁門. Nghĩa là : Nhảy ngựa đi hòa Phiên báo ân vua, gió Tây lay động làm tiêu-tan cả hồn-vía, cung-diện nhà Hán nay còn đâu, chỉ còn vắng-vắng tiếng đàn tỳ-bà ngoài cửa Nhận.

Có người đã dịch :

Đem thân nhi-nữ trả ơn vua,
Khiếp ngọn kim-phong giục vó lừa ;
Cung Hán đến nay tang hải bấy !
Nhận-môn còn vắng tiếng tỳ-bà.

(2) Lạc-nhận-đài 落雁臺 : Đài nhận sa.

- Kíp truyền man tốt mấy lời,
Dọn đường núi nhận, kíp dời gót loan.
Phò nàng ngồi kiệu đăng san (1).
Hai hàng thị-nữ, một đoàn phiên-binh.
Bước cao bước thấp gập-gheñh,
Quần-queo đuôi chuột, chênh-vênh tai mèo.
Nương đá quạnh, vịn cành oeo,
Chim xào-xạc lá, vượn reo-rất cành.
Sấn-sàng cảnh-vật chung quanh,
1200.— Phong đồn mở quạt, mây xanh buông màn.
Bước lên tuyết đỉnh (2) tàn tàn,
Trông nhường chặt đất, với toan đến trời.
Mặt sau lần bước lên chơi,
Nhìn đầu bỗng thấy một nơi cỏ dầm.
Mắt mèo trong-vắt, nổi tằm,
Rắn quần-quại khúc, mãng nhăm-nhấp hàm.
Cheo-leo sườn núi trông sang,
Khe kia suối nọ ngồn-ngang mấy trùng.
Nửa ngày nổi trận âm phong. (3)
1210.— Phất-phơ lật lá, lạnh-lùng thấu xương.
Đất đầu sơn thủy (4) lạ dường ?
Ngần-ngơ mình những cảm-thương nổi mình.

(1) Đăng san 登山 : Lên núi, một thứ kiệu hai hay bốn người khiêng, đi lên dốc xuống dốc lúc lên núi cho khỏi phải leo trèo vất vả, gọi là « kiệu đăng san ».

(2) Tuyết đỉnh 絕嶺 : Đỉnh núi.

(3) Âm phong 陰風 : Gió âm thấp, gió có âm-khí (hơi âm).

(4) Sơn thủy 山水 : Núi sông, thủy-thò, khí-hậu.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Xót thay đôi đức sinh-thành, (1)
Biết bao người được chút tình nhớ-thương.
Một ngày một ngã bóng tang, (2)
Da mồi sạm mặt, tóc sương điểm đầu.
Biết nhau, thêm dở-dang nhau,
Quen hơi bén tiếng bao lâu mà rằng !
Ấy ai chấp mỗi xích thẳng, (3)
1220.— Biết mà dứt chỉ, thà đừng vương tơ.
Như lời thần-mộng (4) họa là,
Còn duyên chẳng nữa, cũng chờ lai-sinh. (5)
Đường cùng giữ lấy thơm danh,
Thôi thì gác hiếu với tình một bên.
Chấp kinh, nếu chẳng tông quyền (6),
Nữa khi nước đến, e nên cát lằm.
Tắc lòng cả quyết khôn cầm,
Tắm thân phó mặc dưới đầm sâu sâu.
Thị-tỳ trông trước nhìn sau,
1230.— Nàng đã gieo ngọc trầm châu bao giờ.

(1) Sinh-thành 生成 : Sinh đẻ gây dựng, trở vào cha mẹ.
(2) Bóng tang 桑 : Tức bóng dâu (xem chú-thích ở trên).

(3) Xích thẳng 赤繩 : Dây đỏ (xem chú-thích ở trên).

(4) Thần-mộng 神夢 : Lời thần báo mộng.

(5) Lai-sinh 來生 : Kiếp sau.

(6) Chấp kinh 執經 : Giữ đạo thường. Tông quyền 從權 : Tùy theo hoàn-cảnh mà xử trí cho xong việc. Ta thường nói quyền-nghĩ hay quyền-biến cũng là nghĩa tông quyền.

Ai ngờ ra sự chẳng ngờ,
Phiên-binh nhơn-nhất, nhơn-như một đoàn.
Bảo nhau sắp sẵn mưu gian,
Cải-trang bắt lấy thủy-hoàn dễ thay.
Miệng bình bưng kín ai hay,
Chăm-chăm giục ngựa mấy ngày trảy sang.
Hấp-him thay nhẽ, Man-vương (2),
Hững-hờ nào biết rằng nường hay ai.
Thủy-hoàn riêng được hẳn-hoi,
1240.— Đổi hình tỳ-thiếp, thay ngôi phi-tàn (3).

HẠNH NGUYỄN ĐƯỢC ĐEM
VỀ NHÀ CHÂU BÁ PHÙ

Mời hay trời với giai-nhân (4),
Được riêng chữ tiết, nắm phần chữ danh.
Làm cho chán nổi thử thanh,
Trải bao nạn trước, mới dành phúc sau.
Tiểu-thư từ xuống đầm sâu,
Hồng-vân (5) một đóa đón đầu nửa chừng.
Ao ào tiếng gió lay rừng,
Giữa trời vũ giá vân đăng (6) đem đi.

(2) Man-vương 蠻王 : Vua Mán, trỏ vua nước Sa-dà.

(3) Tỳ-thiếp 婢妾 : Con hầu, thiếp hầu; phi tần 妃嬪 :
vào bậc cung-phi, cung-nhân.

(4) Giai-nhân cũng đọc là nhai-nhân 佳人 : Người đẹp,
trỏ vào đàn bà, con gái, phái nữ-lưu.

(5) Hồng-vân 紅雲 : Đám mây đỏ.

(6) Vũ giá đăng vân 雨駕騰雲 : Cỡi gió dè mây, cũng
như nói đi mây về gió, nói về sự biến-hóa của quỷ thần,

Mấy lời thần-mộng xa nghe :

1250.— «Ta đây vãng mệnh đưa về Trung-hoa ! »

Giờ lâu bỗng thấy chân sa,

Nhìn thôi mới rõ một tòa danh viên. (1)

Canh khuya vắng-vắng bốn bên,

Thôi năn-nỉ khóc, lại rên-rĩ than.

Tĩnh mê riêng những bàn-hoàn,

Nào non-nước tá ? uỷ ! vườn-từơc đâu ?

Chẳng hay là đất Trung-châu,

Nhà quan Ngự-sử là Châu Bá Phủ. (2)

Ông đương thượng lý Đông-dô, (3)

1260.— Đề lưu con-gái với phu-nhân nhà.

Tiểu-thư vả bậc tài-hoa,

Khuê-phòng tiểu-tự gọi là Vân Anh. (4)

Đốt hương vừa buổi đêm thanh,

Nghe đâu ti-tỉ như hình tiếng ai.

Giờ lâu truyền gọi con đòi.

Soi đèn xem thử có người đầu dây.

Tiểu-hoàn vãng lệnh ra ngay,

Soi xem, bỗng rụng-rời tay, trở về.

Rằng : « Người đầu của dị kỳ ?

1270.— « Đỉnh đầu lông hồ, vắn-về áo lưng.

« Ở đâu về đấy nhưng-nhưng,

« Ấy rằng quý-sứ, hay rằng hồ-tinh !

(1) Danh viên 名園 : Vườn có tiếng, khu vườn rộng, vườn d. p.

(2) Ngự-sử 御史 : Một chức quan ở kinh và các đạo, coi việc giám-sát chính-trị. Châu Bá Phủ 鄒伯符 : Về phe trung.

(3) Thượng-ly Đông-dô 上荏東都 : Đương làm quan ở Đông-dô.

(4) Khuê-phòng tiểu tự Vân Anh 閨房小字雲英 : Tên lúc bé ở nơi khuê-phòng gọi là Vân Anh.

HẠNH NGUYỄN TRẦN TÌNH
VỚI CHÂU PHU - NHÂN

Một nhà sào gây xúm quanh,
Hạnh Nguyễn mới bạch thực tình trước sau.

Thấy người phong-diệu cửa Hầu, (1)
Dạy cho vào đến trước lầu hồi-han.

Hạnh Nguyễn mời kể nguồn cơn :
Nổi nhà tách-bách, nổi oan rạch-ròi.

Hòa Phiên khi đến nước ngoài,
1280.—Miếu thần ứng mộng, nhận-nhai gieo mình.

Phép thiêng cải tử hoàn sinh, (2)
Ở hiền may lại gặp lành đến đây.

Phu-nhân rằng : « Ấy mới hay,
« Thế-gian cũng có sự này lạ ghê.

« Thần còn cứu kẻ nhân-nghì,
« Dê hầu người chẳng liệu bề xót nhau ?

« Ở đây chẳng ngại chi đâu,
« Cho làm nghĩa-nữ (3) bạn-bầu tiểu-thư.

« Rồi sau nhắn bảo mẹ cha,

1290.— « Trời cho khi dễ, họa là gặp nhau ».

Hạnh Nguyễn vâng mệnh trước sau,
Súp ngồi nàng mới gặt đầu mấy phen.

Vân Anh từ được bạn hiền,

Yêu bên chữ sắc, trọng nhau chữ tài.

Hai người như thể một người,

(1) Phong-diệu cửa hầu : Bối chữ Hầu mô tả phong diện
侯門風調, tính cách nhà quan.

(2) Cải tử hoàn sinh 改死還生 : Đòi chết làm sống lại.

(3) Nghĩa-nữ 義女 : Con gái nuôi.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Ngang tay tú-các (1) sánh vai lan-phòng (2).

Dệt thêu, học lẫn nữ-công (3),

Lúc chia hoa ướp, khi chung phấn giồi.

Hạnh Nguyên khi đứng khi ngồi,

1300.— Khóc thầm trong vắng, gượng cười ngoài sân.

CÙNG ĐI LÃNH-NẠN

MAI-SINH VÀ XUÂN-

SINH LẠC NHAU

Nàng đã được chốn an thân,

Xót thay chàng Bích, chàng Xuân hai người.

Ái-quan chân chữa kịp đời,

Mã-bài (4) đã có chỉ dòi Đẳng-công.

Chẳng ngờ Lư Kỷ tấu trong,

Thiên-lao (5) đã bắt vợ chồng Đông Sơ.

Hai chàng còn tiền tiêu-thư,

Cũng ban mật-chỉ (6) truyền cho bắt về.

(1) Tú-các 綉閣 : Góc thêu, buồng thêu, nơi thêu-thùa của bọn nữ-lưu.

(2) Lan-phòng 蘭房 : Buồng lan, buồng thơm như hoa lan, tiếng nói lịch-sự chỉ chỗ bạn gái ở.

(3) Nữ-công 女工 : Việc làm bằng tay chân của phái nữ-lưu như thêu-thùa, may-vá, nấu-nướng.

(4) Mã-bài 馬牌 : Bài ngựa. Đời xưa có việc quan gự khăn-cáp, thì viết bài cho lính chạy ngựa đi báo, cũng như hỏa bài 火牌.

(5) Thiên-lao 天牢 : Nhà ngục giam người có tội.

(6) Mật-chỉ 密旨 : Lệnh kín, chỉ-dụ bí-mật của nhà vua hay của quan.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Đảng-công chống-chế mọi bề,
1310.— Cấp thêm hành-lý (1) giục đi lánh mình.
Cùng nhau hai gã thư-sinh (2),
Ngần-ngờ quê khách, gặp-ghềnh đất xa.
Trời hôm xế bóng tà-tà,
Còn-quang (3) đầu bỗng gặp ba bốn người.
Lòng tham còn biết thương ai,
Cướp hành-lý hết, áo ngoài sạch không.
Tạm ngồi trước miếu bên sông,
Thuyền quan nghe có thùng thùng trống canh.
Nghĩ cho là kẻ gian-tinh,
1320.— Nghe hơi kéo một đạo binh lên bờ.
Xuân-sinh kịp lánh đường xa,
Bắt liền Mai Bích mới đưa xuống thuyền.

MAI - SINH GẶP

PHÙNG LẠC THIÊN

- Chàng bèn cất mặt trông lên,
Thấy trong khoang giữa, ngồi nền một ông.
Mấy lời sang-sảng tiếng đồng :
« Tên kia sao dám cả lòng mưu gian ? »
Sinh rằng : « Đầu dám to gan,
« Đền trời xin thấu nỗi oan cho người.
« Tôi cùng người bạn anh tôi,
1330.— « Tìm người thân-thích lạc-loài đến đây.
« Nào ngờ gặp sự chẳng may,

(1) Hành-lý 行李 : Đồ vật đem đi đường.

(2) Thư-sinh 書生 : Học-trò, người đọc sách.

(3) Còn-quang 棍棒 : Nghĩa đen là gậy gộc, trở vào
hạng vô lại, đầu trộm đuôi cướp, hay du-côn.

« Dám xin xét tấm lòng ngay được nhờ ».

Ông xem ra dáng con nhà,
Truyền đem nghiên-bút thử và câu chơi.

Chàng vàng lĩnh bút đề bài,
Viết xong Chế-nghe (1) một bài nộp đi.

Ông rằng : « Nhục-nhơn nan tri (2).

« Thứ cho thì chớ, dù chê dám nài.

« Bước lên xin hãy tạm ngồi,

1340.— « Áo đưa một cặp, ngắn dài quân chi.

« Gặp nhau dễ giấu nhau chi,

« Họ tên sao đấy ? Ở quê xa gần ? »

Dần lòng, sinh những ngại-ngần,
Giả danh rồi sẽ nghe dần về sau.

Thưa rằng : « Xin kẻ gót đầu,

« Tên Vinh họ Mục, Thường-châu là nhà ».

Ông rằng : « Quê đấy chẳng xa,

« Có quen Mai-thị cùng là ai không ?

Sinh rằng : « Cùng ở một vùng,

1350.— « Bạn-bè cũng biết có công-tử chàng.

« Từ khi gặp biến phi-thường,

« Chẳng hay đâu đấy tìm phương lánh mình.

« Tôi nay vàng đẹp duyên bình (3).

(1) Chế-nghe 制藝 : Tiếng gọi về lối kinh-nghĩa hay tinh-nghĩa 經義精義, một lối văn 8 vẻ quen gọi là văn bát cổ 八股 ngày xưa dùng đề thi-cử.

(2) Nhục-nhơn nan tri 肉眼難知. Mắt thịt khó biết.

(3) Bình đây là bình-phong 屏風, một bức ngăn đề chắn gió. Ngày xưa Mạnh-thường-Quân tiếp khách, vẫn có người thư-ký ngồi bên trong bức bình-phong đề biếu chép. Chữ « duyên bình » trong câu này do tích ấy, ý nói là dựa vào hàng thư-ký.

« Xin tường qui tính, đại-danh (1) được nhờ ».

Ông rằng : « Cũ g chẳng đầu xa,

« Ở Giang-nam tỉnh, tên là Lạc Thiên.

« Cách quan về việc bình Phiên (2),

« Rày vàng khai-phục (3) ra miền Ngọc-kinh».

Đêm khuya trống đã sang canh,

1360.— Truyền đem gối đệm, nghỉ mình khoang
trong.

Mấy tuần thuận bến xuôi giòng,

Mùi bông trắng tối, buồm dòng gió trưa.

Quan lão-luyện, khách tài-hoa,

Cuộc cờ trên lái, đường tơ dưới lèo.

Mây buổi sớm, nước bản chiều,

Thơ ngâm ngoài mạn, rượu kéo trong khoang.

Kinh-thành mong-mỏi tắc gang,

Chiu lòng nước cũng bằng đường như tên.

MANG TÊN MỤC VINH

MAI - SINH VỀ GIÚP

VIỆC CHÂU BÁ PHỦ

Bổng đầu một chiếc kê bên,

1370.— Hối ra mới biết là thuyền Châu-công.

Gặp nhau kẻ hết sự lòng.

(1) Quý tính đại danh 貴姓大名 : Lời hỏi lịch-sự cũng như nói « họ tên ngài ».

(2) Bình Phiên 平番 : Giệp nước Phiên. --- Lư Kỷ chủ hòa, Phùng-công chủ chiến, khác ý nhau nên Phùng bị cách quan.

(3) Khai-phục 開復 : Đúc phục chức.

Họ Châu môn-đệ, (1) họ Phùng ân-sư. (2)

Châu-công rằng : « Lẽ gọi là,

« Kính dâng một lễ, gọi đưa tấc thành.

« Hà-nam (3) vâng mệnh tuần-hành, (4)

« Một phương xích-tử triều-đình (5) trong tay.

« Những là lo-lắng đêm ngày,

« Dưới màn ai kẻ đỡ thay tờ bời.

« Ân-sư liêu-hữu có ai,

1380.— « Môn-sinh xin được một người là may ! ».

Phùng-công rằng : « Đã sẵn đây !

« Mục Vinh gặp mấy buổi nay cũng kỳ.

« Văn-chương tài-mạo ai bì, (6)

« Có chẳng là một chữ « Thi » kém ta.

« Cánh bằng (7) khi gặp gió xa,

« Tung mây chưa biết lên đà đến đâu.

« Nhân-duyên may gặp được nhau,

« Việc nha xem đỡ, ta sau sá gì ».

(1) Môn-đệ 門弟 : Học-trò hay là người chịu ơn, thuộc viên cũng xưng được là môn-đệ.

(2) Ân-sư 恩師 : Thầy dạy, người chăm trường cho đồ cũng gọi là ân-sư.

(3) Hà-nam 河南 : Một tỉnh bên Tàu. Tỉnh trị là huyện Khai-phong bây giờ.

(4) Tuần-hành 巡行 : Đi tuần xét phong-tục chính-trị, cũng như kinh-lý.

(5) Xích-tử 赤子 : Con đỏ, trở vào dân-chúng địa-phương.

(6) Văn-chương tài mạo 文章才貌 : Chữ nghĩa tài-hoa và bóng-dáng người.

(7) Cánh bằng 鵬 : Con chim to, nói bóng về công-danh bay nhảy (xem chú-thích kỹ ở dưới).

- Hai ông trò-chuyện đã-dễ,
1390.— Mới đem họ Mực đưa về Châu-công.
Cửa đưa gọi chút lấy lòng.
Một hòm tân-phục, (1) hai phong nhật-trình (2)
Tiền rồi lại dặn Mực Vinh :
« Trương-phu xin chờ quản tỉnh biệt-ly ».
Yên xong trở mũi thuyền đi,
Kẻ thì phó-ly (3) người thì tiến-kinh (4).

TÌNH - CẢNH XUÂN-SINH
SAU KHI LẠC BẠN

- Thương thay còn một Xuân-sinh,
Liền đêm hôm ấy lánh mình xa xa.
Sáng ngày thức dậy nhớ ra,
1400.— Sơn-dông quen một người là Thái Cầu.
Xưa từng ly-phủ Nhiều-châu (5),
Cách quan nghe mấy năm sau ở nhà.
Hỏi thăm tìm đến hỏi qua,
Cửa ngoài đã thấy có tờ biên-phong (6).
Cũng vì Lư Kỷ, Hoàng Tung,
Chứng cho một án giao-thống giặc ngoài.

(1) Tân-phục 新服 : Quần áo mới.
(2) Nhật-trình 日程 : Đồ hành-lý đi đường.
(3) Phó ly 赴莅 : Đến chỗ làm quan, đây trở Châu-công.

(4) Tiến kinh 進京 : Lên kinh, đây trở Phùng-công.
(5) Nhiều-châu 饒州 : Tên một phủ thuộc tỉnh Giang-tây. Bây giờ là huyện Phiên-dương.

(6) Biên-phong 編封 : Tịch-biên và niêm-phong, nhà có tội người bị bắt, gia-sản bị tịch-biên, nhà cửa bị niêm-phong.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Xuân-sinh thấy sự kíp đời,
Một mình mặt đất, chân trời bơ-vơ.
Than rằng thung cổ huyên già,
1410.— Thiên-lao biết có bao giờ biện-oan (1).
Người tuổi-tác, khách cô-dan (2).
Đề ai tan ghé, rẽ đàn vì ai?
Xót ai thui-thủi phương trời,
Hồng-nhan khi đã ra người cửu-nguyên (3).
« Hiếu tình đeo nặng hai bên,
« Dặn-dò những chắc chu-tuyền (4) có ta.
« Mai-kha ơi, hỡi Mai-kha, (5)
« Rời nhau một bước, nên xa mấy trùng.
Mỗi đêm sương tuyết lạnh-lùng,
1420.— « Khỏi chẳng? hay đã mắc vòng trần ai?(6)
« Thương thay trung-nghĩa mấy người,
« Kể thì oan thác (7) người nơi ngục hình. (8)
« Trách vua Đường, ở bất minh, (9)

-
- (1) Biện oan 辨冤 : Phân-trần cho rõ sự oan-uổng.
(2) Cô dan 孤單 : Lẻ-loi, một thân một mình. cô đơn.
(3) Hồng-nhan 紅顏 : Má hồng, câu này nói về Hạnh Nguyên, chị gái của Xuân-sinh phải đi cống Hồ, chả biết còn hay đã chết.
(4) Chu-tuyền 周旋 : Chữ chu-tuyền đây có nghĩa là sẵn-sóc.
(5) Mai-kha 梅哥 : Anh họ Mai, trở Mai-sinh.
(6) Trần ai 塵埃 : Bụi-bậm, chữ trần-ai đây có nghĩa là nơi hiềm-nghèo.
(7) Oan thác : Chết oan, trở Mai-công.
(8) Ngục hình 獄刑 : Phải giam-cầm, trở ông là Trần-công.
(9) Bất minh 不明 : Không sáng-suốt.

« Dung bên gian-dăng (1) mà khinh hiền-
tài ». (2)

Bên lòng trăm mối bời bời,
Trông ra một nước một trời mệnh-mông.

XUÂN-SINH TRÂM MINH
ĐƯỢC NGƯ-BÀ CỨU SỐNG

- Tử sinh xem nhẹ lông hồng, (3)
Quyết liều, sinh đã gieo sông bao giờ.
Hay đâu khéo cũng may mà,
1430.— Gắn đầu-dây, có ngư-gia đóng thuyền.
Giăng chài vớt được chàng lên,
Tĩnh dần, trông rõ hai bên ngời nhìn.
Trẻ-già một lũ cạn khan,
Đầu càn-cạch tóc, mình nhờn-nhọt da.
Ngồi bên thuyền-chủ một bà,
Kề bên một ả mặt hoa tốt vờ.
Ngồi trông ra rõ mặt người,
Thương ôi! sao nữ bỏ hoài tuổi xanh!
Ở đâu mà đến chài mình,
1440.— Hãy còn im-ỉm khí-sinh (4) lạ đời.
Thay quần đổi áo tươi bời,
Ngư-bà mới hỏi mấy lời trước sau:
« Chẳng hay quê, họ nơi đâu?
« Gặp nhau xin tỏ cho nhau biết cùng.

(1) Gian-dăng 奸黨 : Đảng gian-nịnh.

(2) Hiền-tài 賢才 : Bậc hiền-lành tài giỏi.

(3) Lông hồng : Bội chữ Hồng-mao 鴻毛, lông chim
lông, thứ lông rất nhẹ.

(4) Khí sinh : Bội chữ sinh-khí 生氣 : Hơi sống.

- « Làm sao mà phải gieo sông ?
« Hay là tội-lệ, cát-hung thế nào ? »
Xuân-sinh mới kê gót đầu :
« Quê tôi ở huyện Thường-châu cũng gần.
« Cha làm quan, họ là Trần,
1450.— « Chẳng may mắc phải gian-thần (1) vu oan.
« Tâu vua bắt chị hòa Man (2),
« Thiên-lao lại bắt thung-đường phó giam (3).
« Tôi tiễn chị tôi xuất quan,
« Bổng nghe mật-chỉ sai quan nã về.
« Vậy nên tôi phải lánh đi,
« Chẳng may gặp lũ gian-phi giữa đường.
« Than ôi ! đương hợp mà tan,
« Một mình tránh khỏi nguy-nàn tới đây.
« Cả liều nào quản vơi đây,
1460.— « Phúc sao, may khéo là may, gặp người».

NGƯ - BÀ HỨA GẢ CON
GÁI NUÔI CHO XUÂN-SINH

- Ngư-bà nghe bấy nhiêu lời,
Nhủ rằng : « Thôi cũng có trời chẳng không !
« Năm xưa vớt được giữa dòng,
« Một hòm âm-ấp những vòng vơi thoa.
« Khen thầy nó dẫn lão-bà,
« Đề cho con gái tên là Ngọc Thư (4).
« Gặp ông thầy số năm xưa,

(1) Gian-thần 姦臣 : Bầy tôi gian-nịnh.

(2) Hòa Man 和蠻 : Hòa với rợ Man tức nước Sa-dà.

(3) Phó giam 付監 : Bắt giao giam giữ tại ngục.

(4) Ngọc Thư 玉姐 : Sau là chính-thất của Xuân-sinh.

- « Đoán cung-mệnh cháu khen bà phu-nhân.
 « Gao công, đòi đủ trăm cân,
 1470.— « Khen đi, khen lại phu-nhân khác thường.
 « Bây giờ may vót được chường,
 « Mà xem tướng-mạo đường đường đáng quan.
 « Hẳn rằng thiên địa tuần-hoàn (1),
 « Mà cho chàng lại trôi ngang vào chài.
 « Nên nay lại vót được người,
 « Hai phen vót được một đôi rõ-ràng.
 « Thôi đừng quản thiệt tham hơn,
 « Băn-khoăn kén cá, phàn-nàn chọn canh.
 « Ngọc Thụ cho kết duyên lành,
 1480.— « Họa là phu quý phụ vinh kịp ngày.
 « Được như số đoán là may,
 « Vong-hồn cũng thỏa đến thầy nó xưa »,
 Xuân-sinh nghĩ đã trót nhờ,
 Vả xem phong-dạng Ngọc Thụ ra tuồng.
 Thừa rằng : « Chút phận tha hương,
 « Đã thương-yêu đến, dám đường-dây ru !
 « Xin vàng, nhưng hãy xin chờ,
 « Bẵng vàng rồi sẽ đuốc hoa cũng vừa ».
 Bà mừng, kịp gọi Ngọc Thụ,
 1490.— Một lời đã định phải ra chào mời.
 Thẹn-thùng lưỡng-thững chân dời,
 Nàng e còn đứng, chàng coi đã tường.
 Quả nhiên nhan-sắc dị thường,
 Mai hình tú bộ (2) khác phường ngư-gia.

(1) Thiên-địa tuần-hoàn 天地循環, chữ tuần-hoàn đây có nghĩa như dong-ruồi.

(2) Mai hình 梅形 : vóc mai 若梅, Tú bộ 繡步 : Gót thêu. Thuở xưa con gái Tàu ưa thân-hình mảnh-khảnh và bó chân, đây nói về tướng người con gái lịch-sự bóng-bẩy thanh-thiếu.

Khi vui nẩy phút hứng thừa,
Khen thầm trong bụng nên thơ một bài (1).
Thấy chàng, nàng cũng mừng vui,
Dáng người thanh-tú, vẻ người văn-chương.
Chắc rằng có phận giàu-sang,
1500.— Hứng lòng cũng ngu luật Đường
bốn câu. (2)

Dần-dà quen thuộc bấy lâu,
Mời hay nương-tử họ Châu ấy là.
Nực cười thay ! thú ngư-gia,

(1) Thơ của Xuân-sinh : Quốc-sắc thiên tư khởi tại
trang. Bỏ quần ngư tráo thẳng nghề-thường. Nhược xuyên
hoàn-bội nghinh phong lập, Nghi thị Hằng-nga hạ thủ phương.
國色天姿豈在裝, 布裙魚罩勝霓裳, 若穿環珮
迎風立, 疑是姮娥下此方. Nghĩa là : Sắc đẹp thiên-
nhiên không phải ở đồ trang-sức, quần vải lưới cá hơn cả
nghề-thường, nếu đeo vòng xuyên mà đứng trước gió, thì ngờ
là à Hằng-nga đã giáng-hạ nơi này.

Có người đã dịch :

Tốt đẹp, ưa nhìn, lọ diềm-trang ?
Nu gai ăn đứt vẻ nghề-thường.
Ví dù sấm-sửa xênh-xoang gió,
Ngờ những Hằng-nga xuống một phương.

(2) Thơ của Ngọc Thụ : Cốt cách thanh kỳ thực khả
khoa, Thân xuyên ngư phục tác ngư gia, Nhược dắc xuân lôi
long báo tín, Bất thì thượng-nguyên hảo khan hoa. 骨格清奇
實可誇, 身穿漁服作魚家, 若得春雷龍報信,
不時上苑好看花. Nghĩa là cốt cách thanh-nhũ lạ-lùng
(Xem tiếp chú-thích số 2 trang kế)

Sớm qua Tầm-thủy, tối về Hàn-san. (1)

Ca chèo, nhịp nhịp, nhịp khoan,
Trắng lòn sau lái, gió đàn trước song.

Bốn mùa mặt nước sinh-nhai,
Lưỡi câu, sợi chỉ, tay chài mặt sông.
Mặc ai danh-lợi trong vòng,
Xiêm vắn-vắn lưới, đai long-lông thùng.

Thoi đưa nấn-ná ba đông,
1510.— Trãi phần đông-quí, (2) sang chừnng xuân
qua.

Tết trung náo-nức gần xa,
Neo thuyền giặt lưới, giăng bè dựng nêu.
Ngư-bà mới bảo Ngọc Kiều, (3)

thực đing khoe, vì mình mặc áo chài nên làm nhà thuyền chài
Nếu được tiếng sấm mùa xuân rỗng báo tin, bắt thần có lúc
xem hoa tại vườn Thượng-uyên.

Có người đã dịch :

Chiu thanh về quí, có nhường ai ?
Bỗng chốc đem thân vương áo chài.
Tiếng sấm đất băng, dành có lúc.
Cảnh hoa thượng-uyên, há nhường ai ?

(1) Tầm thủy 潯水 : Sông Tầm, bên Tàu có hai con.
sông là Tầm-giang 潯江 thuộc tỉnh Quảng-tây là Tầm-
dương 潯陽 thuộc tỉnh Giang-tây, nơi Bạch-cư-Dị bị biếm.
Hàn-san 寒山 : Tên một ngôi chùa ở ngoài thành Cô-tô
thuộc tỉnh Giang-tô bên Tàu. Chữ Tầm-thủy và Hàn-san
trong câu này, chỉ là mượn tên để nói về cảnh sông nước.

(2) Đông-quí 冬季 : Cuối mùa đông.

(3) Ngọc Kiều 玉嬌 : Tức Ngọc Thư.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Mượn diêm bói cá thay gieo tú cầu : (1)

« Lưới này như được cá đầu,

« Duyên con thì định xuân sau kén ngày.

« Ví bằng ba lưới không tay,

« Thành thân thông-thả sau này sẽ hay ».

Bàn rồi chia việc làm ngay,

1520.— Kể buông tay lưới, người gay cột chèo.

Cầm sào chàng cũng đẩy theo,

Ngọc Thụ đỡ lấy có chiều lần-khán.

Lạ gì đôi lứa vừa xuân,

Ai hay rơm bén, lửa gần với nhau ?

Ngư-bà liếc thấy vừa hai,

Nghĩ thầm chuyện ấy có người, có ta !

Người yêu-diệu, kẻ tài-hoa,

Khi vào sát áo, khi ra chạm quần.

Nghe nặng lưới, kéo lên dần,

1530.— Lý-ngư (2) đầu đẩy trần-trần một đôi.

Sinh rằng : « Ăn những ngồi rồi,

« Rày xin đem bán chợ chơi một lần ».

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,

Mà cho trái với thể-nhân đủ điều.

CƯ Ớ P G Á I Đ E P,

GIANG KHÔI BỊ PHẠT

Chàng vừa đi khỏi chợ chiều,

Thuyền ai đâu đã ghé chèo tới nơi.

(1) Tú cầu 繡球 : Quả cầu bằng vóc. Tục kén rề bên Tàu : Con gái ngồi trên lầu tung quả cầu xuống, ai nhặt được là trúng tuyển.

(2) Lý-ngư 鯉魚 : Cá chép.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Trên mui ngồi tốt một người,
Ngheh-ngang dáng cậu, nói cười giọng quan.
Một thuyền vàng dạ đã rần,
1540.— Tiều-hầu, đầy-tớ, một đoàn như rươi.
Khoe-khoang nửa tắc đến trời,
Quần hồ sệt-soạt, áo mồi trai lơ.
Trông sang nhác thấy Ngọc Thụ,
Xúm quanh, rần ếch, bướm hoa, động lòng(1).
Đặt ra một mẹo hư không.
Bạc năm mươi lạng một phong sẵn-sàng.
Giao cho đầy-tớ đưa sang,
Mua làm tiều-thiếp, toan đường ép duyên.
Thuận lòng bao quản sang hèn,
1550.— Tam-bành (2) bà đã nổi lên một hồi.
Ngọc Thụ ngắm-nguýt một hai,
Trong khi quá giận, lầm lời sam-sư.
Khuyển, Ưng (3) một lũ mắt đưa,
Đề phong bạc, bắt Ngọc Thụ đem về.
Tiếng nàng kêu dậy giảng Khê, (4)
Một đoàn thuyền-hộ (5) kéo bè la om.
Vác sào, quơ gậy ý-ôm,

(1) Câu này ý nói thấy gái đẹp như rần thấy ếch, như bướm thấy hoa.

(2) Tam bành 三彭 : Ba vị hung-thần trong mình người ta, hay xui giục người nổi cơn giận dữ.

(3) Khuyển 犬 : Chó; Ưng 鷹 : Chim cắt, chó săn chim cắt là hai vật dữ tợn, dùng ví với bọn đầy tớ hung tợn đắc lực.

(4) Giang-kê 江溪 : Đây trở nơi sông bến.

(5) Thuyền-hộ 船戶 : Đây trở về dân chài lưới.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Lao-xao nổi tép nổi tôm một vùng.
Lời thô tiếng tục như ong,
1560.— Kẻ toan cướp lại, người hồng đánh nhau.
Bàn dày, bàn mỏng giờ lâu,
Xuân-sinh trong chợ may đầu vừa về.
Can rằng : « Xin hãy im đi,
« Khôn không qua lẽ, phép thì có quan ».
Bảo nhau tìm chốn kêu oan,
Giắt theo chứng-tá, một đoàn ngư-nhân. (1)
Bước đi bóng đã xế dần,
Nửa đường gặp lũ quan-quân dài dài.
Đèn lồng trước kiệu hàng hai,
1570.— Hiệu đèn Đề-đốc (2) chữ nhồi nét son.
Giữa đường quì xuống kêu đồn,
Nghe, truyền dừng kiệu, ồn ồn hỏi tra.
Thưa rằng : « Chút phận ngư-gia,
« Gặp chàng công-tử, họ là họ Giang.
« Khinh người hèn, cậy mình sang.
« Lấy điều thân-thế, toan đường hiếp ai.
« Kể thuyền cướp lấy vợ người,
« Chuyện này, muôn đời đèn trời xét cho.
« Cao-minh xin thứ dân ngu,
1580.— « Vội-vàng kêu miệng, nào lo kịp tờ».
Lệnh quan một tiếng truyền ra :
« Con quan quen ỷ thế cha, cũng thường.
« Tên này phong-dạng ra tuồng,
« Nhìn xem chưa hẳn là phường ngư-gia ! »

(1) Ngư-nhân 漁人 : Người thuyền chài, người đánh cá.

(2) Đề-đốc 提督 : Một chức quan về ngành võ quan cao cấp.

- Kíp truyền tới bến đại hà,
Bắt Giang công-tử (1) về nha tức thì.
Nguyên-đơn (2) cũng bắt đem về,
Kiệu đi một lúc đã kè đại-doanh (3).
Hiên-môn vẽ hồ trước bình (4),
1590.— Giáo thăm-thăm đóng, quân sinh-sịch hơi.
Thung-dung xuống kiệu sảnh (5) ngoài,
Tiếng loa thị-sự (6), hồi còi thu quân.
Hầu bên hai dãy biên-thân (7),
Nệm trăm-trăm trải, nền rần-rạt giông (chong).
Ngậm tăm lặng ngắt như không,
Trại ngoài diêm trống, dinh trong đóng kèn.
Một vòng quân khảo như nêm,
Hàng giăng giá ngọc, chập lèn túi roi.
Giao canh trống mới sang hai,
1600.— Phạm-tù (8) đã thấy lời thôi điệu về.

(1) Giang-công-tử 江公子 : Công-tử họ Giang tức Giang Khôi 江魁.

(2) Nguyên-đơn 原單 : Người đứng tên trong đơn đi kiện, tục quen gọi là bên nguyên.

(3) Đại-doanh 大營 : Dinh lớn, đại bản-doanh, nơi võ-quan đóng.

(4) Hiên-môn 軒門 hay viên môn 轅門 : Quan tướng đóng dấu có xe chập lên làm cổng, gọi là viên-môn.

(5) Sảnh : tức sảnh-đường 廳堂 : Một nơi dinh-thự to, nơi công đường.

(6) Thị-sự 視事 : Coi việc : tức là buổi xét xử công việc quan.

(7) Biên-thân 弁紳 : Nha-lại, thuộc viên.

(8) Phạm-tù 犯囚 : Kẻ can-phạm.

Giang Khôi nhường cũng khiếp uy (1)
Liếc trông mặt sắt (2) lắng nghe tiếng đồng.

Quở rằng : « Cây thế thị hùng,
« Ra ngoài văn-pháp; vào trong đàm-tà.

« Ân này cứ miệng ngư-gia,
« Phỏng như tội ấy, nghĩ đã đáng chưa ? »

Kiên gan Khôi cũng lòi-la,
Rằng mua rằng bán, rằng lừa trăm khoanh.

Rồi ra chứng-tá phân-minh,
1610.— Nhường cứng-cứng lưỡi, nhường quanh-quần lời.

Quan-môn biết sự chẳng sai, (3)
Lấy điều nhỏ-nhất truyền đòi Ngọc Thư.

Hỏi ra mới biết rằng là :
Liều dù gặp gió, sen chưa nhuộm bùn !

Đòi Giang Tri-phủ (4) quở đồn :
« Khen làm dân-mục (5) dung con bất tài. (6)

« Mắt trông, tay trở đủ mười, (7)

(1) Giang Khôi 江魁 : Tức kẻ bị cáo.

(2) Mặt sắt bửi chữ thiết diện 鐵面. Nói về ông quan nghiêm-ngạnh, danh-thếp, không tư-vị ai.

(3) Quan môn 官門 : Cửa quan.

(4) Giang Tri-phủ 江知府 : Quan Tri-phủ họ Giang, bổ Giang Khôi.

(5) Dân-mục 民牧 : Người chăn nuôi dân, tức là quan đầu hạt.

(6) Bất tài 不才 : Chẳng có tài, mắt nét, chữ bất tài đây có nghĩa là nét xấu.

(7) Câu này bửi chữ thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ 十目所視, 十手所指 : Mười mắt cùng trông, mười tay cùng trở.

« Phép vua khôn thứ, miệng người khôn che.

« Tội con phạt bốn-mươi bề, (1)

1620.— « Cha đã biết tội tha về lượng cho.

« Nguyên-đơn một lũ họ Châu, (2)

« Chờ mai thăm lại mới hồ tha xong »,

Truyền cho ở lại nha-phòng, (3)

Sáng mai sẽ hỏi xem trong tình đầu.

XUÂN-SINH GẶP-GỠ

KHÂU ĐỀ-ĐỐC

Ai hay sự bởi vì đầu,

Quan Đề-đốc ấy, họ Khâu gọi là.

Hiếm-hoi mới được mộng xà, (4)

Vân Tiên một gái mặt hoa khuynh-thành. (5)

Cũng trong họ mạc chung quanh,

1630.— Vốn là cậu ruột Mai-sinh đấy mà !

Từ khi khởi nạn Mai-gia, (6)

Phu-nhân sang đó nương nhờ bấy lâu.

Cách đêm vừa sáng hôm sau,

Buông rèm hỏi lũ họ Châu xem tình.

(1) Bốn mươi bề có lẽ là 40 trượng hay 40 roi.

(2) Họ Châu 周, họ của Ngọc Thư.

(3) Nha-phòng 衙房 : Nơi phủ-nha.

(4) Mộng xà 夢蛇 : Mơ thấy rắn, do câu : Duy hỷ duy sa, nữ tử chi tường, 維 喜 維 蛇 女 子 之 祥 mơ thấy loài rắn, điềm lành con gái.

(5) Khuynh-thành 傾城 : Nghiêng thành, tức sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành.

(6) Khởi nạn Mai-gia, nghĩa là nhà họ Mai gặp nạn 梅家起難.

- Ngư-bà đầu dám giấu quanh,
Mời đem sự-tích Xuân-sinh kể bày.
Sốt lòng ông mới dạy ngay,
Hãy đem tên rề vào đây hỏi tường.
Xuân-sinh thấy sự rõ-ràng,
1640.— Bấy giờ chàng kể nỗi chàng đầu đuôi :
Từ khi gặp-gỡ họ Mai,
Khi toan xe chỉ, khi đòi xuất quan.
Khi lánh nạn, lúc nghe oau,
Cùng Mai-sinh, nổi hợp-tan mấy lần.
Chàng vừa kể hết xa gần,
Mai phu-nhân bỗng khóc lẫn dưới rèm.
Khóc rồi mới bước ra thềm,
Cầm tay chàng mới nhìn xem một giờ.
Dạy rằng : « Gang tấc nên xa,
1650.— Thế mà già vẫn còn ngờ rằng ai ! »
Khâu-công rằng : « Hãy khoan-thai,
« Dám xin mời cả vào ngồi nhà trong.
« Thay quần đổi áo yên xong,
« Rồi ra sẽ kể sự lòng với nhau ».
Ngư-bà chưa rõ gót đầu,
Thôi bâng-khuàng nghĩ, lại châu-hầu trông :
« Ủy, sao nhà kiện, cửa công.
« Ra tình nhìn-nhận, ra lòng yêu-thân ?
« Thư-phòng (1) rót chén tẩy trần, (2)
1660.— Một ông với một chàng Xuân bàn-hoàn,
Kể lòng mấy chuyện hợp tan,
Nhà trong cũng mở một bàn tiệc hoa.

(1) Thư-phòng 書房 : Buồng sách.

(2) Tẩy trần 洗塵 : Rửa bụi, tiệc đãi người ở xa mới đến gọi là tẩy trần.

- Ngôi trên nhường tuổi Ngư-bà,
 Hai phu-nhân với tiểu-thư hai người.
 Nhìn lâu ngợp mắt làng chài,
 Mâm vàng chồng-chất, chén mời đầy-vời.
 Hải vị tốt, yển sào tươi,
 Khác màu nấu chuội, khác mùi hơ qua.
 Vả trong bồi tiếp tiệc hoa,
 1670.— Hai nàng tiên-nữ, hai bà phu-nhân.
 Mừng thăm con đã yên thân,
 Gẫm lời thầy số mười phần chẳng sai.
 Khâu-công xong tiệc rượu ngoài,
 Mai phu-nhân mới rỉ tai vài lời :
 « Nghĩ rằng cậu mợ hiếm-hoi,
 « Điềm hùng (1) chưa ứng, chứt trai muộn-màng.
 « Nay xem công-tử họ Trần,
 « Khôi ngô vẻ mặt, đại cân dẫu nhà.
 « Tòng quyền cho nghỉ nương nhờ,
 1680.— « Minh-linh (2) rồi sẽ đòi ra đông-sàng (3).
 Bàn rồi bèn giục-giã chàng,

(1) Điềm hùng do câu: duy hùng duy bi nam tử chi tường
 雄熊雄鬚男子之祥. Nằm mơ thấy loài gấu là điềm sinh
 con trai; đây nói điềm hùng chưa ứng, nghĩa là chưa có con
 trai.

(2) Minh linh 螟蛉 : Một giống sâu như con nhện con.
 Tò-vò bắt đem về nuôi, 7 ngày thì nở thành tò-vò, khoét thủng
 tò bay đi. Kinh Thi có câu : « Minh linh hữu tử, quả khoa
 phụ chi 螟蛉有子 蜾蠃負之 ». Giống minh-linh có
 con, tò-vò cắp lấy, người ta mượn chữ minh-linh để tỏ về
 con nuôi.

(3) Đông-sàng 東床 : Đã chú-thích ở trên.

Thung-dung trước mặt gia, nương (1) khẩu
đầu (2).

- Vàng lời theo họ là Khâu,
Tên là Khôi, đề từ sau gọi thường.
Còn ngư-bà với Ngọc-nương,
Cũng cho nhìn-nhận trong đường thân hơi.
Ngư-bà xin tới bến ngoài,
Tìm người phùng bạn, giã lời với nhau.
Ông truyền sắp kiệu theo hầu,
1690.— Rập-rình gươm trước, ngựa sau ra tuồng.
Ngồi trong ghé ngựa nom ngang,
Phút đầu kiệu đã tới phùng bến xưa.
Vội-vàng bước xuống thuyền nhà,
Kể quen người thuộc còn ngờ rằng ai.
Giờ lâu nhìn rõ mặt người,
Nọ người khoác nách, nọ người vỗ tay.
Hỏi sẵn hỏi đón đã đầy,
Kiện làm sao đây ? kiệu này của ai ?
Bà rằng : « Kiện-cáo gì tôi,
1700.— « Này này ! anh nó vào ngồi với quan !
« Từ rày phùng bạn đừng nhờn,
« Đủ trăm văn-lý, dư muôn thế-thần !
« Giang Khôi rày hẳn biết thân,
« Hôm xưa thầy tớ một sân chịu đòn.
« Kéo còn bắt những hầu non,
« Kéo còn hống-hách, kéo còn dọa hơi ».
Cùng nhau từ-giã mấy lời,
Lại lên ngồi kiệu, kíp dời về dinh.

(1) Gia, nương 爺娘 : Ông, bà hay là cha, mẹ, tiếng gọi tôn.

(2) Khẩu đầu 叩頭 : Cúi đầu, nghĩa là lạy.

TÌNH-CẢNH MỤC VINH
KHI VỀ Ở CHÂU-PHỦ

- Khâu Khôi yên phận đã đành,
1710.— Đường xa này chuyện Mục Vinh còn dài.
Phủ Châu nướng-nấu cửa người,
Ăn-lờ xem dỡ, văn-bài tập riêng.
Tài mẫn-tiếp, tinh thông-miêng (1),
Phần chăm việc khách, phần siêng việc mình.
Hà-nam một tỉnh chính thanh (2),
Châu-công biết sức, thêm tình yêu-đương.
Nghĩ mình có gái Vân-nương (3),
Quyết lòng đành rắp đồng-sàng, đợi ai.
Xa nhà chưa dám ngỏ lời.
1720.— Tin đầu đã có chỉ đòi lai kinh.
Tỏ tin, bàn với Mục Vinh :
Khuyên chàng về phủ Đại-danh (4) quê nhà.
Bản-khoản muôn dặm đường xa,
Tư thư mới gửi cho bà phu-nhân.
Trong thư mọi nỗi xa gần,
Dặn-dò lấy lễ sư-tân (5) dãi chàng.
Định-ninh một việc đồng-sàng,
Chuyện riêng lại phụ mấy hàng dặn sau.

(1) Mẫn-tiếp 敏捷 : Siêng năng, nhanh nhẹn. Thông-miêng 聰明 : Thông minh, sáng suốt.

(2) Chính thanh 政清 : Chính sự trong sạch.

(3) Vân-nương 雲娘 : Tức Vân Anh tiểu-thư 雲英小姐.

(4) Đại-danh 大名 : Tên một phủ trước, nay là đạo, thuộc tỉnh Trực-lệ 直隸.

(5) Sư-tân 師賓 : Vừa là thầy, vừa là khách.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Mục Vinh sắm-sửa quân hầu,
1730.— Trỏ đường tư-thất họ Châu trở về.
Tay cung, thanh quất, cây tỳ,
Ngao-du sơn thủy, đề-huề gió trắng.
Hề-đồng theo bốn năm thằng.
Thơ ninh-nịch túi, rượu lưng-lửng bầu.
Đường xa dong-ruổi vó câu,
Thoắt đà tới phủ họ Châu bao giờ.
Phu-nhân biết ý trong tờ,
Tình riêng đau dăm hững-hờ như ai.
Riêng mình chàng, một thư-trai (1),
1740.— Đờ cung-cấp hậu, vẽ bài-trí thanh.
Cổ thư, cổ họa, buông tranh (2),
Bên giường triện-bách, trước bình phong-lan.
Giá bày túi sách cạp đàn,
Sẵn hiên ngoạn nguyệt (3), sẵn vườn thưởng
hoa (4).

MAI - SINH TUỞNG - NHỚ HẠNH NGUYỄN

- Phòng riêng ngày tháng lán-la,
Khi buồn mới giờ chiếc thoa ra nhìn.
Càng đau-đớn nỗi Hạnh Nguyễn,
Nhớ câu thơ biệt ở trên trùng-đài.
Sẵn nghiên-bút, vẽ ra chơi,
1750.— Vừa buông tay viết, chẳng rời miệng ngâm.
Càng như khêu mối khổ tâm, (5)

(1) Thư-trai 書齋 : Phòng sách, nơi đọc sách.

(2) Cổ thư cổ họa 古書古畫 : Bức chữ viết về bức tranh vẽ đời cổ.

(3) Ngoạn nguyệt 玩月 : Xem trăng.

(4) Thưởng hoa 賞花 : Cõi hoa.

(5) Khổ tâm 苦心 : Nỗi khổ chứa trong lòng.

- Giấy loè nét tủi, nghiêng dầm giọt thương.
Hay đầu đầy-tớ Vàn-nương,
Liều-hoàn một ả Xuân Hương tình đời.
Thói thường dòm liếc thư-trai,
Gặp chàng vừa lúc nhớ người, xem thoa.
Trở về tập-tên, tập-ta,
Thầy-lay mạch ả Vàn ta mấy lời :
Rằng : « Tướng-công ở nhà ngoài,
1760.— « Thịnh-linh lắm lúc, tôi coi cũng kỳ.
« Tay cầm chẳng biết vật gì,
« Mắt thì nhìn kỹ, mặt thì buồn tênh,
« Kỳ này ra khổ thất tình,
« Kém nhan-sắc trước, khác hình-thú xưa.
« Tôi lờ khi vắng lên ra,
« Chỗ ngồi bắt được chiếc thoa lạ đời ».
Vàn Anh xem của nghe lời,
Gẫm tay này hẳn có người tình chung.
Thoa này ai dễ cho không,
1770.— Dễ hầu biết mặt tin lòng được ai ?
Mục Vinh phải buổi ra ngoài,
Về xem hòm sách tới-bời giờ tung.
Thấy khác dấu, đã chột lòng,
Xem cảnh thoa ấy lại không thấy rồi.
Khóc-than vát-vã một hồi,
Trách mình lơ-đềnh, giận người tham-lam.
Nghĩ rằng kẻ bắc người nam,
Chắc còn thoa ấy, để làm duyên sau.
Gẫm duyên mỏng-mảnh vì đầu,
1780.— Tỉ-ti vật mọn cũng hầu tìm đi.
Bệnh đầu dặt đến tức thì,

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Cơm hoa biếng nhấp, giấc hòe (1) kém yên.
Chiêm-bao mê-mẩn liền liền,
Trùng-dài trước mặt, Hạnh Nguyên bên mình.
Phu-nhân những hậu vi tình,
Mời thầy thuốc, cắt đồng-sinh (2) giữ-gìn.

HẠNH NGUYÊN TƯỚNG

NHỚ MAI - SINH

Nỗi ngoài họ Mực chưa yên,
Nỗi người, còn nỗi Hạnh Nguyên trong nhà.
Phải khi ngời với Vân-thư,
1790.— Thấy cảnh thoa ấy chân hư (3) rành rành.
Giờ lâu nhìn dấu của mình,
Trùng-dài lưu luyến Mai-sinh những ngày.
Người đầu mà của thấy đây ?
Hẳn rằng bóng hạc xe mây (4) đã đành.
Duyên này đã hẳn ba sinh, (5)
Gặp nhau đành giữ chung tình kiếp sau.
Tấm thương chẳng đánh mà đau,
Lan-sương biếng kẻ, mai-câu biếng gười. (6)
Tắc riêng riêng những ngậm-ngùi,

(1) Giấc hòe tức giấc mộng, do tích « Hoè-an » 槐安 đã chú-thích rõ ở truyện « Bích Câu Kỳ Ngộ » do nhà Tân-Việt xuất-bản.

(2) Đồng-sinh 童生 : Trẻ trai, trò nhỏ, đứa hầu trai.

(3) Chân hư 真虛 : Thực, hư.

(4) Bóng hạc xe mây, bởi chữ hạc giá và xa 鶴駕雲車 nói bóng là đã chết, đã qui tiên.

(5) Ba sinh 三生 : Ba đời luân-chuyển kiếp này sang kiếp khác.

(6) Lan-sương 蘭霜 : Giọt sương đọng ở hoa lan. Mai câu 梅鈎 : Vòng hoa mai. Đây nói về những phẩm-vật trang-sức trau-dồi của các cô khuê-các.

1800.— Bữa thường miệng đắng, đêm dài bóng chung.

TRONG KHI ỒM NẶNG
HAI NGƯỜI CÙNG DẶN-
DÒ CHÂU PHU - NHÂN

Phu-nhân rồi tợ bông-bong,
Khuê-phòng ép thuốc, thư-phòng nài thang.
Đay mua hai cỗ thọ-đường (1),
Phòng khi nhất đán phi-thường (2) cho ai !
Bồng đầu một lúc tơi bời,
Nổi trong nhộn-nhịp, nổi ngoài dở-dang.
Liều-hoàn nổi gót thư-đường,
Thấy hai phương cũng hung-phương (3) một giờ.

Phu-nhân ghé hỏi sau xưa,
1810.— Gọi lên đã thấy tiểu-thư tỉnh dần.
Thưa rằng : « Lưu-lạc chút thân,
« Bao dong kẻ đã đội ân nghìn trùng.
« Hay đầu số phận mỏng-manh,
« Xưa nay mệnh bạc chữ chung má đào (4).
« Phòng khi muôn một thể nào,
« Xin ba tác đất dể vào hướng nam.
« Con dù chín tuổi cũng thơm,
« Bấy lâu công-đức đã cam phụ người».
Phu-nhân khuyên-giải mấy lời,
1820.— Cùng Vân-thư tới nhà ngoài thăm lênh.

(1) Thọ đường 壽堂 : Tức là áo quan, quan tài.

(2) Nhất đán phi thường 一旦非常 : Một sớm bất thần nghĩa là chết,

(3) Hung phương 凶方 : P. ượng hướng xấu, dữ.

(4) Bấy chữ hồng nhan đa bạc mệnh 紅顏多薄命.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Kề tai mấy tiếng gọi sinh,
Vừa lim-lim giấc, thoát tỉnh-tỉnh dần.

Xuân Hương trình trước phòng văn :

« Tiêu-thư vâng mệnh phu-nhân trong phòng.

« Ra đây thăm bệnh tướng-công, (1)

« Dám xin gượng kéo bõ lòng chủ-nhân ».

Sinh rằng : « Chút phận gia-thần, (2)

« Ân lòng đãi lễ sư-tân bấy-chầy.

« Những mong báo-đáp có ngày,

1830.— « Ai ngờ nên nổi nước này như không ?

« Về chi thân nhẹ lòng hồng,

« Thăm lênh đề nặng tấm lòng tiêu-thư.

« Dù khi giải kết bao giờ,

« Phong phần (3) chính bắc xin nhờ ghi cho ».

SAU KHI RÕ TÌNH HAI NGƯỜI CÙNG KHỎI BỆNH

Bên giường mấy nỗi dặn-dò,

Phu-nhân nghĩ-ngợi thêm hồ-nghi ra.

Cùng nhau bàn mảnh trong nhà,

Xuân Hương mách-lẻo trình bà phu-nhân :

« Chuyện này xin chớ ngại-ngân,

« Tôi đã tỏ hết nỗi gần nỗi xa.

« Cũng vì có một chiếc thoa,

« Kẻ bàng-khuàng nhớ, người ngờ-ngân
thương.

(1) Tướng-công 相公 : Tiếng gọi tôn cũng như tiên-sinh 先生, đại-nhân 大人 v. v.

(2) Gia-thần 家臣 : Người giúp việc trong nhà, tôi-tớ.

(3) Phong phần 封墳 : Đắp mả.

- « Hai phòng bệnh cũng một đường,
« Mè rồi lại tỉnh, mơ-màng lãnh-nhãng.
« Vả xem những tiếng trời-trắng,
« Kể rằng chính bắc, người rằng chính nam.
« Chuyện này đề vạy chưa cam,
« Xin dò nhắc lại xem làm sao đây ».
Theo Văn-thư mới đi ngay,
1850.— Phen này quyết tỏ lòng này cho ai.
Lãng-lơ đứng trước thư-trai,
Đem thơ tiên-biệt Trùng-dài đọc chơi.
Mục Vinh nghe vắng bên tai,
Bằng dường sét đánh lưng trời bỗng dàu.
Gọi vào, hỏi trước, hỏi sau,
Mỉm cười, Hương mới kể đầu, kể đuôi.
Nỗi nằng mạch hết rạch-ròi :
« Khi thần đưa đến, khi người bắt nuôi.
« Trộm thoa, tội ấy về tôi,
1860.— « Khiến trong nhìn-nhận, đề ngoài xót-xa.
« Mấy câu tôi đọc bây giờ,
« Thơ này bắt được vời thoa một lần.
« Làm khuấy, xin hãy tỉnh dần,
« Đã đành tài-tử, giai-nhân một nhà.
« Vả ông tôi dặn trong tờ,
« Đinh-ninh dành gả tiểu-thư cho chàng.
« Bây giờ gặp nghĩa cũ-càng,
« Chẳng hay duyên mới có mang-mẻ cùng ? »
Sinh rằng : « Muôn đời ơn lòng.
1870.— « Nỗi bà trần-trọng, nỗi ông yêu-vì.
« Vi bằng được hẩn thế thì,
« Duyên sau nghĩa trước, hai bề vẹn hai ».
Bỗng nhưng nói nói, cười cười,

Mười phần bệnh, phỏng còn vài bốn phần.

Xuân Hương tức-tức dời chân,

Tinh dầu bạch với phu-nhân bấy giờ.

Lại vào bảo thực Hạnh-thư : (1)

Mục Vinh ngoài ấy, ấy là Mai-sinh.

Hạnh Nguyên nghe rõ thực tình,

1880.— Cất quang-quảng bệnh, nhẹ thênh-thênh
người.

MAI-SINH VÀ HẠNH NGUYÊN

NHẬN NHAU Ở CHÂU - PHỦ

Cho hay những bậc sắc tài,

Thảm vì tình lắm, lại vui vì tình.

Phu-nhân chọn được ngày lành,

Mời truyền dọn-đẹp, mời sinh vôi-vàng.

Sửa-sang cuộc rượu hai bàn,

Cách rèm làm lễ truy-hoan (2) một nhà.

Hạnh Nguyên quốc phục như xưa (3),

Khoác mảnh-mảnh, mời bước ra hỏi chàng.

Rõ mười còn tưởng mơ-màng.

1890.— Mừng mừng, tủi tủi, khóc-than một hồi.

Khóc rồi kể-lẽ đầu đuôi :

Nổi trên núi nhận, chuyện ngoài ải mây.

(1) Hạnh-thư 杏姐 : Tức Hạnh Nguyên.

(2) Truy-hoan 追歡 : Theo đuổi cuộc vui-vẻ, nhưng chữ truy-hoan ở đây có lẽ không ổn, đáng đòi ra giao-hoan : Sum họp vui-vẻ.

(3) Quốc-phục 國服 : Ăn vận quần áo bản-quốc Có bản chép cổ-phục, có lẽ lầm chữ cổ 固 với chữ quốc 國 ? Chữ « cổ 故 » là cũ, thì hối nghĩa, vì bên dưới có chữ như xưa.

Chết thừa sống thiếu là may,
Bên kia quan gặp, bên này thần đưa.
Bèo trôi, sóng vỗ đến giờ,
Kẻ sang Châu-phủ, người nhờ Phùng-công.
Biết bao nhiêu chuyện đau lòng,
Xuân-sinh lưu-lạc, Sơn-đông cách vơi.
Một phen nói, một bồi-hồi,
1900.— Bàng-khuâng cố-quận (1) ngậm-ngùi thiên-lao.
Phu-nhân khuyên-giải thấp cao,
Cùng thôi nước mắt, lại vào tiệc hoa.

CHÂU-CÔNG VỀ THĂM
NHÀ, BÀN GẢ VÂN
ANH CHO MAI-SINH

Tin kinh bỗng thấy đưa ra :
Châu-công thăng chức hiệu là Thị-lang. (2)
Chỉ ban về lễ từ-đường. (3)
Chàng ra mười dặm đình-trường (4) đón xa.
Ngó trông rợp bóng quan-hà. (5)
Thẻ bài phụng-chỉ (6) ngọn cờ vinh-hương. (7) .

- (1) Cố-quận 故郡 : Quận cũ.
(2) Thị-lang 侍郎 : Một chức quan trong Bộ.
(3) Từ-đường 祠堂 : Nhà thờ.
(4) Đình-trường tức trường-đình 長亭 : Đã chú-thích ở trên.
(5) Quan-hà 閼河 : Nghĩa đen quan là của ai, hà là sông, đây chỉ là nói về đường đất đi lại.
(6) Phụng-chỉ 奉旨 : Vâng chiếu-chỉ nhà vua.
(7) Vinh-hương 榮鄉 : Vinh-hiến về làng cũng như nói phú quý-quí cổ hương 富貴歸故鄉, giàu-sang về làng cũ.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Giáp nhau ông đã gặp chường,
1910.— Song song đôi ngựa trở đường cố-gia. (1)
Thu quân hồi trống vào nhà,
Treo yên vách phấn, cắm cờ giá son.
Vào trong thông-thả ôn-tồn,
Một nhà thầy, tớ, vợ, con lạy mừng.
Trong nhà nhộn-nhịp, tung-bừng,
Âm-thầm thiếu nhạc, lầy-lùng tiệc hoa.
Phu-nhân giả cách lơ-mơ,
Truyền đòi đệ nhất tiều-thư ra hầu. (2)
Ông rằng : « Khéo lẽ dối nhau,
1920.— « Hiếm-hoi một gái lấy đầu nhất nhĩ ? »
Hạnh Nguyên ra trước lạy quì,
Nổi nạng, bà kể mọi bề gian-truân :
« Nghĩ rằng xa, chẳng là gần,
« Ai hay con-gái bác Trần Đông Sơ !
« Tơ đào nghĩ những bao giờ,
« Nhân-duyên sớm định về nhà họ Mai.
« Hôm xưa lắm chuyện nước cười,
« Kể trong nhận cửa, người ngoài mắt thoa.
« Hai buồng gang tấc nên xa,
1930.— « Thất tình bệnh đã hoá ra mấy ngày.
« Tổ ra mười mấy hôm nay,
« Bên kia nhận vợ, bên này nhận chồng ».
Ông nghe thấu hết sự lòng,
Cả cười, mới dạy rằng : « Trong đạo trời.

(1) Cố-gia 故家 : Nhà cũ.

(2) Đệ nhất tiều-thư 第一小姐 : Tiều-thư thứ nhất.
Cô cả.

- « May ta gặp cả hòa hai,
« Trọn tình bè-bạn, được người thi-thư (1).
« Nghĩ chẳng, dở một nỗi nhà,
« Tính vào thế ấy, hóa ra thế này ! »
Bà rằng : « Tôi cũng nghĩ đây,
1940.— « Xưa nay đôi quả một tay cũng nhiều.
« Vả trong hai ả tiểu-kiều,
« Mười phần xem đã kính-yêu cả mười.
« Bấy nay hình-ảnh chẳng rời,
« Thờ chung quân-tử một người cũng nên.
« Mai-sinh nghĩa cả chưa đền,
« Phỏng chừng ép-undang cũng nên một lòng ».
Châu-công nghe nói thỉ-chung.
Liền ra tiệc ngọc thư-phòng với sinh.
Lòng chàng nghe đã tỏ tình,
1950.— Lẽ nào giấu quần giấu quanh được rày !
Thưa rằng : « Chút phận hèn ngày,
« Bấy nay giả-dối, tội rày đã cam ».
Ông rằng : « Việc tỉnh Hà-nam,
« Bấy lâu cây một tay làm biết bao ?
« Kinh-luân (2) đã tỏ tài cao,
« Thờ công, rể quánh, thủ đao long-tuyền (3).
« Hiếm-hoi chút gái vụng-hèn,
« Nưng khăn, sửa túi, xin yên phận nhờ ».

(1) Thi thư 詩書 : Kinh Thi, kinh Thư, hai kinh trong sáu kinh, biểu-hiệu Nho-giáo.

(2) Kinh-luân 經綸 : Sửa-sang tổ-diêm việc chính-trị.

(3) Long-tuyền 龍泉 : Tên một thanh gươm sắc.

Sinh rằng : « Nguyệt-lão (1) xe tơ,
1960.— « Nhân-duyên đã định Trần-gia (2) những
ngày.

« Làm chi bề ái vui đây,
« Hạ đường (3) dám lụy, tiếng này đến ai ?
« Vả con hồ phận bất tài,
« Tắc lòng e chữa xứng ngôi đông-sàng ».
Ông rằng : « Thôi chớ rầy-ruồng,
« Nhà Ngu xưa có Nga Hoàng, Nữ Anh (4).

(1) Vy Cỗ 韋固 đời nhà Đường đi cầu hôn, gặp một
cụ già ngồi tựa cái túi vải, hường ra bóng trăng coi một quyển
sách. Hỏi thì cụ nói : Đây là quyển sổ hôn-thú, trong túi này
có sẵn giấy đỏ, đề buộc chân những cặp vợ chồng đã có tên
trong sổ, dù sao cũng không tránh khỏi. Nhân thế ta mới gọi
người xe duyên là « Nguyệt-lão 月老 », nghĩa là ông cụ già
dưới bóng trăng.

(2) Trần-gia 陳家 : Nhà họ Trần, đây trở Hạnh Nguyên,
con gái Trần Đông Sơ.

(3) Hạ đường 下堂 : Xuống thềm. Vua Quang-Vũ
nhà Hán có chị gái góa chồng, muốn lấy Tống Hoảng, nhưng
Hoảng đã có vợ cả. Quang-Vũ hỏi ý : « Trẫm nghe người ta
giàu thì đòi bạn, sang thì đòi vợ, có không ? » Hoảng thưa :
« Tôi nghe nói người vợ lúc hàn-vi ăn tấm ăn cám có nhau,
thì không bao giờ dễ ở dưới thềm, mà người bạn lúc nghèo
hèn thì không có thể quên », (臣聞糟糠之妻不可下
堂, 貧賤之交不可忘 : Thần văn tào-khang chi thê bất
khả hạ đường, bần tiện chi giao bất khả vong). Quang-Vũ
bảo chị : Việc không xuôi rồi !

(4) Nga Hoàng, Nữ Anh 娥皇女英 là hai con gái
vua Nghiêu 堯 đều gả cho vua Ngu-Thuần 虞舜.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

« Trương-phu dù quyết hẹp tình,
« Thẹn thay phụ tấm lòng thành lão nô ». (1)

Chàng nghe lạy trước thêm hoa,
1970.— Xưa còn gia-khách (2) nay ra thân tình.

MAI - SINH ĐI THI

ĐỘI TÊN MỤC VINH

Năm mây nghe chiếu rành rành, (3)
Thi hương, thi hội, thi đình một phen. (4)

Bàn rồi đường lễ chưa yên,
Chấp kinh cử thực họ tên sao đành.
Sở dăng quán chỉ Đại-danh,
Quyền đề họ Mục, tên Vinh vào trường.

Đua tài lĩnh-thí, khoa hương,
Bảng đầu đã rõ tên chàng Mục Vinh.
Phủ Châu mừng rỡ linh-dinh,
1980.— Hết lòng sắm-sửa tiến kinh cho chàng.

Chân hề, dong-ruổi dặm tràng,
Đưa đeo thơ túi, đưa mang rượu bầu.
Mấy tuần gióng-giã vỏ câu,
Tràng-an (5) trông đã thoát đầu tới gần.
Tớ thầy tìm chốn chữa chân,

(1) Lão nô 老奴 : Thăng già này, Châu-công tự nói nhún.

(2) Gia-khách 家客 : Khách trong nhà.

(3) Năm mây bừi chữ ngũ vân 五雲.

(4) Thi hương : hương thi 鄉試, thi hội : hội thi 會試, thi đình : đình thi 庭試.

(5) Trường-an 長安 : Kinh-dô đời Đường, nay là huyện Trường-an, thuộc tỉnh Thiểm-tây.

- Chờ ngày nhẩy sóng, đợi tuần hóa long. (1)
Chen vai tài-tử, danh-công (2),
Kẻ toan bẻ quế, người hồng tung mây. (3)
Qui-mô trường-ốc (4) ai xây ?
1990.— Chia khu thập đạo, (5) rào vây bốn
thành. (6)
Ba bề chín cửa thành-thành,
Cột huyền bảng thẳng, cây đình liệu cao. (7)
Cây tài sinh cũng xem sao,
Vũ-môn ba đợt sóng đào xem khinh. (8)

(1) Nhẩy sóng bởi chữ khóa lãng 跨浪. Hóa long 化龍 : Hóa rồng, cá chép hóa long, nói bóng về thi cử đỗ đạt.

(2) Tài-tử, danh-công 才子名公 : Kẻ có tài, người có tiếng.

(3) Bẻ quế do chữ triết quế 折桂. Tung mây do chữ phi-vân 披雲, đều nói về đỗ đạt bay nhẩy.

(4) Qui-mô 規模: Khuôn-phép. Trường-ốc 場屋: Nơi trường thi.

(5) Thập đạo 十道 : Mười ngã đường, con đường trước cửa trường đi vào các vi.

(6) Bốn thành : Trường thi ngăn riêng ra làm bốn vi tiền, hậu, tả, hữu, 前後左右.

(7) Cột huyền bảng 懸榜 : Cột treo bảng. Cây đình liệu 庭燎 : Cột đuốc đốt sáng ngoài sân. Đều là vật-dụng nơi trường thi.

(8) Câu này bởi câu « Vũ-môn tam-cấp lãng » 禹門三級浪 : Người thi đỗ ví như cá hóa long, nhẩy qua ba lần sóng cửa Vũ.

XUÂN - SINH ĐI THI

ĐỘI TÊN KHÂU KHÔI

- Lại còn một nôi Xuân-sinh,
Khâu Khôi đã đổi tính-danh những ngày.
Hà-nam nhập bạ (1) phen này,
Đỗ hương cũng định ngày rày tiền kinh.
Mấy tuần vừa tới đô-thành,
2000.— Trời kia xui-khiến hai sinh đỗ đầu.
Cửa Phùng Đô-sát gặp nhau,
Người tìm mẫu-cửu (2) kẻ cầu Ân-sur. (3)
Quần hần vàng dẫn vào thừa,
Mời hai sinh hãy ngồi nhà nghênh tân. (4)
Kia thì Mai, nọ thì Trần,
Bàng-khuâng suốt buổi, tần-ngần giờ lâu.
Khóc than kẻ hết chuyện nhau,
Hợp tan mấy độ, trước sau mấy từng.
Tổ-tường chân tóc kẻ rằng,
2010.— Kẻ mừng chị sống, người mừng mẹ yên.
Hay đầu Đô-sát Lạc Thiên,
Chiếu ra chủ khảo (5) cầm quyền chương
văn (6).

(1) Nhập bạ 入簿 : Vào sổ, cũng như nhập tịch 入籍, biên tên vào sổ đình, đây nói Khâu Khôi nhận quần-chi ở Hà-nam.

(2) Mẫu-cửu 母舅 : Cậu — Họ nhà mẹ —.

(3) Ân-sur 恩師 : Thầy, người cắt nhắc, làm ơn, cũng như người đỡ đầu.

(4) Nghênh tân 迎賓 : Đón khách.

(5) Chủ khảo 主考 : Người đứng chủ việc chấm trường, đứng đầu chấm thi.

(6) Chương văn 掌文 : Coi việc văn-học.

Biết đâu truyền gọi gia-nhân (1),
Vàng lời ra quán nghênh tân đón vào.
Phùng-công mừng rỡ xiết bao,
Hai sinh kể hết tiêu-hao (2) chuyện mình.
Ông rằng : « Gác chuyện gia-tình,
« Trường-quan, Cống-sĩ (3) có hình hiềm-nghi.
« Ra ngoài hãy đợi trường kỳ (4),
2020.— « Nhờ trời khi dễ việc gì cũng xong ».
Hai chàng bái tạ Phùng-công,
Ra chùa Tướng-quốc, trú chung một phường,
Nhân khi vắng-vẻ đêm trường,
Tổ nguồn cơn trước, kể đường đất xưa.

MỤC VINH ĐỖ TRẠNG-NGUYỄN
KHÂU KHÔI ĐỖ BẢNG - NHÃN

Mới hay những kẻ tài-hoa,
Bảng vàng trời đã đợi chờ cho ai.
Một phen hội thí đua tài,
Giọng văn tú-khẩu, hơi bài cầm-tâm.
Quan trường công-chính (5) không lầm
2030.— Khéo thay mục này, cân cầm chẳng sai.
Bảng treo trên đã rõ mười,
Mục Vinh thứ nhất, Khâu Khôi thứ nhì.

(1) Gia-nhân 家人 : Người nhà, đầy-tớ.

(2) Tiêu-hao 消耗 : Tin tức.

(3) Trường-quan 場官 : Quan chấm trường. Cống-sĩ 貢士 : Các sinh-viên thi hương đã đỗ Cống-sinh — cử-nhân — đi thi hội.

(4) Trường kỳ 場期 : Kỳ hạn vào thi.

(5) Công-chính 公正 : Công bằng, ngay thẳng.

Văn trường đã định nhật kỳ,
Vừa xong thi Hội, lại thi Đình liền.
Thỏa lòng văn nhẹ như tên,
Tài hay có tám, sức lên đến mười,
Ưu phân (1) đáng giá tam khôi, (2)
Mới hay trời có chiều người khi nên.
Phán truyền họ Mục, Trang-nguyên.
2040.— Họ Khâu, Bảng-nhân, hai tên rành rành. (3)
Thiên-ân ban trước phong-dinh, (4)
Ba tuần ngự tửu, hai cành cung hoa. (5)
Hương trời, lộc nước, phần vua.
Rõ-ràng bông măng, lập-loè vàng đai.
Ba ngày thượng mã du nhai, (6)

(1) Ưu phân 優分 : Phần hơn, phần tốt tốt bực.

(2) Tam khôi 三魁 Cũng như tam nguyên 三元 : Ba lần đều đỗ đầu.

(3) Khoa thi Tiến-sĩ chia làm ba giáp : Đệ nhất giáp 第一甲 có ba vị là Trang-nguyên 狀元, Bảng-nhân 榜眼 và Thám-hoa 探花 ; Đệ nhị giáp 第二甲 có một vị là Hoàng-giáp 黃甲 ; Đệ tam giáp 第三甲 có hai vị là Tiến-sĩ 進士 và đồng Tiến-sĩ 同進士.

(4) Thiên ân 天恩 : Ôn trời tức ơn vua. Phong dinh 楓庭 : Sân cây phong — một thứ cây to lớn — tức sân nhà vua.

(5) Ngự tửu 御酒 : Rượu vua ban. Cung hoa 宮花 : Hoa trồng nơi cung cấm.

(6) Du nhai 遊街 : Chơi ngoài phố. Theo lệ các ông tân khoa được vua ban ơn vào xem hoa tại vườn Thượng-nguyên và cỡi ngựa đi rong chơi các phố trong hoàng-thành.

Lòng vua ưu hậu (1) mắt người quan chiêm.(2)

Vẻ-vang gấm lại hoa thêm. (3)

Thỏa lòng bề quế cung thiềm bấy lâu. (4)

BẢNG - NHÃN KHÂU KHÔI

BỊ LƯ KỶ ÉP GẢ CON-GÁI

Tân khoa (5) một lũ trước sau,

2050.— Cùng sang tướng-phủ (6) vào hầu

Lư-công.

Tạ từ ai nấy ra xong.

Mời riêng Bảng-nhãn vào trong rốn ngời.

Khoản trà (7) lễ mạo hân-hoi,

Dập-dìu sớm đã cho mời Hoàng Tung.

Giả điều vua triệu tướng-công,

Khâu, Hoàng ngời lại vui trong chén quỳnh.

Tung rằng: « Hai chữ khoa danh,

« Tướng-công đây những hậu tình quá yêu.

« Buồng hương có ả tiểu-kiều,

2060.— « Sàng-dông cũng ráp toan điều cầu thần.

« Thôi thì dư thế, dư thần,

« Quan sang, chức trọng mười phân đến chàng.

(1) Ưu hậu 優厚 : Hậu-hĩ hơn, đối-dãi đặc-biệt.

(2) Quan chiêm 觀貼 : Trông nhìn, ý nói đề người ta
trông vào.

(3) Gấm lại thêm hoa : Bội chữ cấm thượng thiềm hoa
錦上添花.

(4) Bề quế, cung thiềm : Bội chữ Thiềm cung triết quế
蟾宮折桂.

(5) Tân-khoa 新科 : Người mới đỗ.

(6) Tướng-phủ 相府 : Dinh quan tướng.

(7) Khoản trà 款茶 : Đãi trà.

Khâu-sinh cười nói, thưa rằng :

« Tình người quyến cổ (1) xem bằng bề non(2). »

« Duyên này đã định tao-khang, »

« Có đâu phụ nghĩa, tham sang lẽ nào ! »

Tung rằng : « Khéo chấp-nê sao, »

« Xưa nay đôi vợ biết bao nhiêu người ? »

« Con người sắc nước hương trời, »

2070. — « Quá thương khi đã ngỏ lời dễ dậu. »

« Cạn lòng nếu chẳng nghĩ sâu, »

« Ăn-năn e nữa đến sau lụy mình ». »

KHÂU KHÔI TỪ HÒN

BỊ BẮT GIAM

Sinh nghe mấy tiếng đồ-danh,

Đùng đùng nổi giận, bắt-bình kêu gan.

Mắng rằng : « Một lũ quyền-gian, »

« Nhơ mình chưa chán, lại toan hại người ! »

« Mình đã là phận con nuôi, »

« Nửa con hòng lại dắt ai vào cũi. (3) »

« Ta đây một tấm lòng trung, »

2080. — « Quyết đem giải trước mặt rồng có phen. »

« Thề không dung kẻ lộng quyền, »

« Vì dân trừ hại mới nên anh-tài. »

« Khéo thay mối-lái cũng đòi, »

« Vo-ve tiếng Trịnh (4) nhằm tai phượng- »

hoàng ». »

(1) Quyển cổ 眷顧 : Đoái thương yêu đến.

(2) Bề non, bởi chữ hải hà 海河, ý nói ân sâu rộng.

(3) Nửa con : bán tử, tức con nuôi.

(4) Tiếng Trịnh : Có lẽ do câu «Trịnh thanh âm 鄭聲淫», tiếng nước Trịnh âm dâm.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- Nói rồi lên kiệu vội-vàng,
Trở về vừa đến nửa đường nghĩ ra :
« Ăn-năn chút chửa xem cơ,
« Thôi thôi ! nóng giận đến ta là cùng.
« Lánh đi, nếu chẳng quyết lòng,
2090.— « Chân loan chưa đề lọt vòng lưới gian ».
Bàn riêng hai lẽ vừa an,
Thoắt đà đổi áo thay quan lánh mình.
Chuyện chàng đồn dậy kinh-thành,
Gần xa ai cũng biết tình từ hôn.
Lư-công nổi giận ồn ồn,
Kíp sai binh-mã đồ đồn tìm quanh.
Cách xa mười dặm ngoài thành,
Thấy chàng thoắt đã giao binh điệu về.
Kề khoan, kẻ nhặt mọi bề,
2100.— Rằng khinh phép nước, rằng chê lộc trời.
Truyền đem giam-cấm một nơi,
Luận xong tội ấy, ngày mai tiến trình.

CÁC CỐNG-SĨ MUU CỨU KHÂU KHÔI

- Trưởng quan nghe tỏ phong thanh,
Hòng làm sớ tấu giải tình Khâu Khôi.
Lòng người vốn sẵn lẽ trời, (1)
Mời hay trọng đạo ai ai cũng lòng.
Bấy giờ hội thi vừa xong,
Bốn phương sĩ-tử còn đông kinh-thành.
Bực mình hai chữ công-danh,
2110.— Về nhà thẹn mặt, xuất-hành ngại chân.

(1) Lòng người vốn sẵn lẽ trời : Bởi câu « Thiên-lý tại nhân tâm 天理在人心 ».

Tam khôi mừng những đắc nhân, (1)
Nghe tin nhủ-bảo xa gần thiếu ai ?
Hợp-hành bàn-bạc mấy lời,
Giận ai ép-uổng, thương người oan-khiên.
Việc này nhẫn-nhục sao yên,
Bè gian rồi nữa lộng quyền đến đâu ?
Lấn càn tâm-gửi chẳng lâu,
Người kia trước, chúng ta sau cũng vừa;
Thôi thì ta lại vì ta,

2120.— Nhẹ mình nặng nghĩa (2) mới là
trượng-phu.

Kể rằng xin chờ hồ-dồ,
Đón đường ta hãy sửa cho một hời.
Làm cho gian-đảng đi đời,
Hãy khoan văn-bút, thử chơi vũ-bài.
Ở đầu bổng có một người,
Thưa rằng : « Chuyện ấy xin người chờ nghĩ.
« Phỏng mà có đến lẽ gì,
« Đầu đoàn chuyện ấy, em thì xin đương.
« Vả em chút phận lỗ-làng,

2130.— « Tên thi vừa hỏng, tư lương cạn rồi.
« Về nhà thân-thích không ai.
« Xin liều thân ấy, cứu người khôi-khoa ».
Được lời như mở lòng ra,
Kéo nhau một lũ vào tòa Phùng-công,
Lay rồi thừa hết thử-chung,
Ông vừa thảo sớ đề hòng vào tâu.
Khen rằng : « Sao khéo bảo nhau,

(1) Đắc nhân 得人 : Được người xứng đáng.

(2) Nhẹ mình nặng nghĩa bởi chữ « khinh thân trọng nghĩa 輕身重義 ».

« Việc là việc nghĩa, lẽ đâu bảo dừng.

« Chử e tai vách mạch rừng (1),

2140.— « Làm cho kín-mít như bụng mới là ».

Vàng lời ai nấy trở ra,

Hẹn nhau chừng nửa canh ba đón đường.

LƯU KỶ, HOÀNG TUNG

BỊ ĐÓN ĐÁNH

Xin cho bắt được Lưu, Hoàng,

Đừng phân trái phải, hãy toan đánh đòn.

Rầy đừng vầy cánh cha con,

Gian-mưu dứt nọc, xảo ngôn hết nghề (2).

Đã đành tội hữu sở qui (3),

Rời ra, ra đến những gì thì ra.

Kể rằng : « E lũ chúng ta,

2150.— « Người gần, còn có người xa, ngại-ngần.

« Xin về một chốn trú chân,

« Nhà tôi trọ đấy cũng gần Ngọ-môn (4).

« Buổi triều xe ngựa ồn ồn,

« Tiệm đường đón đấy, nghỉ khôn lên trời ».

(1) Tai vách mạch rừng bởi câu phương-ngôn « rừng có mạch, vách có tai ».

(2) Gian-mưu 奸謀 : Mưu gian ; xảo ngôn 巧言 : Nói khéo.

(3) Tội hữu sở qui 罪有所歸 : Tội đã có người chịu.

(4) Ngọ môn 午門 : Cửa chính của kinh-sư, ngay trước tử cấm thành 紫禁城, đó là một tòa lâu-dài trên gác 9 gian, dưới chia ra 3 cửa ra vào, cửa giữa tiếp thẳng tới đạo-môn 端門 của hoàng-thành, chỉ có vua mới ngự qua, còn nhân thứ đều đi hai cửa bên tả hữu.

- Cùng nhau miệng nói chân đời,
Sẵn nhà cùng ở một nơi đợi chờ.
Lặng nghe canh đã sang ba,
Kiệu dầu một lũ trông ra ngoài trường.
Phùng-công kiệu trước thét đường,
2160.— Kiệu sau Đẳng Lục với chàng tân-khoa.
Bảo nhau hai dãy giẹp ra,
Kiệu dầu sau thấy xa xa đến liền.
Tiền hô hậu ủng chập lèn (1),
Phủ Lư mới tỏ hiệu đèn là đây.
Hai bên chực sẵn đã đây,
Kẻ trần tay áo, người xoay cánh đoài.
Người bẻ lọng, kẻ giăng roi,
Ầm ầm hơi giận, hồi hồi tiếng la.
Xúm quanh trước kiệu hỏi qua :
2170.— Khâu Khôi, Bảng-nhãn tân-khoa tội gì ?
Quyền như chủ, chắc mạnh bề,
Vu oan cho kẻ trung-nghì được chưa ?
Bốn bên trận đánh như mưa,
Xé tan xương nịnh, ngay dờ mặt gian.
Trận đòn hội chợ ai can ?
Bướm bay giấy lọng, kiệu tan lũ hầu.
Hoàng Tung kiệu đã đến sau,
Người kéo tóc, kẻ giăng dầu, xúm quanh.
Mảnh xiêm, mảnh măng tan-tành,
2180.— Tối-tăm mắt nịnh, thất kinh hồn tà.
Mời hay nhất quỷ nhĩ ma,

(1) Tiền hô hậu ủng 前呼後擁 : Ngày xưa mỗi khi các bậc đại-thần ra đến ngoài, có quan lính đi hầu, đằng trước thì quát thét dẹp đường, đằng sau thì có lính yểm-hộ.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Học trò đến bực thứ ba thực là (1)

Người kêu dưỡng-tử cứu cha (2),

Kẻ kêu nghĩa-phụ, ân-gia (3) cứu mình.

Tưng tung trời mới bình-minh (4),

Đường hoàng ngự trước, phong đình phân-ban (5).

Lư, Hoàng thoát khỏi vòng oan,

Bưng đầu theo lũ bách-quan (6) vào quì.

Gượng đau, lạy trước đàn-trì, (7)

2190.— Áo tươm-tướt rách, mặt bì-bì sưng.

Khóc-than rền-rĩ tàu rằng :

« Khâu Khôi hôm nọ tự đứng bôn-đào (8).

« Bắt về chưa kịp tàu vào,

« Hai quan chủ khảo sắp mưu hại người.

« Hợp hàng sĩ-tử một nơi,

« Đón đường, đánh đánh, lòi lòi một hồi.

« Cao minh xin tỏ đèn trời,

(1) Phương-ngôn ta có câu « nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò ».

(2) Dưỡng-tử 養子 : Con nuôi.

(3) Nghĩa-phụ 義父, Ân-gia 恩爺 : Đều là cha nuôi.

(4) Bình-minh 平明 : Sáng sớm.

(5) Phân ban 分班 : Chia hàng, các quan vào châu vua, chia ra hai hàng : bên hữu quan văn, bên tả quan võ, gọi là phân ban.

(6) Bách quan 百官 : Trăm quan, các quan, nói về số nhiều, cũng gọi là « bá quan ».

(7) Đàn-trì 丹墀 : Thềm đỏ, thềm nhà vua lát gạch hay đá đỏ.

(8) Bôn-đào là bỏ trốn đi. (Đào 逃 : trốn).

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

« Tra người vô phép, hỏi người mưu gian ».

Phán rằng : « Người hãy ngồi an,

2200.— « Còn tra dù thực, du gian rạch-ròi.

« Chỉ đòi Phùng, Đẳng hai người,

« Làm sao tàu thực mấy lời được hay ».

Tàu rằng : « Chút phận hèn này,

« Dám cho được dự khoa này chương-văn.

« Đêm ngày lo-lắng trăm phần,

« Di tài (1) những sợ, đặc nhân là mừng.

« Gieo cho những tiếng hay chẳng,

« Xét soi nhật nguyệt đôi vầng xin thương.

« Phường thi hồng, với quan trường,

2210.— « Còn chỉ tình diện (2) toan đường giao-thông.

« Chực ngoài lũy ấy còn đông,

« Dám xin tra thấu thử-chung được nhờ »,

Tiếng vàng sang-sảng ban ra,

Đòi vào sĩ-tử hỏi qua tình đầu.

Bắt vào một lũ theo nhau,

Dưới sân kẻ trước, người sau, lạy qui.

Phán rằng : « Trong chốn trường-qui (3).

« Làm điều bất pháp (4) tội thì tại ai ? »

Muôn tàu : « Hồ phận bất tài,

2220.— « Tranh lèo, giạt giải, nhường người
quyết khoa (5).

(1) Di tài 遺才 : Bỏ sót người có tài.

(2) Tình diện 情面 : Tình ngoài mặt, mặt tình, nể mặt.

(3) Trường qui 場規 : Phép của trường thi.

(4) Bất pháp 不法 : Chẳng theo phép, trái phép.

(5) Quyết khoa 決科 : Ý nói đi thi quyết lấy đỗ trong
khoa ấy.

- « Nghĩ trong tảo-văn (1) cũng là,
« Bể bay, còn nhảy (2) còn chờ hội sau.
« Phép vua, lời thánh đề đâu ?
« Tay cầm bìa sách, dám hầu phi vi ? (3)
« Việc này lắm mối gian-khi (4).
« Dám xin tâu dưới đàn-trì đầu đuôi :
« Khoa này Bể-nhãn Khâu Khôi,
« Bạc người khoa-giáp, vẽ người phong-lưu.
« Hôm xưa Trương-phủ mời vào,
2230.— « Khoe con má phấn, ướm trao chỉ hồng.
« Tân-khoa một mực rằng không,
« Dám tham phú-quí, phụ lòng tao-khang.
« Tâng công bởi tại họ Hoàng,
« Quyết đường ép-uồng, xui đường phân-chia.
« Sợ vì phép, khiếp vì uy,
« Tân-khoa mới phải tìm đi lánh mình.
« Nào còn dám tưởng công-danh,
« Lư-công biết thóp sai binh nã về.
« Làm cho bỏ lúc từ qui, (5)
2240.— « Vu cho phi pháp toan bề tâu gian.

(1) Tảo-văn 早晚 : Sớm, muộn, hoặc sớm hoặc muộn.

(2) Sách Trang-tử : Bể bắc có con cá tên là cá côn 鯢, lớn không biết là mấy nghìn dặm, hóa làm con chim, tên là chim bằng 鹏, lưng như núi Thái-sơn, cánh như đám mây rủ trên trời. Đó là hai vật lớn nhất trên cạn và dưới nước. Đây nói bằng bay còn nhảy là do chữ «bằng đoàn côn vược, 鹏搏鯢躍» ví với bước tương-lai bay nhảy của người ta.

(3) Phi vi 非違 : Ngang trái.

(4) Gian-khi 姦欺 : Gian-dối.

(5) Từ qui 辭歸 : Từ chối trở về.

« Chúng tôi cả quyết làm đơn,
« Muốn vì Bả-ngiễn lo toan giải-bày.
« Nào ngờ tướng-phủ đã hay,
« Canh khuya đuổi đánh, toan bày mưu gian.
« Làm ra vò mủ, xé tàn,
« Cào mình, rạch mặt, vu oan cho người.»
Ngự nghe thấu hết đầu đuôi,
Lư, Hoàng khi ấy những lời tâu sai.
Phán rằng : « Những chúng vô loài,
2250.— « Thương con, kén rẽ, bức người, ép duyên».
Lư tâu rằng : « Việc nhỏ-nhen,
« Tình riêng nhi-nữ lọ phiền hởi-ban ?
« Chàng kia vô phép khi quan,
« Lũ kia đầu ầu (1) xin ban nghị hình. »

LƯ, HOÀNG BỊ GIAO
TAM - PHÁP XÉT

Ngự nghe thấu hết mọi tình,
Tức thì nổi giận lôi-dinh (2) bởi đầu.
Phán rằng : « Gian-đảng hợp nhau,
« Dối trên hại dưới bấy lâu thông đồng,
« Thử xem lòng lại hởi lòng,
2260.— « Thẹn chung mũ-áo, hồ cùng cân-đai.
« Nhảm tai, chẳng nói chi dài,
« Giao Tam-pháp (3) nghị, rạch-ròi sẽ tâu,

(1) ầu 毆打 : Xô đánh,

(2) Lôi-dinh 雷霆 : Sấm sét.

(3) Tam-pháp tức Tam-pháp ty 三法司 : Tòa tam-pháp. Tòa này mỗi khi có việc xét xử gì quan-trọng mới lập, cũng như tòa-án đại hình. Gồm có quan-chức ba tòa là Đô-sát-viện 都察院, Đại-lý-tự 大理寺 và Hình-bộ 刑部 hợp nhau xét nghị, người ta quen gọi là « Ba-tòa ».

- Phùng-công Đô-sát làm đầu,
Thứ nhì Đại-lý, đến sau bộ Hình.
Ba tòa ngồi trước cung-dình (1),
Nha-môn (2) chực dưới, long-dinh (3) đặt trên.
Kia thì bị, nọ thì nguyên,
Một bên sĩ-tử, một bên Lư, Hoàng.
Nọc roi, sắp sẵn hai hàng,
2270.— Sai vào ngục-viện (4) đòi chàng Khâu Khôi.
Phùng-công dạy trước mấy lời :
« Chào Lư Thái-phó (5) đầu đuôi đồng từ ! »
Lư-công nói hãy chờ :
« Tôi cùng ba bác (6) có là người đâu ?
« Tờ bồi ráo-riết chi nhau,
« Rồi ra, tình diện về sau còn dài. »
Quan rằng : « Nói cũng lạ đời,
« Tình trong đã vậy, lý ngoài làm sao.
« Ép duyên sai bắt thế nào ?
2280.— « Việc rành-rành, phải đem vào lời cung.
Lư rằng : « Việc ép thì không,
« Con đây chưa dễ sàng-dòng thiếu người ?

(1) Cung-dình 宮庭 : Sân trong cung, cũng như triều-dình, nơi công-dình.

(2) Nha-môn 衙門 : Tờ thuộc trong dinh.

(3) Long-dinh 龍亭 : Cái án có mui chạm rồng gọi là long-dinh, để đặt những giấy-tờ sắc-chỉ hay đồ-vật gì do nhà vua ban ra cho được tôn-kính.

(4) Ngục-viện 獄院 : Nhà giam.

(5) Thái-phó 太傅 : Một chức quan cao-cấp vào hàng Tam-công 三公.

(6) Ba bác đây là Lư Kỷ gọi ba quan Tam-pháp.

- « Còn như chuyện bắt Khâu Khôi,
« Xưa nay quen vẫn làm rồi mới tâu. »
Ông rằng : « Binh-sự (1) là đầu,
« Đạo làm thần-tử (2) dám hầu tự chuyên ?
« Khi quân (3) tội ấy đã nên,
« Lại còn nhắc chuyện lộng quyền vì phi. (4)
« Bá Cao chết tại tội gì ?
2290.— « Đông Sơ bỏ ngục, tội thì tại ai ? »
Lư rằng : « Sao kể đường dài,
« Hãy cho xong án Khâu Khôi đã mà !
« Bá Cao vờ lại Đông Sơ,
« Tội làm trở đầu quân-cơ (5) bấy giờ.
« Trọng khinh là bởi lượng vua,
« Như đây có dự chi mà can liên ». (6)
Ông rằng : « Liệu đấy mà xem,
« Nếu còn già miệng thì nên mất lòng ! »
Còn đương tra hỏi chưa xong,
2300.— Trông ra đã thấy quan trong, họ
Hoàng. (7)

(1) Binh-sự 兵事 : Việc binh. Lư Kỷ sai đem binh đi bắt Khâu Khôi.

(2) Thần-tử 臣子 : Tôi con.

(3) Lộng quyền vì phi 弄權爲非 : Lộng quyền làm bậy.

(4) Khi quân 欺君 : Dối vua.

(5) Trở đầu quân-cơ 阻遏軍機 : Làm ngăn-trở chậm-trễ việc quân.

(6) Can liên 干連 : Dính-dáng giây-dura đến, liên-lụy, vạ lây.

(7) Họ Hoàng đây là trở vào quan Hoàng-môn 黃門 tức hoạn-quan hay quan Thị, hầu chực ở hậu-cung.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Đem vào đặt trước sảnh-đường,
Long-côn (1) một chiếc, niêm-hoàng (2) một
chương.

Ba tòa tiếp chỉ vôi-vàng,
Mấy lời ỏn-ẻn họ Hoàng đã thừa :
« Đây đồ phụng chỉ ban ra,
« Sao cho tận pháp (3) mới là công minh.
« Già tay xin chớ ngại tình,
« Phen này hai mạng súc-sinh (4) đi đời ».

Phùng-công hỏi thử mấy lời,
2310.— Rỉ tai Hoàng mới khúc-nôi kê bày.
Thừa rằng tôi đã tỏ bày,
« Đông-cung (5) nghĩ chút đạo thầy, toan bênh.
« Mặt rồng nổi giận lời đình,
« Buộc công-pháp lại, gác tình riêng ra.
« Thôi ! thì trời cũng chẳng xa,
« Xưa nay hăm-hại người ta đã đầy ».
Nói rồi mồm miệng, day tay,
Trông Lư Kỷ, lại rút giày ném theo.
Hung-hăng mắng it, nhiếc nhiều,
2320.— Còn the-thế giọng, toan điều nọ kia,

(1) Long-côn 龍棍 : Roi của vua.

(2) Niêm-hoàng 粘黃 : Tờ chiếu chỉ của vua viết bằng giấy vàng và niêm phong lại, nên gọi là « niêm hoàng » cũng như đảng hoàng 勝黃.

(3) Tận pháp 盡法 : Hết phép.

(4) Súc-sinh 畜生 : Giống vật nuôi trong nhà, tiếng khinh-bĩ, đây trỏ Lư, Hoàng.

(5) Đông-cung 東宮 : Cung bên đông, nơi Thái-tử (con cả nhà vua) ở, nên cũng gọi Thái-tử là Đông-cung.

Phùng-công khêu-gọi tử-tê :
« Bố mầy (1) dường có thù gì với ai.
« Tội đâu có phép dấy rồi,
« Can chi mà cứ xoi-xoi nhọc mình ».
Mặt còn men-mét xám xanh,
Được lời, Hoàng mới kể tình xa xưa :
« Rằng tôi có chút cháu nhà.
« Ly Giang-tây đạo (2) tên là Thái Cầu. (3)
« Chứng oan mắc phải mưu sáu,
2330.— « Cũng vì thanh giản (4) lấy đầu nhân
tình ? (5)
« Giặc Hoàng-Thổ trấn dấy binh,
« Ân thông phi (6) ấy, đã dành cho ngay.
« Kiến bỏ miệng chén mau thay,
« Mưu kia đã lắm, vạ này cũng thâm.
Họ Hoàng quen thói thâm-trầm (7)
Ngoài thon-thót miệng, trong tâm-ngầm lòng.
Cầm gươm sẵn chiếc roi đồng,
Dang tay đã diệt Hoàng Tung một hồi.

(1) Các Hoạn-quan theo tiếng xưng hô chữ Hán thường gọi là « Công-công 公公 » hay « lão công 老公 ». Chữ « Bố mầy » phải chăng do những chữ đó dịch chạnh đi.

(2) Ly Giang-tây đạo 離江西道 : Nhậm chức ở đạo Giang-tây.

(3) Thái Cầu. Xem chú-thích ở trên.

(4) Thanh-giản 清簡 : Trong-sạch, giản-dị.

(5) Nhân tình do chữ tổ cá nhân tình 做個人情, ý nói giao-thiệp thù phụng người cho được việc.

(6) Thông phi 通匪 : Giao-thông với giặc.

(7) Thâm-trầm 深沉 : Sâu, chìm, ý nói người sâu-sắc.

Bước ra còn nói mấy lời :

2340.— « Đại-nhân, xin xét một hai cho cùng. »

Ông rằng : « Phải việc nói không,

« Lòng người là sắt, phép công là lò (1).

« Bây giờ còn dám quanh-co,

« Truyền đòi Hình-bộ, hãy cho giữ nghề ».

Dạ rân sát-sạt xa nghe,

Đĩa, giăng thẳng nọc, đuổi, vì-vụt roi. (2)

Một sân thịt nát, xương rơi,

Ngất đi một lúc, lại hồi mấy phen.

Lư, Hoàng biết thế khôn kiềng,

2350.— Xin khoan roi, để việc liền chiêu ra.

Mai, Trần hai án ngày xưa,

Khâu Khôi một án bây giờ, chịu đoan.

Ba tòa một mực truyền ban,

Sai nghiên-bút, lấy cung đoan mấy tờ.

Phùng-công truyền phó canh giờ,

Rồi xem án tấu, đợi chờ xử phân.

Kíp về tư thất dời chân,

Mời chàng Mai với chàng Xuân dặn-dò.

Trời đà chứng kẻ oan vu,

2360.— Trừ gian, may lại phục thù có cơ.

Mặt rồng gang tấc không xa (3),

Giải tình oan-khuất, họa nhờ thiên-ân (4).

(1) Câu này do câu chữ « nhân tâm như thiết, quan pháp như lô 人心如鐵, 官法如爐 ».

(2) Câu này nói nọc thẳng ra như con đĩa và dùng roi xương đuổi cá đuối mà đánh.

(3) Câu này do câu « Thiên uy bất vi nhan chỉ xích 天威不遠顏咫尺 ».

(4) Thiên-ân 天恩 :Ơn trời.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Vâng lời dặn-dỗ ân cần,
Hai chàng thảo sẵn sớ-văn (1) hai bài.

LƯU KỶ, HOÀNG TUNG BỊ
CHÍNH-PHÁP BÊU ĐẦU

Buổi triều vừa rạng ngày mai,
Hơn trăm sĩ-tử chực ngoài hành-lang (2).
Phùng-công tâu án Lư, Hoàng,
Phân-minh trạng chỉ, rõ-ràng tờ cung.
Đường hoàng xem hết thi-chung,
2370.— Phán rằng : « Gian-tặc thông đồng bấy nay.
Bá Cao oan-uổng thương thay !
Đông Sơ bỏ ngục, nào hay tội gì ?
Cửu-trùng hạ chỉ tức thì :
Họ Trần tha tội, lại về chức xưa.
Mai-công oan-khuất xót-xa,
Chẳng hay con-cái bây giờ còn ai ?
Phùng-công tâu trước mấy lời :
« Chuyện nhy chân, giả (3) đèn trời xin soi.
« Trạng-nguyên ấy thực họ Mai,
2380.— « Mà Khâu Bảg-nhân hân-hoai họ Trần. »
Phán rằng : « Một cửa trung-thần,
« Truyền cho hai gã vào sân đàn-trì. »
Lẽ rồi, trước điện đều quì,
Bạch oan (4) sẵn sớ tức thì dâng lên.

(1) Sớ văn 疏文 : Tờ sớ tâu vua.

(2) Hành-lang 行廊 : Dãy nhà ngang chạy dài ở các cung-diện.

(3) Chân, giả 真假 : Thực, dối.

(4) Bạch-oan 白冤 : Tỏ nỗi oan.

Vua Đường xem hết sự duyên,
Phán rằng : « Tung, Kỷ hại hiền bấy lâu.
Truyền đem chính-pháp bêu đầu,
Trạng-nguyên, Bảng-nhân đứng hầu hai bên.
Ban cho phục họ, phục tên,
2390.— Cao minh muôn đời ơn trên chín lần.

TRẦN ĐÔNG SƠ ĐƯỢC THA
RA KHỎI THIÊN-LAO

Suy ra mới biết trời gần,
Chính-tà một bụng, quỷ-thần hai vai.
Gian-thần chưa chắc nầy chồi,
Núi băng khi thấy mặt trời hắt tan. (1)
Trung-trình đâu có mắc oan,
Vẫn trơ cây cứng, không chồn gió lay.
Về sau ngay lại ra ngay,
Khỏi tuần hoạn-nạn, đến ngày biển-vinh.
Lư, Hoàng thực đã đáng tình,
2400.— Đem ra chính-pháp, hành-hình một giây.
Tan-tành thịt nát, xương bay,
Nặng bêu mặt nịnh, đất rây máu tà.
Chán lời kẻ lại, người qua :
Bây giờ thế ấy, thuở xưa thế nào ?
Trần-công ra khỏi thiên-lao,
Ngọ-môn chực sẵn đã vào tạ ân.
Phùng-công mừng-rỡ cố-nhân,

(1) Núi băng do chữ băng sơn 冰山 : Trương Triện đời nhà Đường nói : Các ông coi Dương Hữu-tướng (Dương Quốc Trung) như núi Thái, tôi thì cho là núi băng, hễ mặt trời mọc là tan, các ông trông-cậy được mãi ru !

Mời về tư-thất ân-cần thổ-than.

Rề con sum-hợp một đoàn,

2410 — Người than chuyện trước, kẻ bàn nỗi xưa.

Nhớ-nhung kẻ tóc chân tơ,

Gian-nan là mấy, nương-nhờ những đâu ?

Bao nhiêu tân khổ (1) bấy lâu,

Giật mình đòi lúc, lắc đầu đòi phen.

MAI BẢ CAO

ĐƯỢC QUỐC TẾ

Khi nên mọi việc mọi nên,

Chiếu trời dầu đã tốc truyền tới nơi.

Định ngày ngự tế họ Mai,

Phong làm Thái-bảo, (2) dựng bài liệt-trung.(3)

Trang-nguyên với lại Trần, Phùng,

2420.— Ban quyền Học-sĩ (4) dự phần yếu
thanh. (5)

Còn như Bạng-nhĩn Xuân-sinh,

Làm Đô-ngự-sử, (6) quyền hành hạch tâu. .

Họ Trần, họ Đãng, họ Khâu,

Trật gia tam cấp (7) dợi sâu kén dùng.

Vợ Mai-công, vợ Trần-công,

(1) Tân khổ 辛苦 : Cay đắng,

(2) Thái-bảo 太保 : Một chức quan cao-cấp về Cung-
hàm 宮衛 hàng tam công 三公.

(3) Liệt-trung 烈忠 : Bậc nghĩa-liệt kiên-trung.

(4) Học-sĩ 學士 : Một chức quan văn-học.

(5) Yếu thanh 要清 : Trọng yếu mà thanh-cao.

(6) Đô-ngự-sử 都御史 : Một chức gián quan 諫官.

(7) Trật gia tam cấp 秩加三級 : Chức thêm ba bậc.

- Lại cùng Trần Hạnh, lại cùng Vân Anh. (1)
Phu-nhân nhất phẩm cực vinh,
Khen cho chữ nghĩa, chữ trình một nhà,
Vân Tiên với lại Ngọc Thư, (2)
2430.— Phầm đề đệ nhị, cũng là phu-nhân.
Mai-công khai táng (3) đến tuần,
Hoàng-thân tế điện, triều thần trợ nghi. (4)
Trạng-nguyên nhân tiện đường đi,
Duyên đồ hộ-tống, (5) về quê châu Thường.
Lại ban tuần-thú bốn phương,
Ấn vàng một quả, kiếm vàng một thanh.
Một mình quyền được tiện hành, (6)
Thẳng tay nẩy mực, công-bình cầm cân.
Lại cho về việc đại tuần, (7)
2440.— Hoàn-hôn ngự tứ nghênh thân (8) một
ngày.
Lẳng nghe rõ chiếu năm mây,
Hai chàng vào trước, lạy bầy tạ ân.

(1) Hai vợ Trạng-nguyên Mai Bích.

(2) Hai vợ Bàng-nhân Xuân-sinh.

(3) Khai táng 開葬 : Mả huyết ra mai táng lại cũng như nói cải táng.

(4) Câu này toàn chữ nho 皇親祭奠朝臣助儀, nghĩa là họ nhà vua đến tế điện, quan trong triều đến giúp lễ.

(5) Duyên đồ hộ tống 沿途護送 nghĩa là đi đưa đám theo dọc đường.

(6) Tiện hành, nghĩa là được tiện nghi hành sự 便宜行事, cứ tùy tiện nên làm thế nào thì làm.

(7) Đại tuần 代巡 : Đi tuần-thú thay vua.

(8) Hoàn-hôn ngự tứ nghênh thân 完婚御賜迎親 : Vua cho đón dâu về làm lễ thành-hôn.

Xem ngày ngự tế đã gần,
Cho tin báo trước tăng-nhân dọn chùa.
Trạng-nguyên mặc áo thôi-ma, (1)
Trước vào lễ phạt, sau ra tảo phần. (2)
Điền-nghi (3) khắp mặt triều-thần, (4)
Một tờ dụ-chỉ, (5) ba tuần rượu hoa.
Cột kết thái, trướng rủ là,
2450.— Đền gần chong sập, đỉnh xa bay trầm.
Trống tam nghiêm, (5) nhạc bát âm, (7)
Mấy mâm sinh lễ (8) mấy mâm tư thỉnh. (9)
Sống trung-liệt, thác anh-linh,
Suối vàng thơm phách, mây xanh thỏa hồn.
Đã dành trung hiếu nhất môn, (10)
Ơn vua nhuần gội, tiếng con rõ-ràng.

-
- (1) Thôi-ma 衰麻 : Áo xô gai, áo tang.
(2) Tảo phần 掃墳 : Quét mả.
(3) Điền-nghi : Điền-chương và nghi-thức.
(4) Triều-thần 朝臣 : Các quan trong triều.
(5) Dụ chỉ 諭旨 : Tờ dụ của vua.
(6) Tam nghiêm 三嚴 : Ba hồi. Lúc mới bắt đầu tế, người ta xướng : « Chung cồ các tam nghiêm 鐘鼓各三嚴 » nghĩa là chuông và trống đều đánh ba hồi.
(7) Bát âm 八音 : Tám thứ tiếng về âm-nhạc.
(8) Sinh lễ 牲禮 : Lễ thịt chín như thịt lợn, trâu, dê.
(9) Tư thỉnh 柒盛 : Cỗ xôi.
(10) Trung hiếu nhất môn 忠孝一門 : Trung và hiếu trong một cửa.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

MAI TRẠNG-NGUYỄN

ĐƯỢC ĂN BAN

Tế rồi linh-cửu (1) lên đường,

Trạng-nguyên lĩnh ấn, gươm vàng ra đi.

Tạ ân vào trước tàu qui,

2460.— « Việc công đầu dám bận vì tình riêng.

« Tưởng khi lánh nạn băng miền,

« Theo chân cây có một tên Hỉ Đồng.

« Nghĩ trong thầy tớ xét công,

« Mấy cơn nguy-hiểm, mấy vòng gian-nan.

« Tìm vào nhạc-phụ Hầu Loan,

« Hay đầu cùng với quyền-gian một lòng.

« Cũng toan bắt nộ lấy công,

« Giả hình khi ấy Hỉ Đồng đỡ thay,

« Rày nhờ rộng bước đường mây,

2470.— « Ngâm-ngùi đạo tứ, nghĩa thầy chưa quên.

« Móc-mưa xin tưới cửu-tuyền,

« Gọi là tinh-biêu (2) để đền chút công ».

Vua Đường nghe hết thử-chung,

Khen rằng tiết-nghĩa hiếu-trung một nhà.

Cửa kho ban dựng miếu thờ,

Chức ban Thất-phẩm (3) gọi là tặng phong.

(1) Linh-cửu 靈柩 : Quan tài đựng xác chết gọi là cửu, Linh nghĩa là thiêng.

(2) Tinh-biêu 旌表 : Người có nết tốt, được nhà vua ban khen hoặc bằng biển ngạch, hoặc bằng cờ, hoặc bằng bia nêu ra để làm gương cho người khác bắt-chước, đều gọi là «tinh biểu», như tinh biểu nghĩa phu tiết phụ v. v. — Tinh biểu nghĩa đen là cờ nêu —.

(3) Thất phẩm 七品 : Quan tước của triều-đình có 9 phẩm, từ nhất đến cửu, nhất phẩm là trên hết, cuối cùng là cửu phẩm, mỗi phẩm lại chia ra hai trật là chính và tòng.

Tạ từ năm lạy đèn rồng,
Trở ra rước cữu Mai-công xuống thuyền.
Tiễn đưa xe ngựa như nêm,
2480.— Trống ran mặt đất, cờ liên bóng sóng.
Đồ hiếu-sự (1) vẽ quân-dung (2),
Sông lồng giới-trượng (3), gió tung biển kỳ (4).
Đến đầu quyền được tiện nghi,
Một tay thưởng-phạt (5) hai bề công-minh.

MAI TRẠNG-NGUYỄN

BẢO ÂN BẢO OẢN

Lần lần gió mát trăng thanh,
Thuyền đà tới phủ Đại-danh bao giờ.
Một vài thầy tớ lên bờ,
Dàn tỉnh lại tẻ, giả vờ, hỏi chơi.
Khác hình ai biết là ai,
2490.— Đi lần bỗng thấy một nơi có chùa.
Cửa ngoài thấy có niêm tờ,
Phủ-nha nghiêm-cấm kẻ ra người vào.
Nghĩ riêng chưa biết làm sao,
Xưa nay cửa bịt dễ nào hẹp ai ?
May sao gặp lúc vắng người,
Dời chân sẽ lên vào nơi hậu đường.

(1) Hiếu-sự 孝事 : Việc hiếu, việc tang.

(2) Quân-dung 軍容 : Nghi-vệ của quân đội.

(3) Giới-trượng 械杖 : Khí-giới của quân lính.

(4) Biển kỳ 扁旗 : Biển và cờ, cũng là đồ hành ngời của quân đội, dùng làm biểu-hiệu khi đi đường hay đóng tại đầu.

(5) Thưởng, phạt 賞罰 : Thưởng kẻ có công, phạt kẻ có tội.

- Thấy trong thờ-phụng một giương,
Trông lên bài-vị rõ-ràng Lư-công,
Thái-sư (1) chức-tước đề trong,
2500.— Chữ «Hầu Loan phụng» một dòng đề bên.
Cầm tay cất lấy về liền,
Cười rằng cấm cách nhân-duyên thế này !
Về thuyền, quân đã sắp bày,
Vào tòa sát-viện sai ngay đi đòi.
Nghe quan Tuần-phủ (2) đến nơi,
Hầu Loan mình đã bờ-hồi ước nhờ.
Mấy lời truyền hỏi xa nghe :
« Viên kia có mặt của gì biết chưa ?
« Đồn rằng có ả tiểu-thư,
2510.— « Đông-sàng ngôi ấy bây giờ là ai ? »
Loan nghe chưa hết đầu đuôi,
Rung rung sợ sợ, mở lời không ra.
Thưa rằng : « Có chút gái thơ,
« Mấy năm trước đã chơi xa suốt vàng.
« Chức ti phạm tiểu (3) tầm thường,
« Chẳng hay thượng-hiến, (4) sao tường
duyên-do.

(1) Thái-sư 太師 : Một chức quan tột bậc, đứng đầu tam Thái 三太 (Thái-sư 太師, Thái-phó 太傅, Thái-bảo 太保).

(2) Tuần-phủ 巡撫 : Theo quan-chế Tàu thì Tuần-phủ là chức thay vua đi tuần thú đề phủ an dân-chúng các địa-phương.

(3) Chức ti phạm tiểu 職卑分小 : Chức thấp phận nhỏ.

(4) Thượng hiến 上憲 : Quan trên.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

- « Đến mừng chậm-chạp già nò,
« Dám xin thượng-hiến thứ cho được nhờ.
Quở rằng : « Lộc nước ơn vua,
2520.— « Còn lo thất hiếu mà thờ họ Lư !
« Cả gan còn dám quanh-co,
« Chứ thì bài-vị sau chùa tên ai ?
« Nghi-trưng những chuyện mới rồi,
« Bấy giờ bắt nộp họ Mai, công gì ?
« A-dua chắc những mạnh bè,
« Ai hay quyền ấy lại về tay ai ?
« Ruổi mau lệnh-tiền kỳ-bài, (1)
« Đem ra chinh-pháp, răn người vô lương (2).
Oai trời một lưới tứ phương,
2530.— Rung gan đảng nịnh, ghé xương lũ tà.
Gần gần đã thấu tin nhà,
Châu-công đã khiến người ra đón mời.
Quan quân sắm-sửa tới bời,
Cờ giảng nhất tự (3), trống hồi tam liên (4).
Biển vàng « Tuần-thú đại-thiên » (5),
Một bên bảo-kiếm, một bên lệnh bài.
Phủ Châu thoát đã tới nơi,
Châu-công ra đón cửa ngoài mừng vui.
Phấn vua vẽ rạng cân đai,
2540.— Hà-nam gia-khách vẫn người ngày xưa.

(1) Lệnh tiền, kỳ-bài 令箭旗牌 : đã chú-thích ở trên.

(2) Vô lương 無良 : Không có lương-tâm.

(3) Nhất tự 一字 : Chữ nhất.

(4) Tam liên 三連 : Ba hồi thông.

(5) Tuần thú đại thiên 巡狩代天 : Thay vua đi tuần thú.

Quan cựu lại, bực tân khoa,
Tình nhạc-phụ, nghĩa ân-gia vương tròn.
Tiệc rồi giải chuyện hàn-ôn,
Gấm chen vẻ quý, rượu ngon giọng tình.
Sinh rằng : « Nhờ phận khoa danh,
« Quốc-gia ơn rộng, môn-dinh thơm lây.
« Chiếu trời đã tỏ năm mây,
« Xong tuần đại thú, đến ngày nghênh thân.
« Khâm-kỳ (1) nghe đã gần gần,
2550.— « Một nhà xin liệu, định tuần lại kinh ».
Bước vào làm lễ gia-dinh,
Tạ từ sinh đã khởi trình trở ra.
Tình cố-hữu, nghĩa thông-gia,
Ông đà sửa lễ, cho đưa theo thuyền.
Xuôi giòng nước chảy như tên,
Buồm giòng thoát đã tới miền Thường-châu.
Gieo neo kề bến mã-dầu (2),
Sửa-sang nhà trước, vườn sau mấy tuần.
Cho tin đi đón mẫu-thân,
2560.— Sơn-dòng nhà cậu cũng gần chẳng xa.
Mấy ngày bà đã tới nhà,
Ruột dò chín khúc, lệ sa đôi hàng.
Vật mình lặn trước linh-sàng (3),
Khúc oan kẻ-lễ, nỗi thương ngậm-ngùi.
Nhìn chàng, than-thở mấy lời,

(1) Khâm-kỳ 欽期 : Kỳ-hạn đi khâm-mạng.

(2) Mã-dầu 碼頭 : Bến tàu đỗ.

(3) Linh-sàng 靈床 : Giường thờ người chết gọi là linh-sàng, nghĩa là cái giường thiêng, cũng như quạ-tài gọi là linh-cữu.

Nghĩa sâu mầu-tử, tình dài biệt-ly.

Ôm quan khóc-lóc năn-nì,

Nghĩa phu-phụ những nặng vì nước non.

Thăm chổng thời lại mừng con,

2570.— Thức cười nước mắt, ngủ hồn chiêm-bao.

Sinh rằng : « Chín chữ cù-lao, (1)

« Bể sâu mấy trượng, trời cao mấy trùng.

« Bấy lâu nam bắc tây đông,

« Bước chân xa cách, tắc lòng quần đau.

« Trời cho rày được tụ đầu,

« Nợ xưa nhẹ gánh, phúc sau đền phần.

« Con vâng vương-mệnh tại thân, (2)

« Vinh-qui, hối táng, đại tuần, một phen.

« Rồi đây táng tế cho yên,

2580.— « Mầu-thân xin rước xuống thuyền lai
kinh.

« Chẳng lâu con cũng khởi-hành,

« Trước lâu ngũ-phượng đại thành lễ thân ».

Mấy ngày táng sự đến tuần,

Đã tìm đất tốt phong-phần một nơi.

Chiếc bia « trung-liệt » dựng ngoài,

Đá xanh tạc lấy được ngày treo trên.

(1) Câu này do câu « ai ai phụ-mẫu sinh ngã cù-lao 哀父母, 生我劬勞 » nghĩa là thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc ; trong thơ Lục-ngã 蓼莪 kinh Thi có chín chữ nói về công khó-nhọc của cha mẹ đối với con, cho nên ta thường nói « chín chữ cù lao » hay là « cửu tự cù lao 九字劬勞 » cũng thế.

(2) Vương-mệnh tại thân 王命在身 ; mệnh vua ở mình, nghĩa là mình mang mệnh-lệnh của nhà vua.

Thành phần nóc rạp kéo lên,
Ba vòng giáo đóng, hai bên thái kỳ.
Tầng trong bày-đặt uy-nghi,
2590.— Ngâm tấm hơi miệng, kéo rề bước chân.
Tiêu thiều nhã nhạc (1) xa gần,
Tam huyền nhịp-nhất, song vắn tiếng khoan.
Đồ diều-phủng, lễ ngự ban,
Mấy mâm ngũ-thực, mấy bàn tam-sinh. (2)
Chữ vàng đề trước minh-tinh, (3)
Đường triều Thái-bảo (4) chính danh rõ-ràng.
Quan quân tiền kiệu kéo hàng,
Hạ-liêu (5) mấy lũ, bộ đường mấy ban.
Trạng-nguyên đi trước phù-quan (6).
2600.— Phu-nhân nổi kiệu buồng mành phương-
du.
Lập lảng mấy gốc tùng-thu (7),

(1) Tiêu thiều nhã nhạc 蕭韶雅樂: Sáo và nhạc thiều là đồ nhã nhạc cũng như âm-nhạc.

(2) Ngũ-thực có lẽ là ngũ quả hay ngũ cốc? Tam sinh 三牲: lễ thịt trâu, dê, lợn.

(3) Minh tinh 銘旌: Cờ nêu. Đó là một tấm lụa hay vải đỏ, người ta dùng phần trắng viết quan-chức, họ tên người chết, treo vào một cái giá hay một cần nêu dẫn đi trước cửa trong khi đưa ma. Lúc hạ huyệt thì đem tấm lụa ấy phủ lên trên mặt cửa. (Ngô học lục).

(4) Thái-bảo là chức của vua Đường truy-tặng Mai-công.

(5) Hạ-liêu 下僚: quan dưới, tức thuộc viên,

(6) Phù-quan 扶棺: phò quan-tài.

(7) Tùng-thu 松楸: cây thông và những cây về loài thông, người ta quen trồng tại nơi lăng mộ.

- Một vùng sáng-khải (1) đắp mồ ngư-miên (2).
Bấy lâu táng lễ vừa yên,
Phu-nhân đã giục xuống thuyền đi kinh.
Trạng-nguyên cứ việc tuần hành,
Nghì-trung vừa mới nhật trình tới ngay.
Lạ quen cũng một miền này,
Sao xưa trốn-tránh mà rày hiền-dương ?
Thoảng qua sức nhớ mọi đường,
2610.— Chợt lòng lại động tấm thương Hỉ Đồng.
Tra ra tri-huyện Sứ-công (3),
Môn-sinh Lư Kỷ cũng vòng quyền gian.
Sá chi mọn mảy xẻ đàn,
Nhiều cho tính-mệnh lại hoàn thứ-nhân (4).
Công-lệnh nhờ đến Đồ Thân,
Cho làm huyện-lệnh đền ân tấm lòng.
Bắc-môn ghi mả Hỉ Đồng,
Dựng bia đá, lấy sắc phong tạc liền.
Lại truyền sửa rap một bên,
2620.— Trước mồ tế điện một phen thân hành.
Khóc than kể hết mọi tình ;
« Có công-danh ấy vì mình chớ ai.

(1) Sáng-khải 塋 爽 : sáng sửa cao-ráo.

(2) Ngư miên 牛眠 : Đào-Khản mất con trâu, có người bảo : Trên gò núi kia có một con trâu nằm, chỗ đất ấy mà táng được sẽ phát được đến cực-phẩm. Vì thế người ta gọi huyết quý là «Ngư-miên» nghĩa là trâu nằm.

(3) Sứ-công (?) tên người. Tên viên Tri-huyện là môn-sinh — môn-hạ — Lư-kỷ.

(4) Không bỏ giết, chỉ cách chức đuổi về làm thứ nhân 庶人.

- « Vì ta trót đã thiệt đời,
« Đền công, ta cũng nhớ lời khẩn xưa ».
Bản-khoản đường đất cách xa,
Giao Đồ Thân, tự bấy giờ giữ coi.
Phỏng sau kể tự còn dài,
Họ Đồ nhường lại một người họ Vương,
Gọi là phụng tự khói hương,
2630.— Ấy là trọn hết mọi đường thử-chung.
Đồ Thân vàng dạy ghi lòng.
Đem con bèn cải Hỉ Đồng họ Vương.
Lại tìm đến chốn phật đường,
Truyền đem áo tía, xe vàng nghênh sư.
Tái-sinh (1) may có ơn xưa,
Khẩu đầu bách bái (2) tạ thừa mấy lời.
Chàng từ ân oán rạch-rời,
Cắt không gánh nặng, tát voi bể sâu.
Tuần-hành mọi chốn đầu đầu,
2640.— Trong lòng phép nước, trên đầu ơn vua.
Công không sót, tội không tha,
Phân hào chẳng lẫn, tóc tơ nào lằm.
Mấy phen mực nầy, cân cầm,
Trong veo lại tẻ, nổi bông dân ca (3).

SAU KHI ĐI TUẦN - THỨ
TRẠNG-NGUYỄN TRỞ VỀ KINH

Lần lần đông lại xuân qua,

- (1) Tái-sinh 再生 : Sống lại.
(2) Khẩu đầu bách bái 叩頭百拜 : Cúi đầu trăm lạy,
(3) Ý nói những tệ-hại về quan tham lại những điều tày
trong veo làm nổi bật lên những tiếng ca-tụng ở trong đám
dân chúng.

Một vòng tuần-thủ tinh đà khắp quanh.
Định ngày phục-mệnh lai kinh,
Sớ-văn một tập, hiện thành tâu lên.
Chín lần đã động tiếng khen,
2650.— Tắc lòng công-chính, mấy phe nhọc-nhần.
Trên vì nước, dưới vì dân,
Ban cho cực-phẩm Tề-thần (1) đền công.
Truyền Khâm-thiên-giám (2) hội-đồng.
Chọn ngày đại-cát (3) động phòng nghênh thần.
Trạng-nguyên thay áo Tề-thần,
Dưới thềm năm lạy tạ ân khấu đầu.
Nhàn chơi lui lới thiếu đầu,
Phủ Trần đi lại, phủ Khâu ra vào.

HAI ĐAM CƯỜI

LONG - TRỌNG

Trời xuân minh mị (4) thế nào,
2660.— Lưỡi oanh riu-rít, bông đào so le.
Phượng-lâu (5) sắp-sẵn lễ-nghi,
Khâm-thiên đã định nhật kỳ tư ra.
Tháng ba vừa bữa mồng ba,

(1) Cực-phẩm Tề-thần 極品宰臣: Chức Tề-thần — Tề-tướng — tốt bậc, tức là chức Thủ-tướng đứng đầu hàng bách quan.

(2) Đại-cát 大吉: Rất tốt, tốt nhất.

(3) Khâm-thiên-giám 欽天監: Tòa Thiên-văn, coi việc làm lịch, xem ngày, chiêm-nghiệm khí-hậu...

(4) Minh mị 明媚: Tươi-sáng đẹp-dẽ.

(5) Phượng lâu 鳳樓: Lầu phượng.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Là ngày Hoàng-đạo, là giờ thiên-ân (1).
Xiết bao khí ngoạn kim-ngân (2),
Phủ Mai lĩnh trước, phủ Trần lĩnh sau.
Bạc, vàng, ngà, ngọc, thiếu đầu,
Cung-hương, mã-náo, minh-châu, mảy bàn (3).
Rỡ-ràng phẩm-phục mới ban,
2670.— Mãng-bào hai bộ, hoa-quan bốn tòa (4).
Hôm sau vừa rạng mồng ba,
Cao cao lầu phượng, xa xa mặt rồng.
Ngai vàng thăm-thăm bên trong,
Bách quan văn-võ hội-đồng bấy lâu.
Trạng-nguyên trước, Bạng-nhãn sau,
Yết câu vạn tuế, khẩu đầu lay xa.
Ban cho ngự tửu, cung-hoa (5),
Hai yên ngựa trước, bốn tòa kiệu sau.

(1) Hoàng-đạo 黃道 : Theo «Hiệp-kỷ Biện-phương». Hoàng-đạo là một ngày tốt, cứ những ngày trực : trừ, nguy, định, chấp, thành, khai 直, 除, 危, 定, 執, 成, 開 là ngày Hoàng-đạo. Thanh-long, Minh-đường, Kim-quí, Thiên-đức, Ngọc-đường, Tư-mệnh 青龍, 明堂, 金匱, 天德, 玉堂, 司命 là 6 giờ của Hoàng-đạo.

Thiên-ân 天恩 : Một ngôi sao tốt trong cung số Tử-vi, giờ Thiên-ân là giờ tốt vì có sao Thiên-ân chiếu.

(2) Khí ngoạn kim ngân 器玩金銀 : Đồ dùng đồ chơi bằng vàng bằng bạc.

(3) Cung-hương 宮香, mã-náo, 碼瑙, minh-châu 明珠 đều là những thứ quý.

(4) Mãng bào 蟒袍, hoa quan 花冠 : Áo thêu rằn, mũ giát hoa, đều là phẩm-phục cao cấp.

(5) Ngự tửu 御酒 : Rượu vua ban, Cung hoa 宮花 : Hoa trong cung.

- Trước sau phân đạo ruổi mau,
2680.— Phủ Trần nhộn-nhip, phủ Châu linh-dinh.
Thiếu gì về quý màu thanh,
Rõ-ràng kết thái, rập-rình trương dăng,
Hai bên tiếp-đãi tung-bùng,
Nhạc râm-rỉ vỗ, hương lừng-lẫy xông.
Khéo là thu xếp cũng thông,
Châu-công đã hợp Trần-công một nhà.
Mai-sinh lạy bốn ông bà,
Bên là công để, bên là công nuôi.
Vân Anh, Trần Hạnh hai người,
2690.— Cung-trang (1) sắm-sửa cùng ngồi kiệu
hoa.

- Bên kia Khâu-phủ xa xa,
Xuân-sinh giống ngựa cũng vừa tới nơi.
Ông bà Khâu-thị cùng ngồi,
Chàng vào tám lễ, lễ rồi bước ra.
Giường bên bốn lạy Ngự-bà,
Tình là bán-tử, nghĩa là tái-sinh.
Vân Tiên, Châu Ngọc sắm-sanh,
Kiệu đà ghé bến trước bình cùng lên.
Vừa xong lễ sính (2) đôi bên,
2700.— Trước sau một lũ kéo liền thẳng dong.
Trạng-nguyên ngựa trước song song,
Khác nào như thể cỡi rồng lên tiên.
Ngựa sau Bổng-nhấn theo liền,
Giải đào chân đề, nệm sen mình ngồi.

(1) Cung-trang 宮裝 : Ăn-vận theo lối trang phục trong cung vua, như các phi-tần.

(2) Lễ sính 禮聘 : Lễ cưới.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Rườm-rà chân chỉ hạt trai,
Vàng xuy miệng hậu, cừ nhồi mã yên.
Nổi sau bốn kiệu kéo liền,
Tám đòn nhận ngọc, bốn bên buông rèm.
Liều-hoàn, chị chị, em em,
2710.— Chạy gần che quạt, theo chen ôm lò.
Kiệu hoa nhẹ bước từ từ,
Kiệu theo ngựa trước, ngựa chờ kiệu sau.
Vòng ngoài nhộn-nhịp quân hầu,
Ngựa trông đã thấy phượng lâu dưới thềm.
Khen rằng sáu gã thanh-niên,
Trái tài gái sắc, hai bên kịp thì.
Thơ đào ngợi chữ vu-qui, (1)
Ban thêm châu ngọc cho về thành thân.
Đôi tài-tử, bốn giai-nhân,
2720.— Phủ Mai bài-trí, phủ Trần sửa-sang.
Đuốc hoa, màn gấm, sẵn-sàng,
Định ngôi gửi rể, chia buồng đông tây.
Rượu mừng mặt, lễ bắt tay,
Nơi vui bàn ngọc, nơi vầy cuộc tiên.
Rạng mai vào lễ thánh tiền, (2)
Ban cho bồi yến ngự diên (3) hai chàng.
Thiên-nhan gần-gũi tấc gang,
Nến hoa đối mặt, chén vàng trao tay.

(1) Thơ Đào Yếu 桃夭 trong kinh Thi có câu « chi tử vu qui, nghi kỳ gia nhân 之子于歸宜其家人 » : Người ấy về nhà chồng hòa thuận với mọi người trong nhà :

(2) Thánh tiền 聖前 đây nói trước mặt vua.

(3) Bồi yến 陪宴 : Hầu tiệc ; ngự diên 御筵 : Chiều rượu nhà vua. Tiệc vua ban.

- Tiệc vui châu-chức tối ngày,
2730.— Lại ban ngự-chức đưa ngay đến lầu.
Dần-dà cách mấy đêm sau,
Ban đòi tân phụ vào châu từ cung.
Bốn nàng dự yến đèn trong.
Ân vua gọi thắm, tiếng chồng thơm lây.

HẠNH - PHÚC GIA - ĐÌNH
CỦA HAI HỌ MAI, TRẦN

- Rời ra yến-âm mấy ngày,
Khi vui Mai-phủ, khi vầy Trần-gia.
Mời nhau lần-lượt tiệc hoa,
Thôi bèn Trần-thị, lại tòa Khâu-công.
Phong-lưu phú-quí cùng chung,
2740.— Bỏ ngày truân-hiêm (1), bỏ công sách đèn.
Hai tài-tử, bốn thuyền-quyên,
Tiếng người mời, vẫn người quen bao giờ.
Đàn trước gió, rượu bên hoa,
Cầu thơ trong tuyết, cuộc cờ dưới trăng.
Xướng tùy đều giữ đạo hằng, (2)
Một nhà hảo-hợp (3) dễ chắng mấy người.
Có phen ôn chuyện trùng-đài,
Có phen nhắc chuyện thoa rơi nức cười,
Có phen nhắc chuyện lời-thôi,
2750.— Đến Chiêu Quân diện thuở đời Hán-gia. (4)

(1) Truân-hiêm : Gian-nan hiêm-trở.

(2) Xướng tùy bởi chữ phụ xướng, phụ tùy 夫唱婦隨 : Chồng xướng-xuất, vợ noi theo.

(3) Hảo hợp bởi câu « thê tử hảo hợp, như cô sắt cầm 妻子好合如鼓瑟琴 » : Vợ con hòa-hợp, như gảy đàn sắt đàn cầm.

(4) Hán gia 漢家 : Nhà Hán.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Kìa nhà ngũ quế (1), nọ sân bát đồng (2).
Đời đời khoa-mục đỉnh-chung,
Rõ nền thi-lễ, nổi dòng thư-hương.
Hiếu, trung, tiết, nghĩa đủ đường,
Dựng bia muôn kiếp, đề gương nghìn đời.

ĐOẠN KẾT

Cho hay trời cũng ngời rồi,
Tuần-hoàn đem lại vòng dài rút chơi.
Dữ, lành bỏ lửng mà coi,
2780.— Sắp đầu vào đấy chẳng sai phân hào !
Gian-tà chớ vội bảnh-bao,
Tung lên cho đến, buộc vào tự nhiên.
Trước dù lỏng-lẻo dường thiên,
Sau càng ráo-riết, mới tin tay già.
Trung-lương còn bỏ lửng-lơ,
Xoay trăm nghìn cấp, thử ba bốn lần.
Hãy cho đeo-dăng đủ phần,
Rõ lòng sắt đá liệu dần gỡ cho.
Voi chẳng dễ, dễ thì to,
2790.— Bấy giờ mới rõ thực lò Hóa-công (3)

(1) Ngũ quế 五桂 : Năm cành quế. Đẩu Vũ Quân 董禹鈞 hiệu là Yên Sơn 燕山, dạy 5 con trai đều hiền đạt, có thơ khen rằng : « Linh thung nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương 靈椿一株老, 丹桂五枝芳 ». Nghĩa là : Một gốc linh thung già, năm cành đan quế thơm.

(2) Bát đồng 八桐 : 8 cây đồng. Họ Hàn có 8 anh em đều phát đạt. Người ta khen rằng « Hàn-gia bát đồng 韓家八桐 », 8 cây đồng nhà họ Hàn.

(3) Câu này do câu « Thiên-địa vi lô, tạo-hóa vi công 天地爲爐造化爲工 », Trời đất là lò, tạo-hóa là thợ.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Truyện này xem thấu thỉ-chung,
Suy ra mới biết trời không có lầm.
Dữ, lành trong một chữ tâm,
Cơ thâm thì họa cũng thâm là thường (1).
Vi hay tu tỉnh mọi đường,
Trước dù chịu thiệt, sau càng thấy hơn.
Bàn riêng mấy bạn kim-lan,
Phường ta bắt quá sần-sàn bạc trung.
Dở dàu như Kỷ như Tung,
2800.— Hay dàu vi với Mai-công mà rằng.
Bình cư giữ lấy đạo hằng (2),
Hễ người trung-chính xin đừng tự khi (3).
Đã là nam tử tu my (4).
Vào vòng công-nghiệp, ấy thì có vua.
Mới hay từ tóc đến tơ,
Miếng cơm, tấm áo, cũng nhờ quân-ân.
Sao cho được chữ trung-thần (5),
Thờ vua chớ có vị thân (6) mới đành.
Thế rồi trời cũng có mình,
2810,— Lo gì phúc-hậu, công-danh kém người.

(1) Câu này do chữ mưu thâm họa diệc thâm 謀深禍亦深.

(2) Bình cư 平居 : Lúc ở thường. Đạo hằng 道恆 : Đạo thường.

(3) Tự khi 自欺 : Mình tự dối mình.

(4) Nam-tử 男子 : Con trai, tu-my 鬚眉 : Râu mày.

(5) Trung thần 忠臣 : Bầy tôi trung.

(6) Vị thân 為身 : Vì mình.

TRUYỆN NHỊ ĐỘ MAI

Phòng văn nhân buổi ngồi rồi,
Học đòi tập-tễnh mấy lời nô-m-na.
Trước là rõ kẻ trung, tà,
Sau là ta dặn lấy ta mọi bề.
Biết bao lời kịch tiếng quê,
Thôi thôi bất quá là nghề mua vui !

= CHUNG =

**XIN QUÍ VỊ VUI LÒNG GỬI THƠ VỀ CHÚNG
TÔI ĐỂ NHẬN ĐƯỢC DANH SÁCH ĐẦY ĐỦ.**

**CHÚNG TÔI CẦN MUA LẠI SÁCH CŨ MANG THEO TỪ
VIỆT NAM HOẶC MƯỢN LẠI CÓ ĐIỀU KIỆN.**

Xuân Thu

Cơ Sở Ấn Loát và Phát Hành Đồ Loại Sách, Tiểu Thuyết, Tậ Bản Thông Dụng
Phục Vụ Cộng Đồng Người Việt Tại Hoa Kỳ và Hải Ngoại Từ Năm 1976
P.O. Box 720065, Houston, Texas 77272 U.S.A. (713) 498-1474

Đắc kỳ sở-nguyên mới là cốt yếu

Những nỗi lòng thắc-mắc của bậc lão-thành và cả thanh-niên, thiếu-nữ.

Thanh-niên : Cưới vợ, bạn sẽ chọn thiếu-nữ nào ?

Làm sao cho được đắc kỳ sở-nguyên ?

Thiếu-nữ : Lấy chồng, cô sẽ chọn thanh-niên thế nào ?

Làm sao cho chồng vợ hòa, gia-đạo thành ?

Lão-thành : Nuôi con những ước về sau !

Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi.

XIN QUÝ - VỊ HÃY ĐỌC SUỐT QUYỀN

NGỌC - HẠP CHÁNH - TÔNG

Là một quyền sách rất cần cho mỗi gia-đình, vì quyền **Ngọc-Hạp Chánh-Tông** lựa chọn các tuổi lấy nhau cho được hòa-hợp đúng theo sách cổ-truyền và cũng đúng theo lý-số-học.

Thế nào là hòa-hạp ?

Thế nào là xung khắc ?

Có cả những bài rất quan-hệ về vận-số của Nam và Nữ, rất đúng như số Tử-Vi và Tam-Thế Diên-Cầm cổ điển.

Có lựa chọn sẵn những ngày giờ quan trọng về cưới gả, xây dựng nhà cửa, v.v...

VỀ ĐỊA-LÝ

Chỉ sẵn những tuổi nào trở cửa nhà hướng nào mớiặng phù-hợp, năm nào nên tu-tạo nhà cửa, v.v...

Cụ Trạng-Trình của nước Việt-Nam trong lúc sanh bình cũng phải công-nhận là đúng.

Hoàn-toàn khoa-học huyền-bí.

Do ông **Viên-Tài** Tu-sĩ Tịnh-Độ-Tông soạn thảo. Ông Viên-Tài ở trong nghề 20 năm và đã gầy dựng cho nhiều gia-đình danh-gia vọng-tộc và khoa Lý-số. Ông Viên-Tài chơn-thật phụng-sự khoa-học huyền-bí.
